

Tuần: 1

Tiết: 1

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

TÊN BÀI DẠY

Bài 1. THIẾT BỊ VÀO – RA

Môn: Tin học. **Lớp:** 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Sau bài học này em sẽ:

- Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau.
- Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.
- Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.
- Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lý thông tin.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Biết và nhận ra được các thiết bị vào – ra.**
- **Biết được chức năng của thiết bị vào – ra.**
- **Biết sử dụng các thiết bị thông dụng của máy tính.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm Thiết bị vào – ra.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra ví dụ về: Thiết bị vào – ra, cách sử dụng thiết bị an toàn.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách, gây ra lỗi cho thiết bị.

2.2. Năng lực Tin học

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.

- Kể được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.
- Biết sử dụng thiết bị một cách an toàn và có trách nhiệm.

- Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Biết sử dụng các thiết bị thông dụng của máy tính.**

3. Về phẩm chất:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị.

Trách nhiệm: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần giải quyết là các thiết bị vào - ra là một trong bốn thành phần của máy tính hỗ trợ con người xử lý thông tin.

b. Nội dung: HS nêu một số thiết bị vào – ra mà em biết.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời các thiết bị vào - ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu sơ đồ xử lý thông tin của máy tính đã học ở lớp 6, yêu cầu HS ví dụ một số thiết bị vào – ra.

Đối với HS Phan Thanh Duy: Nêu 3 thiết bị máy tính.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện cá nhân

- **Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS trình bày. HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận, đặt vấn đề vào bài mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Thiết bị vào – ra:

HD 1.1. Phân biệt thiết bị vào, thiết bị ra.

a. Mục tiêu: Giúp học sinh phân biệt được thiết bị vào, thiết bị ra.

b. Nội dung: Phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.

Câu 1.

- Thiết bị vào: chuột, micro, bàn phím, Camera, máy scanner, Ipad.

- Thiết bị ra: màn hình, tai nghe, máy in, loa, Ipad.

Câu 2. thiết bị vào

Câu 3. thiết bị ra

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu, tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp.

- Chia nhóm HS.
- Phát phiếu học tập số 1 cho học sinh.

Đối với HS Phan Thanh Duy: GV cho em chỉ trực tiếp trên màn hình từ 1 đến 3 thiết bị vào – ra.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo.
- HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

* **Ghi nhớ:**

- Thiết bị vào được dùng để nhập thông tin vào máy tính.
- Thiết bị ra xuất thông tin từ máy tính ra để con người nhận biết được.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:.....



1. Dựa vào hình trên em hãy phân loại:

- **Thiết bị vào:**

.....
.....

- **Thiết bị ra:**

.....

.....
Câu 2. Thiết bị nào tiếp nhận thông tin và chuyển vào máy tính?
.....

Câu 3. Thiết bị nào nhận thông tin từ máy tính đưa ra bên ngoài ?
.....

HD 1.2. Sự đa dạng của thiết bị vào – ra

a. Mục tiêu: HS nhận ra được thiết bị vào – ra có nhiều loại nhằm đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.

b. Nội dung: Phiếu học tập số 2.

c. Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.

Câu 1:

- Thiết bị vào:

- + Chuột: làm việc với thông tin dạng lệnh
- + Micro: làm việc với thông tin dạng âm thanh
- + Camera: làm việc với thông tin dạng hình ảnh, âm thanh
- + Bàn phím: làm việc với thông tin dạng văn bản
- + Máy scanner: làm việc với thông tin dưới dạng hình ảnh
- + Ipad: Làm việc với thông tin dưới dạng hình ảnh, âm thanh, video, ...

- Thiết bị ra:

- + Màn hình, máy in: làm việc với thông tin dạng văn bản, hình ảnh
 - + Tai nghe, loa: làm việc với thông tin dạng âm thanh
 - + Ipad: Làm việc với thông tin dưới dạng hình ảnh, âm thanh, video, ...
- Thiết bị có cả hai chức năng vào và ra là Ipad

Câu 2: Máy chiếu là thiết bị ra, làm việc với dạng thông tin hình ảnh.

- Bộ điều khiển game là thiết bị vào.

Câu 3: Màn hình cảm ứng có cả hai chức năng vào và ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh trong phiếu học tập 1 lên màn hình và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Mỗi thiết bị vào – ra trong hình trên làm việc với dạng thông tin nào?

Câu 2. Máy chiếu, bộ điều khiển game là thiết bị vào hay ra?

Câu 3. Màn hình cảm ứng là thiết bị vào, thiết bị ra hay có cả 2 chức năng?

Đối với HS Phan Thanh Duy:

+ Chuột, bàn phím, màn hình: làm việc với thông tin dạng gì?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện cá nhân.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

- Các thiết bị vào – ra có nhiều loại, có những công dụng và hình dạng khác nhau.

2.2. An toàn thiết bị

HĐ 2.1. Kết nối thiết bị vào – ra

a. Mục tiêu: HS biết thao tác lắp ráp đúng cổng kết nối và đúng trình tự để không gây sự cố cho thiết bị.

b. Nội dung: HS lắp các thiết bị vào cổng trên cây máy tính.

c. Sản phẩm: HS lắp đúng thiết bị vào cổng máy tính.

Câu 2. Việc cung cấp nguồn điện cho máy tính cần được thực hiện sau khi hoàn thành các kết nối khác để tránh bị điện giật hoặc xung điện làm hỏng thiết bị.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu các thiết bị và cổng của cây máy tính (sử dụng mô hình thật), yêu cầu HS lắp ráp các thiết bị vào đúng cổng.



Đối với HS Phan Thanh Duy: yêu cầu lắp ráp 1 thiết bị vào đúng cổng.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Đại diện HS thực hiện trước lớp.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

HĐ 2.2. An toàn khi sử dụng thiết bị máy tính

a. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng, lắp ráp thiết bị máy tính an toàn.

b. Nội dung: Phiếu học tập số 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm:.....

Em hãy đánh dấu ✓ vào ô việc nào nên làm và không nên làm

Một số việc làm khi sử dụng máy tính	Nên làm	Không nên
Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng thiết bị		
Đề đồ uống gần chuột, bàn phím, thẻ nhớ,...		
Tắt máy tính bằng cách ngắt điện đột ngột		
Rút điện trước khi lau, dọn máy tính		
Chạm vào phần kim loại của máy tính		
Giữ bàn tay khô, sạch khi sử dụng máy tính		
Gõ phím dứt khoát nhưng nhẹ nhàng		
Tác động lên màn hình bằng các vật sắc, nhọn		
Sử dụng nút lệnh Shut down để tắt máy tính		
Thao tác tùy tiện, không theo hướng dẫn		
Nối máy tính với máy in khi một trong hai máy đang bật nguồn		
Đóng mọi tài liệu và ứng dụng trước khi tắt máy tính		

c. Sản phẩm:

Nên làm	Không nên
Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng thiết bị	Thao tác tùy tiện, không theo hướng dẫn
Rút điện trước khi lau, dọn máy tính	Đề đồ uống gần chuột, bàn phím, thẻ nhớ,...
Giữ bàn tay khô, sạch khi sử dụng máy tính	Tác động lên màn hình bằng các vật sắc, nhọn
Gõ phím dứt khoát nhưng nhẹ nhàng	Tắt máy tính bằng cách ngắt điện đột ngột
Sử dụng nút lệnh Shut down để tắt máy tính	Chạm vào phần kim loại của máy tính
Đóng mọi tài liệu và ứng dụng trước khi tắt máy tính	Nối máy tính với máy in khi một trong hai máy đang bật nguồn

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập 2.

Đối với HS Phan Thanh Duy: GV cho trả lời 2 việc nào nên làm và không nên làm

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc nội dung trong SGK và rút ra kết luận những việc nên và

không nên làm khi lắp ráp, sử dụng thiết bị máy tính.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

Ghi nhớ:

- Đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất trước khi sử dụng thiết bị.
- Kết nối các thiết bị đúng cách.
- Giữ gìn nơi làm việc với máy tính gọn gàng, ngăn nắp, vệ sinh, khô ráo.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập lại các khái niệm, phân biệt thiết bị vào – ra; cách sử dụng thiết bị an toàn.

b. Nội dung:

1. Một số tai nghe có gắn micro sử dụng cho máy tính là loại thiết bị gì?

A. Thiết bị vào

B. Thiết bị ra

C. Thiết bị vừa vào vừa ra

D. Không phải thiết bị vào – ra.

2. Máy tính của em đang làm việc với một tệp trên thẻ nhớ. Em hãy sắp xếp lại thứ tự các thao tác sau khi tắt máy tính an toàn, không làm mất dữ liệu.

a) Chọn nút lệnh Shutdown để tắt máy tính.

b) Đóng tệp đang mở trên thẻ nhớ

c) Chọn “Safe To Remove Hardware” để ngắt kết nối với thẻ nhớ

d) Lưu lại nội dung của tệp.

c. Sản phẩm: Câu 1: C Câu 2: d – b – c – a.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi

Đối với HS Phan Thanh Duy: tai nghe có gắn micro là loại thiết bị gì?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng vào các tình huống thực tế để trả lời trang 9 sgk.

b. Nội dung: 3 câu hỏi ở trang 9 sgk

c. Sản phẩm:

Câu 1. Qua màn hình theo dõi, em thấy có một người đứng trước camera an ninh. Họ không biết em đang theo dõi họ. Vì camera an ninh chỉ là thiết bị vào. Nó thu hình ảnh trước ống kính và gửi đến nơi em đang theo dõi mà không cho người đứng trước ống kính biết nó gửi thông tin đi đâu, cho ai.

Câu 2. Virus từ máy tính gây ra lỗi của máy in. Máy in là thiết bị ra. Không có cách nào để đưa virus vào máy in mà không qua máy tính vì mọi hoạt động của máy in đều do máy tính điều khiển. Khi tắt máy in, bộ nhớ của nó sẽ bị xoá hết. Vì vậy, em cần diệt virus ở máy tính vì máy in không có virus.

Câu 3. Gợi ý: Mỗi nội dung cụ thể trong nội quy phòng máy là một quy tắc giúp các bạn sử dụng phòng máy tính an toàn và có trách nhiệm.

- Đến phòng đúng giờ, ra vào trật tự, ngồi đúng vị trí.
- Không mang các đồ ăn uống, xả rác ra phòng.
- Không tự thay đổi, tháo bỏ các thiết bị máy tính.
- Không tự ý cài đặt hoặc gỡ bỏ phần mềm trên máy tính.
- Khi sử dụng xong phải tắt máy tính đúng cách, để lại bàn phím ngay ngắn, vệ sinh sạch sẽ....

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ học sinh về nhà trả lời câu hỏi SGK.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu câu hỏi để trả lời.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

Tuần: 2

Tiết: 2

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

Bài 2. PHẦN MỀM MÁY TÍNH

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Sau bài học này em sẽ:

- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành.
- Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.
- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng.

- Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Biết được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về khái niệm hệ điều hành, phần mềm ứng dụng,...
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra khái niệm hệ điều hành, phần mềm ứng dụng.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh phân biệt được sự khác nhau giữa hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.

2.2. Năng lực Tin học

NLC: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông.

- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.
- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng. Giải thích được phần mở rộng của tên tệp cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Biết được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng.**

3. Về phẩm chất:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị.

Trách nhiệm: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Thiết bị dạy học: SGK, Bài giảng, màn chiếu, bộ máy tính, bảng nhóm

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp học sinh định hướng được bài học:

- Nếu không có chương trình máy tính (phần mềm), thành phần thiết bị chỉ là khối vật chất không phản hồi.
- Xác định hai loại phần mềm để tìm hiểu trong hai mục của bài học: hệ điều hành và

phần mềm ứng dụng.

- Học sinh phân biệt được hoạt động có tính chất điều hành và những hoạt động khác. Qua đó có thể liên hệ với đặc điểm của hệ điều hành.

b. Nội dung: Hình ảnh



c.
Sản

phẩm: Học sinh hiểu được tầm quan trọng của

cảnh sát giao thông ở các ngã ba, ngã tư.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS quan sát hình ảnh và thảo luận trước lớp. Câu hỏi: Em hãy nhận xét về hoạt động giao thông ở hai hình ảnh trên?

– **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận và viết câu trả lời cá nhân.

– **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày ý kiến cá nhân, HS khác nhận xét, bổ sung.

– **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hệ điều hành

a. Mục tiêu: Học sinh phân biệt được hệ điều hành với các phần mềm khác. Chỉ ra được các chức năng cơ bản của hệ điều hành.

b. Nội dung: Vai trò, chức năng của hệ điều hành.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời của các nhóm.

- Vai trò của Hệ điều hành: kết nối

- Chức năng:

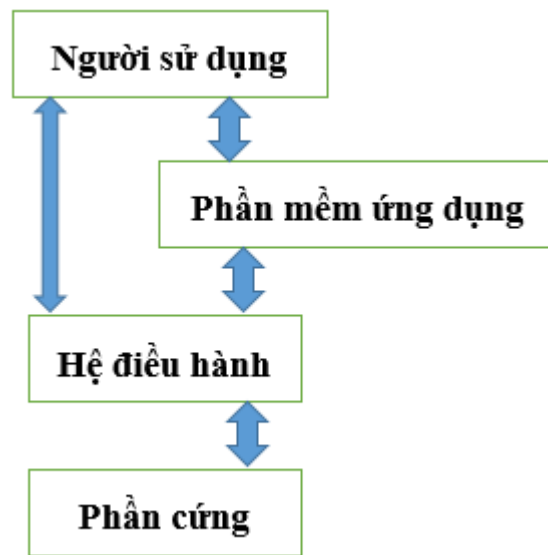
+ Quản lí các thiết bị và dữ liệu của máy tính, điều khiển chúng phối hợp hoạt động nhịp nhàng với nhau.

+ Cung cấp và quản lí môi trường trao đổi thông tin (giao diện) giữa người sử dụng và máy tính.

+ Cung cấp, quản lí môi trường cho phép người sử dụng chạy các phần mềm ứng dụng trên máy tính.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu sơ đồ trên màn hình ti vi



GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? dựa vào sơ đồ và hoạt động khởi động em hãy cho biết vai trò, chức năng của hệ điều hành là gì.

? Nêu một số hệ điều hành mà em biết

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS liên hệ lại nội dung ở phần khởi động và rút ra kết luận về vai trò, các chức năng chính của hệ điều hành.
- **Báo cáo, thảo luận:** Nhóm trình bày kết quả, Nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Ghi nhớ:

- Hệ điều hành là phần mềm hệ thống quản lý và điều khiển hoạt động chung của máy tính, quản lý dữ liệu, cung cấp cho con người môi trường tương tác với máy tính và chạy các phần mềm ứng dụng.
- Có những hệ điều hành dành cho máy tính như Windows, Mac OS, Linux,... và những hệ điều hành cho điện thoại thông minh và máy tính bảng như IOS, Android,...

2.2 Phần mềm ứng dụng

HD 2.1. Loại tệp và phần mở rộng

- Mục tiêu: HS phân loại được một số tệp dữ liệu theo phần mở rộng của chúng.
- Nội dung: Phiếu học tập số 1
- Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.

Đáp án: 1 – f; 2 – c; 3 – a; 4 – b; 5 – e; 6 – d.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP		
<i>Nhóm:.....</i>		
Em hãy nối mỗi loại tệp ở cột bên trái với một phần mở rộng tệp phù hợp ở cột bên phải:		
Loại tệp		Phần mở rộng
1) Tài liệu word		a) jpg, png, bmp
2) Chương trình Scratch		b) exe, com, bat, msi
3) Hình ảnh		c) sb, sb2, sb3
4) Ứng dụng		d) ppt, pptx
5) Trang web		e) htm, html
6) Bài trình bày Power point		f) doc, docx

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

* **Ghi nhớ:**

- Phần mềm ứng dụng là các chương trình máy tính cho phép người sử dụng thực hiện những công việc cụ thể và thường xử lý những loại dữ liệu cụ thể.
- Loại tệp được nhận biết nhờ phần mở rộng, gồm những kí tự sau dấu chấm cuối cùng trong tên tệp. Loại tệp cũng cho biết phần mềm ứng dụng nào có thể được dùng với nó.

HD 2.2. Phân biệt hệ điều hành và phần mềm ứng dụng

- Mục tiêu: HS phân biệt được hai loại phần mềm: Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.
- Nội dung: Dựa vào HD 2.2 và từ đó phân biệt vai trò khác nhau của hệ điều hành và phần mềm ứng dụng theo mẫu.
- Sản phẩm: Kết quả trả lời của các nhóm.
- Tổ chức thực hiện: HS đọc đoạn văn bản và bảng 2.1 (SGK – Trang 12); rút ra nhận xét về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.
 - **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Chiếu mẫu lên màn hình.

Tiêu chí	Hệ điều hành	Phần mềm ứng dụng
----------	--------------	-------------------

Tương tác với phần cứng		
Sự cần thiết		
Phụ thuộc		
Ví dụ		

Đối với HS Phan Thanh Duy: Nêu một vài phần mềm ứng dụng mà em đã sử dụng.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm (2 cùng bàn).
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

HD 2.3. Câu hỏi củng cố

a. Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức phần mềm ứng dụng

b. Nội dung:

Câu 1. Em hãy chỉ ra những phần mềm ứng dụng trong các phương án sau:

- A. Linux B. Gmail C. UnikeyNT
D. Windows 8 E. Zalo F. Mind Maple

Câu 2. Em hãy chỉ ra các loại tệp có thể sử dụng được với Windows Media Player

- A. mp3 B. .jpg C. .avi D. .mp4 E. .txt

c. Sản phẩm: Đáp án

Câu 1: B,C, E,F

Câu 2: A, C, D

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi

Đối với HS Phan Thanh Duy:

Em hãy chỉ ra những phần mềm ứng dụng trong các phương án sau:

- A. Windows 8 B. Zalo C. Mind Maple**

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng để trả lời câu hỏi

b. Nội dung:

Câu 1. Em hãy nêu các chức năng của hệ điều hành.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Người sử dụng xử lý những yêu cầu cụ thể bằng phần mềm ứng dụng.
- B. Để phần mềm ứng dụng chạy được trên máy tính phải có hệ điều hành.
- C. Để máy tính hoạt động được phải có phần mềm ứng dụng.
- D. Để máy tính hoạt động được phải có hệ điều hành.

c. Sản phẩm: Đáp án

Câu 1: Hệ điều hành có 3 chức năng cơ bản:

- Quản lý và điều khiển hoạt động chung của máy tính.
- Quản lý dữ liệu.
- Cung cấp cho con người môi trường tương tác với máy tính và chạy các phần mềm ứng dụng.

Câu 2: C

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng để trả lời câu hỏi

b. Nội dung: Khi tải Scratch để cài đặt lên máy tính, tại sao cần chọn phiên bản phù hợp với hệ điều hành trên máy tính của em?

c. Sản phẩm: Đáp án:

Khi cài đặt phần mềm ứng dụng lên máy tính, cần phải chọn phiên bản phù hợp với hệ điều hành. Nếu lựa chọn không đúng, phần mềm cài đặt sẽ không chạy được vì nó phụ thuộc vào hệ điều hành.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Tuần: 3, 4

Tiết: 3, 4

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An
Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:
Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

Bài 3. QUẢN LÝ DỮ LIỆU TRONG MÁY TÍNH

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính.
- Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus...
- Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa...

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Biết tệp và thư mục trong máy tính.**
- **Biết tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa**

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về tệp, thư mục, quản lý dữ liệu
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra cách tổ chức, quản lý dữ liệu trong máy tính.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh chỉ ra được các biện pháp bảo vệ dữ liệu trong máy tính.

2.2. Năng lực Tin học

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

- Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa tệp và thư mục.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Biết tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa**

3. Phẩm chất:

Nhân ái: Có ý thức trong việc bảo vệ an toàn dữ liệu trong máy tính cũng như an toàn thông tin cá nhân.

Trung thực: Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị.

Trách nhiệm: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, tivi.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Củng cố khái niệm cây thư mục.
- Rèn luyện kỹ năng phân loại dữ liệu, đặt tên thư mục.

b. Nội dung:

Trong một dịp đi giả ngoại cùng các bạn trong lớp, em đã ghi chép lại thông tin và chụp nhiều ảnh kỉ niệm. Các hình ảnh đó cần được lưu trữ. Em hãy vẽ sơ đồ cây thư mục để chứa các tệp dữ liệu và đặt tên cho các thư mục đó sao cho dễ tìm kiếm và truy cập.

c. Sản phẩm: Cây thư mục của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Chia nhóm HS.
- **Thực hiện nhiệm vụ:**
 - HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo.
 - HS thảo luận và vẽ cây thư mục ra giấy (Khuyến khích sử dụng sơ đồ tư duy)
- **Báo cáo, thảo luận**
 - HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định**
 - GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1 Tên tệp và thư mục trong máy tính

HD 1.1. Tên tệp và thư mục trong máy tính.

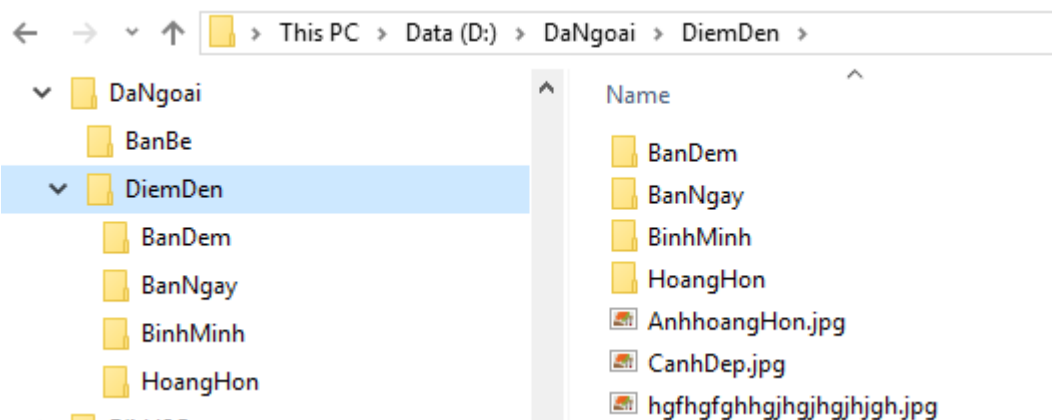
a. Mục tiêu: Học sinh nhận thấy được sự cần thiết phải phân loại dữ liệu, một số lưu ý khi đặt tên thư mục.

b. Nội dung: Phân loại thư mục và tệp tin, chú ý khi đặt tên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình, yêu cầu HS phân loại thư mục và tệp tin, nêu chú ý khi đặt tên.



Đối với HS Phan Thanh Duy: Đọc tên tệp và thư mục

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện phân loại thư mục và tệp tin
- **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời cá nhân
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

Ghi nhớ:

- Tên tệp và thư mục cần được đặt sao cho dễ nhớ, cho ta biết trong đó chứa những gì. Điều đó sẽ giúp cho công việc thuận lợi hơn.
- Chương trình máy tính được lưu trữ trên thiết bị nhớ giống như một tệp dữ liệu. Tệp chương trình máy tính trong hệ điều hành Windows thường có phần mở rộng .exe, .com, .bat, .msi.

HD 1.2. Câu hỏi củng cố

a. Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức tệp và thư mục trong máy tính

b. Nội dung:

Câu 1. Để việc tìm kiếm dữ liệu trong máy tính được dễ dàng và nhanh chóng, khi đặt tên thư mục và tệp em nên:

- A. Đặt tên tùy ý, không cần theo quy tắc gì.
- B. Đặt tên giống như trong ví dụ của sách giáo khoa.
- C. Đặt tên sao cho dễ nhớ và để biết trong đó chứa gì.
- D. Đặt tên theo ý thích như tên người thân hay tên thú cưng.

Câu 2. Tệp có phần mở rộng **.jpg** thuộc loại tệp gì?

- A. Tệp dữ liệu hình ảnh.
- B. Tệp chương trình máy tính.
- C. Tệp dữ liệu video.
- D. Không có loại tệp này.

c. Sản phẩm: Đáp án: 1 – C 2 – A

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời cá nhân
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

2. 2. Các biện pháp bảo vệ dữ liệu

HD 2.1. Bảo vệ dữ liệu

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận thấy sự cần thiết phải bảo vệ dữ liệu.
- Đề xuất giải pháp bảo vệ dữ liệu.

b. Nội dung: Đưa ra các biện pháp bảo vệ máy tính

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

+ Sao lưu dữ liệu

+ Tài khoản người sử dụng và mật khẩu

+ Phần mềm diệt virus

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh ưu và nhược điểm của một số thiết bị lưu trữ. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Máy tính của em có nhiều dữ liệu quan trọng. Em muốn bảo vệ dữ liệu trong máy tính của mình thì em nên làm gì.

Bảng 3.1. Ưu và nhược điểm của một số thiết bị lưu trữ

Thiết bị lưu trữ	Hình ảnh	Ưu điểm	Nhược điểm
Thẻ nhớ, USB		Nhỏ gọn. Tiện sử dụng. Khá bền.	Dễ bị thất lạc. Dễ lây lan virus. Dữ liệu dễ bị hỏng nếu sử dụng không đúng cách.
Đĩa quang (CD, DVD)		Chi phí thấp. Khó bị nhiễm virus.	Dễ hỏng dữ liệu. Dung lượng nhỏ. Khó ghi dữ liệu vì phải có đầu ghi. Khó cất giữ.
Ổ cứng ngoài		Dung lượng lớn. Tiện sử dụng.	Kích thước to và nặng, khó mang theo. Có thể hỏng dữ liệu nếu bị rơi.
Lưu trữ nhờ công nghệ đám mây		Truy cập được bằng bất kì máy tính nào có kết nối Internet. Sao lưu từ xa.	Cần kết nối Internet. Dịch vụ có thể không đáng tin cậy. Có thể bị tin tặc tấn công.

– **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.
- Mỗi nhóm nêu ít nhất một phương án bảo vệ dữ liệu.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, giải thích cho phương án đã đề xuất. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

- Dữ liệu cần được sao lưu thường xuyên lên thiết bị lưu trữ ngoài máy tính chứa dữ liệu gốc để tránh bị mất hoặc bị hỏng dữ liệu.
- Việc đặt mật khẩu cho tài khoản người sử dụng trên máy tính và trên Internet sẽ giúp bảo vệ dữ liệu khỏi sự truy cập trái phép.
- Cần bảo vệ dữ liệu bằng cách không sử dụng phần mềm không rõ nguồn gốc và luôn bật chế độ bảo vệ máy tính của phần mềm diệt virus.

HD 2.2. Câu hỏi củng cố

a. Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức phần mềm ứng dụng

b. Nội dung:

Câu 1. Mật khẩu nào sau đây là mạnh nhất?

A. 12345678. B. Cva@123. C. matkhou. D. chuvanan1998.

Câu 2. Hãy chọn những phát biểu sai?

- A. Lưu trữ bằng công nghệ đám mây tránh được rơi, mất, hỏng dữ liệu.
- B. Lưu trữ bằng thẻ nhớ, USB dễ bị rơi, mất dữ liệu nhưng thuận tiện.
- C. Lưu trữ bằng đĩa cứng ngoài có dung lượng lớn, tiện sử dụng.
- D. Lưu trữ bằng đĩa CD cần phải có đầu ghi đĩa nhưng dung lượng rất lớn.

c. Sản phẩm: Đáp án

Câu 1: B

Câu 2: D

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời cá nhân
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

2.3 Thực hành: Quản lí dữ liệu trong máy tính

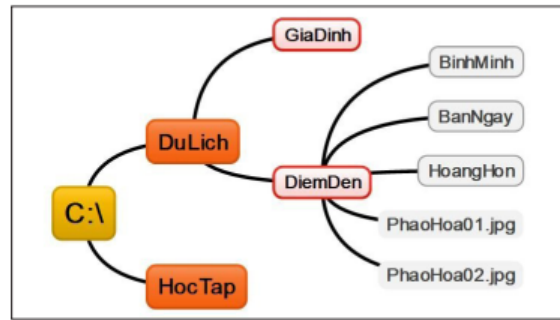
a. Mục tiêu: Rèn luyện các thao tác cơ bản với thư mục.

b. Nội dung:

Nhiệm vụ

Em hãy tạo cây thư mục như Hình 3.3 và thực hiện:

- Đổi tên thư mục “HoangHon” thành “ChieuToi”.
- Di chuyển các tệp và thư mục con của thư mục “BìnhMinh” sang thư mục “BanNgay”.
- Xóa thư mục “BìnhMinh”.



Hình 3.3. Sơ đồ cây thư mục

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình thực hành.
- **Thực hiện nhiệm vụ:**
 - HS thực hành nhóm 2 hoặc 3 HS/1 máy.
 - Các nhóm đánh giá chéo lẫn nhau.

Đối với HS Phan Thanh Duy: Tạo thư mục “DuLich”, đổi tên thành “Da Ngoai”, xóa thư mục

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về quản lí dữ liệu trong máy tính để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung:

1. Đây là chương trình máy tính giúp em quản lý tệp và thư mục?

A. Internet Explorer.

B. File Explorer.

C. Microsoft Word.

D. Help.

2. Đây **không phải** là phần mềm bảo vệ máy tính tránh được virus máy tính?

A. Windows Defender.

B. Kaspersky.

C. Bkav.

D. Microsoft Word.

c. Sản phẩm: Đáp án

Câu 1: B

Câu 2: D

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân

- **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời cá nhân
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về quản lý dữ liệu trong máy tính để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: Phiếu học tập

c. Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.

Câu 1. Để sao lưu thư mục "Da Ngoai", em lựa chọn sao lưu nhờ công nghệ đám mây vì lưu trữ nhờ ***công nghệ đám mây*** có thể sao lưu từ xa, truy cập bằng bất kì máy tính có kết nối Internet và dung lượng sao lưu khá lớn. Ngoài ra, em không sợ bị thất lạc hay hỏng dữ liệu nếu sao lưu bằng công nghệ đám mây. Em sẽ lựa chọn một vài dịch vụ sao lưu uy tín như Google Drive, OneDrive.

Câu 2. Sau khi học xong bài này và có thêm kiến thức về sao lưu, bảo vệ dữ liệu, em sẽ không thay đổi cách bảo vệ dữ liệu mà em đã chọn trong Hoạt động 2 vì cách bảo vệ dữ liệu sử dụng phần mềm diệt virus em đang sử dụng cũng hoạt động rất hiệu quả, tiện ích và an toàn. Em sẽ sử dụng thêm thiết bị sao lưu và mật khẩu để bảo vệ máy tính an toàn và cẩn thận hơn nếu muốn.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Chia nhóm HS.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và trả lời vào phiếu bài tập.

Đối với HS Phan Thanh Duy: Em hãy lựa chọn một thiết bị lưu trữ để sao lưu thư mục: “Da Ngoai” đã có trong máy tính.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:.....

1. Em hãy lựa chọn một thiết bị lưu trữ để sao lưu thư mục: “Da Ngoai”. Giải thích tại sao em lựa chọn cách sao lưu đó.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Sau khi học xong bài này và có thêm các kiến thức về sao lưu, bảo vệ dữ liệu, em có thay đổi cách bảo vệ dữ liệu mà em đã chọn trong hoạt động 2 không? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần: 5, 6

Tiết: 5, 6

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

CHỦ ĐỀ 2. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM, VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

TÊN BÀI DẠY

Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó.
- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội.
- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.
- Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.
- Thao tác thành thạo tạo tài khoản trên mạng xã hội.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- **Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet.**
- **Biết thao tác tài khoản trên mạng xã hội.**

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: tự học, tự tìm hiểu một số chức năng của phần mềm ứng dụng. Tự chủ trong việc sử dụng mạng xã hội.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hình thành năng lực giao tiếp xã hội ngay cả trên không gian mạng một cách an toàn và có trách nhiệm.

2.2. Năng lực Tin học

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

- Có ý thức tự bảo vệ các thông tin khi trao đổi thông tin trên internet.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, trao đổi thông tin phù hợp.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa.
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: rèn luyện tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và xã hội trong việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số, cụ thể là mạng xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần giải quyết: mạng xã hội.
- Nội dung: Tìm hiểu cách trao đổi thông tin với nhau.
- Sản phẩm: Học sinh trả lời cách trao đổi thông tin.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS nêu cách chuyển thư theo từng giai đoạn



- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Mạng xã hội – Kênh trao đổi thông tin phổ biến trên Internet

HD 2.1. Cách thức trao đổi thông tin trên Internet

- Mục tiêu: Nhận dạng một số kênh trao đổi thông tin trên Internet
- Nội dung: Phiếu học tập số 1
- Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm

Câu 1. Gửi qua thư điện tử (email)

Câu 2.

- Cách trao đổi thông tin trên internet đang được sử dụng nhiều nhất hiện nay là: thư điện tử, diễn đàn, mạng xã hội, ...

- Vì: Internet ngày càng được sử dụng rộng rãi, sự phát triển và phổ biến của internet giúp cho việc sử dụng thư điện tử, diễn đàn, mạng xã hội ngày càng được thực hiện dễ dàng và tiện lợi.

d. Tổ chức thực hiện:

– **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp.

- Chia nhóm HS.
- Phát phiếu học tập



Câu 1: Ở lớp 6 em đã biết cách sử dụng Internet để nhận và gửi thông tin. Đó là cách nào?

.....
.....

Câu 2: Em có biết cách trao đổi thông tin nào trên Internet đang được sử dụng nhiều nhất không? Tại sao?

.....
.....
.....
.....
.....

Đối với HS Phan Thanh Duy: em đã biết cách sử dụng Internet để nhận và gửi thông tin nào?

– **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo
- HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm

– **Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– **Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức
- Yêu cầu học sinh ghi vào vở

*** Ghi nhớ:**

- Thư điện tử, diễn đàn, mạng xã hội,... là những kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet.
- Tham gia mạng xã hội là tham gia một cộng đồng trực tuyến, nơi mọi người tương tác với nhau theo nhiều cách.
- Mạng xã hội thường được tổ chức dưới dạng các website. Mỗi mạng xã hội thường có mục đích nhất định như: thảo luận, chia sẻ ảnh, video,...

HD 1.2. Điểm tích cực và tiêu cực của mạng xã hội.

- a. Mục tiêu: HS nêu được các điểm tích cực và tiêu cực khi sử dụng mạng xã hội.
- b. Nội dung: Phiếu học tập số 2.

c. Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.

- Tích cực: Tăng khả năng kết nối, cập nhật tin tức, xu thế trào lưu, cải thiện kỹ năng sống, quảng cáo miễn phí...

- Tiêu cực: thông tin giả, thông tin đe dọa, bắt nạt, thiếu sự tương tác, tốn thời gian, hạn chế khả năng sáng tạo.

d. Tổ chức thực hiện:

– **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp.

- Chia nhóm HS.
- Phát phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Nhóm:.....	
Em hãy điền mặt tích cực và tiêu cực khi trao đổi thông tin trên internet	
Tích cực	Tiêu cực
.....	
.....	
.....	
.....	

– **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo.
- HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.

– **Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– **Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.
- Yêu cầu học sinh ghi vào vở.

*** Ghi nhớ:**

- | |
|---|
| – Mạng xã hội giúp người sử dụng kết nối, giao lưu, chia sẻ và thảo luận các vấn đề mà họ quan tâm. |
|---|

- Cần tuân thủ đúng các quy định khi sử dụng mạng xã hội và các kênh trao đổi thông tin trên Internet.

HD 1.3. Câu hỏi củng cố.

a. Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức về mạng xã hội

b. Nội dung:

Câu 1: Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào sau đây?

A. Giao lưu với bạn bè.

B. Học hỏi kiến thức.

C. Bình luận xấu về người khác.

D. Chia sẻ các hình ảnh phù hợp của mình.

Câu 2: Đáp án nào sai khi nói về nhược điểm của mạng xã hội là:

A. Lan truyền thông tin nhanh chóng và rộng khắp.

B. Được sử dụng để lấy cắp dữ liệu.

C. Làm ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người sử dụng.

D. Là môi trường lí tưởng cho việc bắt nạt và đe dọa trực tuyến.

c. Sản phẩm: 1 – C 2 – A

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

2.2. Thực hành: Sử dụng mạng xã hội

a. Mục tiêu: HS tạo được 1 tài khoản mạng xã hội, trao đổi thông tin trên mạng xã hội.

b. Nội dung: Tạo một mạng xã hội (Facebook).

c. Sản phẩm: Tài khoản trên mạng xã hội.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS tạo tài khoản, trao đổi thông tin trên mạng xã hội (có thể là Facebook)

Đối với HS Phan Thanh Duy: Gv hướng dẫn vài thao tác với kênh thông tin đã có sẵn (Zalo hoặc Facebook)

– **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tạo tài khoản, trao đổi thông tin theo sự hướng dẫn của giáo viên.
- HS đã có tài khoản thì tổ chức để hướng dẫn cho HS khác.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về phần thực hành, chốt kiến thức

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung:

Câu 1. Em hãy nêu ba kênh trao đổi thông tin trên Internet.

Câu 2. Các câu nói về mạng xã hội sau đây đúng hay sai? (Điền Đ vào câu đúng và S vào câu sai)

	Đúng	Sai
a. Mạng xã hội giúp mọi người tương tác với nhau mà không cần gặp mặt.		
b. Tất cả các website đều là mạng xã hội.		
c. Người xấu có thể đưa tin giả lên mạng xã hội. Vì vậy, chỉ nên trò chuyện với người mình quen biết.		
d. Bất cứ tuổi nào cũng có thể tham gia mạng xã hội.		

c. Sản phẩm: Các câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh nêu được một mạng xã hội phù hợp với bản thân. HS nêu được ví dụ của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái

b. Nội dung: Phiếu học tập số 3

c. Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nhóm:.....

Câu 1: Em hãy tìm hiểu kĩ một mạng xã hội mà em quan tâm và giới thiệu với các bạn hay người thân về mạng xã hội đó. (Chức năng chính, đối tượng phù hợp để tham gia, cách thức tham gia, những lưu ý cần thiết khi tham gia,...)

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Em hãy tìm hiểu thêm những ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết: 7

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An
Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:
Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY BÀI 5: ỨNG XỬ TRÊN MẠNG

Môn: Tin học lớp: 7
Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa.
- Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lý khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.
- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.
- Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Biết phương thức giao tiếp qua mạng.
- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi văn hoá ứng xử qua mạng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra những tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện Internet.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đưa ra những cách giải quyết hợp lý khi gặp thông tin có nội dung xấu trên mạng.

2.2. Năng lực Tin học

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.
- Nêu được ví dụ truy cập không hợp lý vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lý khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa.
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức cảnh giác khi sử dụng mạng máy tính, tránh sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phiếu giao nhiệm vụ.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.1 Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Nêu ra những vấn đề cần lưu ý khi giao tiếp xã hội nói chung và giao tiếp trên mạng nói chung.
- Nội dung: HS xem nội dung trong video.
- Sản phẩm: Học sinh trả lời về thông tin trong video.
- Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu video giới thiệu “lợi ích, tác hại khi sử dụng mạng xã hội an toàn và hiệu quả”.

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em hãy nêu các tác động tiêu cực khi sử dụng mạng internet.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm

Đối với HS Phan Thanh Duy: nêu 1 tác động tiêu cực khi sử dụng mạng internet.

– **Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– **Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức

2 Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

2.1. Giao tiếp, ứng xử có văn hoá qua mạng

- Mục tiêu: Học sinh nhận ra những hình thức giao tiếp qua mạng và đặc điểm của nó.
- Nội dung: Trả lời câu hỏi và làm trên bảng phụ.
- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Câu 1.

Giao tiếp qua mạng:

- Em có thể giao tiếp với mọi người từ các quốc gia khác nhau;

- Em có thể làm quen với những người quen mới mà không rời khỏi tường nhà bạn; có thể bình luận vào các bài đăng của bạn bè và người lạ.
- Có thể ẩn danh thể hiện suy nghĩ của mình.

Giao tiếp trực tiếp:

- Các bên gặp gỡ trong thực tế và dùng ngôn ngữ, lời nói làm phương tiện chính để nói chuyện với nhau.
- Có thể sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như ánh mắt, cử chỉ, nét mặt, ăn mặc, trang điểm... Có thể nhanh chóng biết được ý kiến của người đối thoại.

Câu 2. Trong suy nghĩ của nhiều bạn mạng xã hội là **thế giới ảo, ẩn danh**. Chính vì vậy các bạn dễ dãi trong cách ứng xử giao tiếp với nhau, coi mạng xã hội như một công cụ để thể hiện cái tôi của mình, hoặc lợi dụng các diễn đàn công khai để đả kích, nói xấu, bôi nhọ lẫn nhau...

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp.

Câu 1: Theo em những đặc điểm khác nhau giữa giao tiếp gặp gỡ trực tiếp và giao tiếp qua mạng là gì?

Câu 2: Tại sao có những bạn khi giao tiếp qua mạng lại thiếu văn minh hơn khi giao tiếp trực tiếp?

Câu 3: Sử dụng giấy note ghi những việc nên và không nên khi giao tiếp qua mạng

Đổi với HS Phan Thanh Duy: **Nêu những phương thức giao tiếp qua mạng mà em biết. Em đã từng sử dụng phương thức nào?**

- **Thực hiện nhiệm vụ:**
 - HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức

Ghi nhớ:

Luôn sử dụng ngôn ngữ lịch sử và ứng xử có văn hoá khi tham gia giao tiếp qua mạng.

2.2. Làm gì khi gặp thông tin có nội dung xấu trên mạng?

HD 1. Xử lý tình huống khi đang truy cập mạng.

a. Mục tiêu: Học sinh đưa ra được cách giải quyết với những tình huống gặp thông tin xấu khi đang truy cập mạng.

b. Nội dung: Khi em đang truy cập mạng, máy tính thỉnh thoảng lại hiện lên những trang web có nội dung bạo lực, nội dung không phù hợp với lứa tuổi của em, em sẽ làm gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu mục đích yêu cầu của hoạt động.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh hoạt động cá nhân sau đó chia sẻ ý kiến của mình với các bạn trong lớp.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Ghi nhớ:

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">– Chỉ truy cập vào các trang web có thông tin phù hợp với lứa tuổi.– Nhờ người lớn cài phần mềm chặn truy cập các trang web xấu.– Hỏi ý kiến người lớn trong trường hợp cần thiết khi truy cập mạng.– Đóng ngay các trang thông tin có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi nếu vô tình truy cập vào. |
|--|

2.3. Tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện Internet

HD 1. Nghiện Internet – Biểu hiện và tác hại.

a. Mục tiêu: Học sinh tự đánh giá mức độ sử dụng Internet của mình từ đó hình thành ý thức tự kiểm soát việc sử dụng Internet sao cho hiệu quả.

b. Nội dung:

Câu 1. Trung bình một ngày em sử dụng máy tính bao nhiêu giờ?

Câu 2. Em có chơi trò chơi điện tử và sử dụng mạng xã hội không? Nếu có thì khoảng bao nhiêu giờ một tuần?

Câu 3. Theo em các biểu hiện của nghiện internet là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu mục đích yêu cầu của hoạt động.

Đối với HS Phan Thanh Duy: Đọc tác hại nghiện Internet.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh hoạt động cá nhân sau đó chia sẻ ý kiến của mình với các bạn trong lớp.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

Ghi nhớ:

Nghiện Internet gây ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ thể chất, tinh thần, kết quả học tập và khả năng giao tiếp với mọi người xung quanh.

HD 3. Cây hồi sinh

- Mục tiêu: Học sinh đưa ra hành động cụ thể để phòng tránh bệnh Internet.
- Nội dung: Phiếu học tập số 2.
- Sản phẩm: Kết quả điền phiếu của các nhóm.
- Tổ chức thực hiện:
 - Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận trước lớp. Phát phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm:.....

Người bị bệnh Internet có thể được ví dụ như một cái cây có nguy cơ úa tàn. Em hãy cùng các bạn trong nhóm của mình vẽ một cây tương tự nhưng hình bên lên một tờ giấy to để tạo một tấm áp phích bằng cách vẽ thêm lá, hoa cho cây và ghi trên đó những điều nên là để phòng tránh bệnh nghiện Internet, giúp cây xanh tươi trở lại.



- Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và viết câu trả lời theo nhóm.
- Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

Ghi nhớ:

Dành thời gian với người thân và bạn bè, hạn chế để thiết bị kết nối Internet trong phòng riêng, giới hạn thời gian sử dụng, theo đuổi những sở thích không liên quan

quá nhiều đến thiết bị điện tử là những cách thức tốt để phòng tránh nguy cơ nghiện Internet.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại kiến thức đã học trong bài.

b. Nội dung:

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho HS chơi trò chơi “lật mảnh ghép” tìm hình nền
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh nêu được các cách ứng xử trên mạng phù hợp, có cách giải quyết hợp lí khi gặp tình huống gặp những thông tin xấu trên mạng.

b. Nội dung: Em hãy cùng một nhóm bạn của mình tạo ra một sản phẩm (áp phích, đoạn kịch ngắn, sơ đồ tư duy, bài trình chiếu,...) về chủ đề: “Ứng xử trên mạng” để trình bày với các bạn trong lớp.

c. Sản phẩm: Sản phẩm hoạt động của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động. Chia nhóm, giao nhiệm vụ về nhà.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và thống nhất nội dung, hình thức sản phẩm của nhóm mình.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

Tuần: 8

Tiết: 8

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Các thiết bị vào ra trong mô hình thiết bị máy tính, tính đa dạng và hình dạng của các thiết bị.
- Chức năng của một số thiết bị vào ra trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.
- Một số việc nên làm và không nên làm khi sử dụng máy tính
- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng
- Một số biện pháp để bảo vệ máy tính cá nhân, tài khoản và dữ liệu cá nhân.
- Nêu được tên kênh và thông tin trao đổi chính trên kênh đó như Youtube cho phép trao đổi, chia sẻ ...về Video
- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin...
- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet.
- Nêu được cách ứng xử hợp lý khi gặp trên mạng hoặc các kênh truyền thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Các thiết bị vào ra trong mô hình thiết bị máy tính, tính đa dạng và hình dạng của các thiết bị.
- Chức năng của một số thiết bị vào ra trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.
- Một số việc nên làm và không nên làm khi sử dụng máy tính
- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 5
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa tệp và thư mục.

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

- Có ý thức tự bảo vệ các thông tin khi trao đổi thông tin trên internet.
- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.
- Nêu được ví dụ truy cập không hợp lí vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Kể được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.
- Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.
- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, trao đổi thông tin phù hợp.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. **Hoạt động 1: Khởi động**

a. **Mục tiêu:** Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 1 đến bài 5

b. **Nội dung:** Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:

+ GV chiếu “trò chơi hái dừa” gồm 10 câu hỏi. Sau đó, GV cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tìm ra đội chiến thắng.



ĐỘI A:

Câu 1. Các thiết bị nào sau đây là thiết bị vào?

- A. Màn hình B. Máy in C. Bàn phím D. Loa

Câu 2. Việc nào nên làm khi sử dụng máy tính:

- A. Thao tác tùy tiện B. Rút điện trước khi lau máy tính
C. Để đồ uống gần bàn phím D. Tác động vật nhọn lên màn hình

Câu 3. Em hãy chỉ ra phần mềm ứng dụng trong các phương án sau:

- A. IOS B. Windows 10 C. Android D. Paint

Câu 4. Việc nào sau đây là chức năng của hệ điều hành?

- A. Quản lý giao diện giữa người sử dụng và máy tính
B. Tạo và chỉnh sửa nội dung một tệp hình ảnh
C. Sao chép nội dung trong tệp văn bản CaDao.docx
D. Tìm kiếm từ trong tệp văn bản CaDao.docx

Câu 5. Đâu là biện pháp bảo vệ tài khoản và dữ liệu cá nhân?

- A. Không cần cài mật khẩu máy tính
B. Không có thói quen sao lưu dữ liệu
C. Không đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc
D. Đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc

ĐỘI B.

Câu 1. Các thiết bị nào sau đây là thiết bị ra?

- A. Màn hình B. Chuột C. Bàn phím D. Máy quét

Câu 2. Việc nào không nên làm khi sử dụng máy tính:

- A. Đọc kĩ hướng dẫn trước khi sử dụng thiết bị
- B. Rút điện trước khi lau máy tính
- C. Để đồ uống gần bàn phím
- D. Giữ bàn tay khô, sạch khi sử dụng máy tính

Câu 3. Em hãy chỉ ra phần mềm hệ thống trong các phương án sau:

- A. Word
- B. Windows 10
- C. PowerPoit
- D. Paint

Câu 4. Việc nào sau đây không phải là chức năng của hệ điều hành?

- A. Sao chép tệp văn bản CaDao.docx từ ổ cứng sang USB.
- B. Đổi tên tệp CaDao.docx trên USB thành CaDao-DanCa.docx
- C. Xóa tệp dữ liệu CaDao.docx khỏi ổ đĩa cứng.
- D. Tìm kiếm từ “quê hương” trong tệp văn bản CaDao.docx.

Câu 5. Đâu không phải là biện pháp bảo vệ tài khoản và dữ liệu cá nhân?

- A. Cài mật khẩu máy tính
- B. Không đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc
- C. Có thói quen sao lưu dữ liệu
- D. Đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các khái niệm: mục đích mạng máy tính, ưu và nhược điểm mạng máy tính, ứng xử có văn hóa trên mạng, tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện internet.

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Các câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu “trò chơi Bắt Bướm” gồm các câu hỏi và yêu cầu HS trả lời



Câu 1. Mạng xã hội là gì?

- A. Một cộng đồng cùng chung sở thích
- B. Một cộng đồng máy tính
- C. Một cộng đồng cùng chung mục đích
- D. Một cộng đồng trực tuyến

Câu 2. Ưu điểm của mạng xã hội là:

- A. Được sử dụng để lấy cắp dữ liệu.
- B. Lan truyền thông tin nhanh chóng và rộng khắp.
- C. Là môi trường lí tưởng cho việc bắt nạt và đe dọa trực tuyến.
- D. Làm ảnh hưởng đến sức khoẻ thể chất và tinh thần của người sử dụng.

Câu 3. Khi giao tiếp qua mạng điều nào sau đây nên làm:

- A. Bảo vệ tài khoản cá nhân trên mạng của mình
- B. Giấu bố mẹ, thầy cô khi gặp vấn đề khiến em căng thẳng
- C. Đưa hình ảnh cá nhân của người khác lên mạng khi chưa được đồng ý
- D. Nói bậy, nói xấu người khác, sử dụng hình ảnh không lành mạnh

Câu 4. Theo em, hoạt động trên mạng nào sau đây dễ gây bệnh nghiện Internet nhất?

- A. Trao đổi thông tin điện tử
- B. Đọc tin tức.
- C. Học tập trực tuyến.
- D. Sử dụng mạng xã hội.

Câu 5. Những cách ứng xử nào sau đây là hợp lí khi truy cập một trang web có nội dung xấu?

- A. Tiếp tục truy cập trang web đó
- B. Gửi trang web đó cho bạn bè xem
- C. Đóng ngay trang web đó
- D. Sao lưu về máy tính cá nhân để xem

Câu 6. Mạng xã hội là gì?

- A. Một cộng đồng cùng chung sở thích
- B. Một cộng đồng trực tuyến
- C. Một cộng đồng cùng chung mục đích
- D. Một cộng đồng máy tính

Câu 7. Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào sau đây?

- A. Bình luận xấu về người khác B. Giao lưu với bạn bè
C. Trao đổi bài tập D. Chia sẻ các hình ảnh phù hợp của mình

Câu 8. Khi giao tiếp qua mạng điều nào sau đây nên tránh:

- A. Tôn trọng người khác khi giao tiếp
B. Bảo vệ tài khoản cá nhân trên mạng của mình
C. Đưa hình ảnh cá nhân của người khác lên mạng khi chưa được đồng ý
D. Tự chủ bản thân để sử dụng mạng hợp lí.

Câu 9. Em KHÔNG nên làm gì để tránh gặp thông tin xấu trên mạng?

- A. Bảo mật thông tin cá nhân
B. Chỉ truy cập vào các trang thông tin có nội dung phù hợp với lứa tuổi
C. Nháy chuột vào các thông tin quảng cáo gây tò mò, giật gân, dụ dỗ kiếm tiền
D. Đóng ngay các trang thông tin có nội dung xấu nếu vô tình truy cập vào

Câu 10. Cách tốt nhất em nên làm khi bị ai đó bắt nạt trên mạng là gì?

- A. Đe dọa người bắt nạt mình. B. Cố gắng quên đi và tiếp tục chịu đựng.
C. Nói lời xúc phạm người đó. D. Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ, tư vấn.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn câu hỏi, suy nghĩ trả lời. GV giải thích thêm những câu hỏi khó.

- **Báo cáo, thảo luận:**

- + GV gọi lần lượt các HS đứng tại chỗ trả lời
- + HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh Tạo thư mục, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa thư mục.

b. Nội dung: Học sinh nắm được cách tính và cách nối mạng từ các máy tính.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

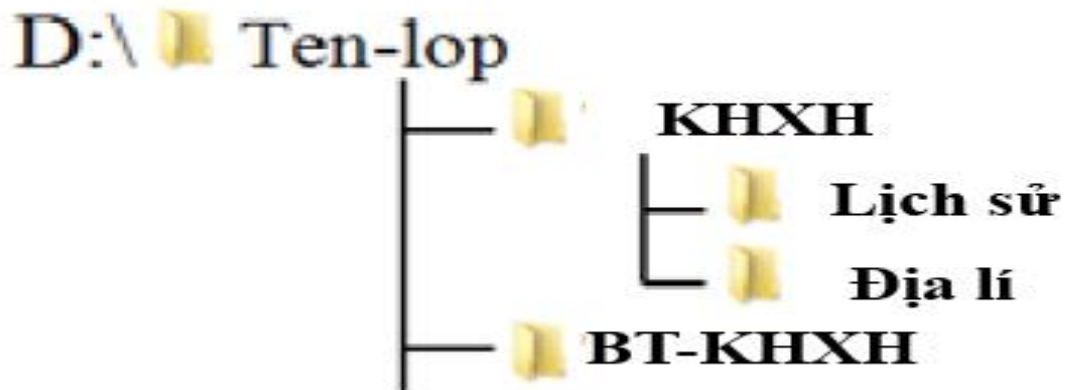
- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện hoạt động đọc và hoàn thành các câu hỏi.

Câu 1. Tạo cây thư mục trên ổ đĩa D (hình bên dưới)

Câu 2. Sao chép thư mục **Lịch sử** sang thư mục **BT-KHXXH**.

Câu 3. Đổi tên thư mục **Lịch sử** ở thư mục KHXXH thành **BT lịch sử**.

Câu 4. Tạo 2 tệp tin Word với tên LS1 và LS2 trong thư mục **BT-KHXXH**



- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời. GV giải thích thêm những câu hỏi khó.

- **Báo cáo, thảo luận:**

Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 9

Tiết: 9

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 1 đến bài 5

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 5
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời đúng.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa tệp và thư mục.

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

- Có ý thức tự bảo vệ các thông tin khi trao đổi thông tin trên internet.
- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, trao đổi thông tin phù hợp.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Đề kiểm tra.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa kỳ I, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.
- Học sinh làm bài trên máy tính.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN: TIN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	Bài 1. Thiết bị vào - ra	1		1						1 điểm 10%
		Bài 2. Phần mềm máy tính	1		1						1 điểm 10%
		Bài 3. Quản lí dữ liệu trong máy tính		1				2		1	5 điểm 50%

2	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Bài 4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên internet	1		2						1,5 điểm 15%
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Bài 5. Ứng xử trên mạng	1		2						1,5 điểm 15%
Tổng số câu			4	1	6			2		1	14
Tổng số điểm			2	2	3			2		1	10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	1. Bài 1. Thiết bị vào - ra	Nhận biết – Biết và nhận ra được các thiết bị vào ra trong mô hình thiết bị máy tính, tính đa dạng và hình dạng của các thiết bị. (Chuột, bàn phím, màn hình, loa, màn hình cảm ứng, máy quét, camera,...) – Biết được chức năng của một số thiết bị vào ra trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. (Chuột, bàn phím, màn hình, loa, màn hình cảm ứng, máy quét, camera,...) – Biết một số việc nên làm và không nên làm khi sử dụng máy tính Thông hiểu	1 TN (câu 1)	1 TN (câu 2)		

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			– Nêu được ví dụ cụ thể về những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho các thiết bị và hệ thống xử lý thông tin. Vận dụng – Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.				
		2. Phần mềm máy tính	Nhận biết – Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính. – Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng (Phần mềm luyện gõ phím, Word, Paint,) Thông hiểu – Phân biệt được loại tệp thông qua phần mở rộng.	1 TN (câu 3)	1 TN (câu 4)		
		3. Quản lí dữ liệu trong máy tính	Nhận biết – Nêu được một số biện pháp để bảo vệ máy tính cá nhân, tài khoản và dữ liệu cá nhân. (Cài mật khẩu máy tính, đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc, sao lưu dữ liệu, quét virus...)	1 TH (câu 11)		2TH (câu 12, 13)	1 TH (câu 14)

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Thông hiểu – Giải thích được chức năng điều khiển của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. Vận dụng – Thao tác thành thạo với tệp và thư mục khi làm việc với máy tính để giải quyết các nhiệm vụ khác nhau trong học tập và trong cuộc sống.				
2	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet	Nhận biết – Nhận biết một số website là mạng xã hội (Facebook, YouTube, Zalo, Instagram ...) – Nêu được tên kênh và thông tin trao đổi chính trên kênh đó như Youtube cho phép trao đổi, chia sẻ ... về Video; Website nhà trường chứa các thông tin về hoạt động giáo dục của nhà trường,...) – Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin...	1TN (câu 6)	2TN (câu 5,7)		

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Thông hiểu – Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái. Vận dụng – Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin: tạo tài khoản, hồ sơ trực tuyến, kết nối với bạn cùng lớp, chia sẻ tài liệu học tập, tạo nhóm trao đổi				
3	Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	5. Ứng xử trên mạng	Nhận biết – Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet. – Nêu được cách ứng xử hợp lí khi gặp trên mạng hoặc các kênh truyền thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi. Thông hiểu – Nêu được một số ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin và kênh truyền thông tin. Vận dụng – Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết, chẳng	1TN (câu 8)	2TN (câu 9, 10)		

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			hạn khi bị bắt nạt trên mạng. – Lựa chọn được các biện pháp phòng tránh bệnh nghiện Internet. Vận dụng cao – Thực hiện được giao tiếp qua mạng (trực tuyến hay không trực tuyến) theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hoá.				
Tổng số câu				3 (TN) 1 (TL)	2 (TN) 1 (TL)	1 (TL)	1 (TL)
Tổng số điểm				4	3	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

Họ và tên:..... Lớp:	KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>	Điểm
-----------------------------------	--	-------------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Các thiết bị nào sau đây là thiết bị vào?

- A. Màn hình B. Máy in C. Bàn phím D. Loa

Câu 2. Việc nào nên làm khi sử dụng máy tính:

- A. Thao tác tùy tiện B. Rút điện trước khi lau máy tính
C. Để đồ uống gần bàn phím D. Tác động vật nhọn lên màn hình

Câu 3. Em hãy chỉ ra phần mềm ứng dụng trong các phương án sau:

- A. IOS B. Windows 10 C. Android D. Paint

Câu 4. Việc nào sau đây là chức năng của hệ điều hành?

- A. Quản lí giao diện giữa người sử dụng và máy tính
B. Tạo và chỉnh sửa nội dung một tệp hình ảnh
C. Sao chép nội dung trong tệp văn bản CaDao.docx
D. Tìm kiếm từ trong tệp văn bản CaDao.docx

Câu 5. Đây là biện pháp bảo vệ tài khoản và dữ liệu cá nhân?

- A. Không cần cài mật khẩu máy tính
B. Không có thói quen sao lưu dữ liệu
C. Không đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc
D. Đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc

Câu 6. Mạng xã hội là gì?

- A. Một cộng đồng cùng chung sở thích B. Một cộng đồng trực tuyến
C. Một cộng đồng cùng chung mục đích D. Một cộng đồng máy tính

Câu 7. Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào sau đây?

- A. Bình luận xấu về người khác B. Giao lưu với bạn bè
C. Trao đổi bài tập D. Chia sẻ các hình ảnh phù hợp của mình

Câu 8. Khi giao tiếp qua mạng điều nào sau đây nên tránh:

- A. Tôn trọng người khác khi giao tiếp
B. Bảo vệ tài khoản cá nhân trên mạng của mình
C. Đưa hình ảnh cá nhân của người khác lên mạng khi chưa được đồng ý
D. Tự chủ bản thân để sử dụng mạng hợp lí.

Câu 9. Em KHÔNG nên làm gì để tránh gặp thông tin xấu trên mạng?

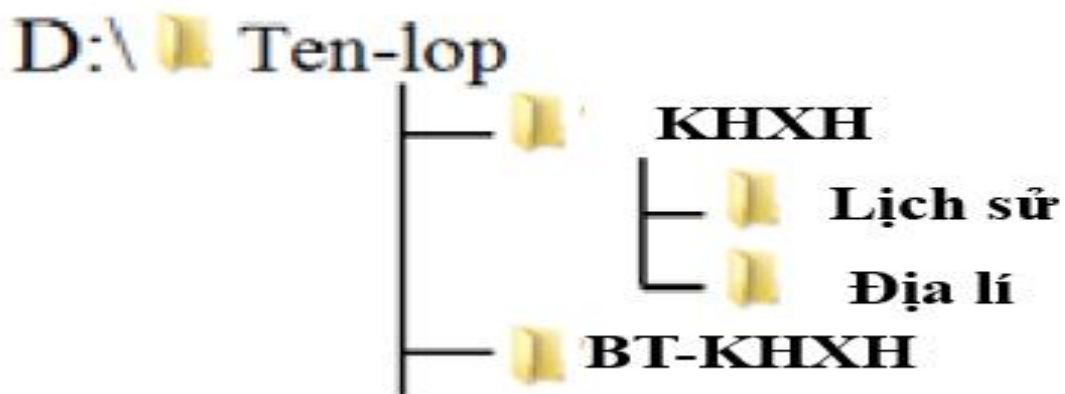
- A. Bảo mật thông tin cá nhân
- B. Chỉ truy cập vào các trang thông tin có nội dung phù hợp với lứa tuổi
- C. Nháy chuột vào các thông tin quảng cáo gây tò mò, giật gân, dụ dỗ kiếm tiền
- D. Đóng ngay các trang thông tin có nội dung xấu nếu vô tình truy cập vào

Câu 10. Cách tốt nhất em nên làm khi bị ai đó bắt nạt trên mạng là gì?

- A. Đe dọa người bắt nạt mình.
- B. Cố gắng quên đi và tiếp tục chịu đựng.
- C. Nói lời xúc phạm người đó.
- D. Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ, tư vấn.

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11 (2đ). Tạo cây thư mục trên ổ đĩa D (hình bên dưới)



Câu 12 (1đ). Sao chép thư mục **Lịch sử** sang thư mục **BT-KHXX**.

Câu 13 (1đ). Đổi tên thư mục **Lịch sử** ở thư mục **KHXX** thành **BT lịch sử**.

Câu 14 (1đ). Tạo 2 tệp tin Word với tên LS1 và LS2 trong thư mục **BT-KHXX**

----- Hết -----

Họ và tên:..... Lớp: MÃ ĐỀ B	KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i>	Điểm
--	--	-------------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Các thiết bị nào sau đây là thiết bị ra?

- A. Màn hình B. Chuột C. Bàn phím D. Máy quét

Câu 2. Việc nào không nên làm khi sử dụng máy tính:

- A. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng thiết bị
B. Rút điện trước khi lau máy tính
C. Để đồ uống gần bàn phím
D. Giữ bàn tay khô, sạch khi sử dụng máy tính

Câu 3. Em hãy chỉ ra phần mềm hệ thống trong các phương án sau:

- A. Word B. Windows 10 C. PowerPoit D. Paint

Câu 4. Việc nào sau đây không phải là chức năng của hệ điều hành?

- A. Sao chép tệp văn bản CaDao.docx từ ổ cứng sang USB.
B. Đổi tên tệp CaDao.docx trên USB thành CaDao-DanCa.docx
C. Xóa tệp dữ liệu CaDao.docx khỏi ổ đĩa cứng.
D. Tìm kiếm từ “quê hương” trong tệp văn bản CaDao.docx.

Câu 5. Đâu không phải là biện pháp bảo vệ tài khoản và dữ liệu cá nhân?

- A. Cài mật khẩu máy tính
B. Không đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc
C. Có thói quen sao lưu dữ liệu
D. Đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc

Câu 6. Mạng xã hội là gì?

- A. Một cộng đồng cùng chung sở thích B. Một cộng đồng máy tính
C. Một cộng đồng cùng chung mục đích D. Một cộng đồng trực tuyến

Câu 7. Ưu điểm của mạng xã hội là:

- A. Được sử dụng để lấy cắp dữ liệu.
B. Lan truyền thông tin nhanh chóng và rộng khắp.
C. Là môi trường lí tưởng cho việc bắt nạt và đe dọa trực tuyến.
D. Làm ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người sử dụng.

Câu 8. Khi giao tiếp qua mạng điều nào sau đây nên làm:

- A. Bảo vệ tài khoản cá nhân trên mạng của mình
- B. Giấu bố mẹ, thầy cô khi gặp vấn đề khiến em căng thẳng
- C. Đưa hình ảnh cá nhân của người khác lên mạng khi chưa được đồng ý
- D. Nói bậy, nói xấu người khác, sử dụng hình ảnh không lành mạnh

Câu 9. Theo em, hoạt động trên mạng nào sau đây dễ gây bệnh nghiện Internet nhất?

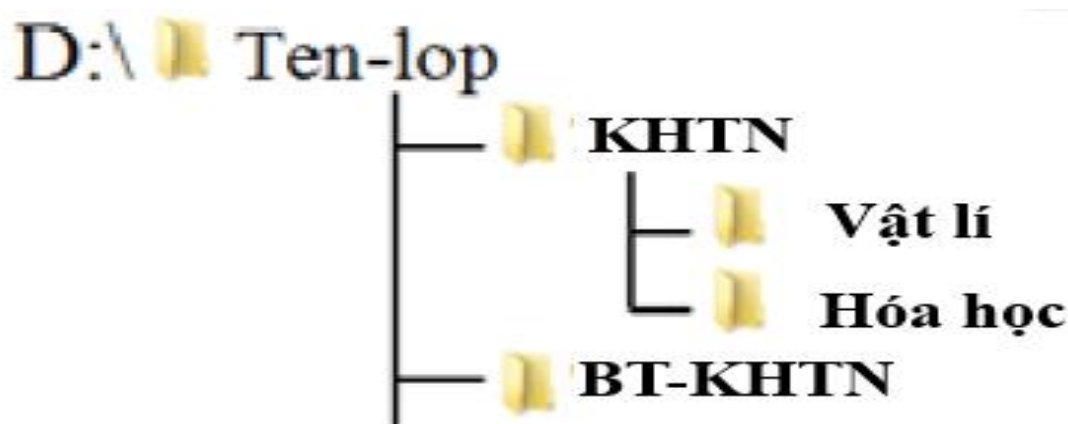
- A. Trao đổi thông tin điện tử
- B. Đọc tin tức.
- C. Học tập trực tuyến.
- D. Sử dụng mạng xã hội.

Câu 10. Những cách ứng xử nào sau đây là hợp lí khi truy cập một trang web có nội dung xấu?

- A. Tiếp tục truy cập trang web đó
- B. Gửi trang web đó cho bạn bè xem
- C. Đóng ngay trang web đó
- D. Sao lưu về máy tính cá nhân để xem

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11 (2đ). Tạo cây thư mục trên ổ đĩa D (hình bên dưới)



Câu 12 (1đ). Sao chép thư mục **Vật lí** sang thư mục **BT-KHTN**.

Câu 13 (1đ). Đổi tên thư mục **Vật lí** ở thư mục **BT-KHTN** thành **BT vật lí**

Câu 14 (1đ). Tạo 2 tệp tin Word với tên **BT1** và **BT2** trong thư mục **BT-KHTN**

----- **Hết** -----

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: A

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	D	A	D	B	A	C	C	D

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	Tạo được thư mục: + Tên lớp + KHXH + Lịch sử và Địa lí + BT-KHXH	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ
12 (1đ)	Sao chép thư mục Lịch sử sang thư mục BT-KHXH	1 đ
13 (1đ)	Đổi tên thư mục Lịch sử thành BT lịch sử	1 đ
14 (1đ)	Tạo tệp tin Word với tên LS1 Tạo tệp tin Word với tên LS2	0,5 đ 0,5 đ

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 7
Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: B

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	D	B	D	B	A	D	C

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	Tạo được thư mục: + Tên lớp + KHTN + Vật lí và Hóa học + BT-KHTN	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ
12 (1đ)	Sao chép thư mục Vật lí sang thư mục BT-KHTN	1 đ
13 (1đ)	Đổi tên thư mục Vật lí thành BT vật lí	1 đ

14 (1đ)	Tạo tệp tin Word với tên BT1 Tạo tệp tin Word với tên BT2	0,5 đ 0,5 đ
--------------------	--	------------------------------

Tuần: 10

Tiết: 10

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 6: LÀM QUEN VỚI PHẦN MỀM BẢNG TÍNH

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.
- Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột.
- Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh.

2.2. Năng lực Tin học

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông:

- Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số:

- Có ý thức tự bảo vệ sức khỏe trong khai thác và sử dụng ứng dụng ICT.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông:

- Hiểu được tầm quan trọng của thông tin: biết lựa chọn thông tin nào là phù hợp và “giá trị” để đưa vào bài trình chiếu.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài giảng tính.

NLe: Hợp tác trong môi trường số.

- Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa.
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

- **Giáo viên:**
 - + Máy tính kết nối tivi để giảng dạy nội dung lí thuyết và một phần nội dung thực hành trên lớp
 - + GV có thể dùng một trong các phần mềm bảng tính Microsoft Excel, Google Sheets để minh họa.
 - + Chuẩn bị bộ dữ liệu **THXanh** (Bộ dữ liệu này bao gồm các tệp dữ liệu hoàn chỉnh của dự án **Trường học xanh**)
 - + Máy tính trong phòng thực hành cần cài một trong các phần mềm bảng tính. GV tạo sẵn các biểu tượng phần mềm đưa ra màn hình nền để HS có thể nhanh chóng khởi động phần mềm.
- **Học sinh:** Đồ dùng học tập, dữ liệu cần thiết để điền thông tin vào bài dự án.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.1 Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Giới thiệu cho HS dự án **Trường học xanh** và dẫn dắt vào phần mềm bảng tính điện tử.
- Nội dung: Giới thiệu cho HS về dự án và yêu cầu học sinh trả lời gợi ý về dự án để hoàn thiện thông tin của dự án.
- Sản phẩm: Các thông tin về dự án.
- Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu cho HS dự án **Trường học xanh**, những công việc chuẩn bị sẽ làm và phần mềm ứng dụng sẽ được học để nhập thông tin và trình bày dự án.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh trả lời các câu hỏi sau:

- + Những vị trí nào trong trường có thể trồng thêm cây?
- + Loại cây nào phù hợp cho mỗi vị trí?
- + Những công việc gì cần được thực hiện?
- + Để thực hiện dự án, cần thu thập và tính toán rất nhiều dữ liệu. Nên sử dụng phần mềm nào trên máy tính để thực hiện những công việc đó?

- **Báo cáo, thảo luận:** HS thảo luận và điền thông tin vào bảng dữ liệu

Ai thực hiện	Vị trí trồng cây	Các loại cây sẽ trồng	Những công việc cần được thực hiện
Khởi lớp 7	•Trước mỗi lớp học •Sân trường, cổng trường •Vị trí công trình măng non theo từng lớp •Vườn hoa của nhà trường	•Cây hoa •Cây bóng mát •Cây ăn quả	Vận động từ GV, cha mẹ HS cùng đóng góp.
Sử dụng phần mềm nào trên máy tính để thực hiện những công việc đó Phần mềm bảng tính (Microsoft Excel, google sheets)			

- **Kết luận, nhận định:** GV gọi một số nhóm lên trình bày và tổng hợp các ý kiến của các nhóm, dẫn dắt đến bài học “Làm quen với phần mềm bảng tính”

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Giao diện phần mềm máy tính

- Mục tiêu: HS làm quen với giao diện phần mềm bảng tính, nhận diện được các khu vực chính của màn hình làm việc và chức năng của chúng.
- Nội dung: GV yêu cầu HS tìm những điểm chung và các vị trí giống nhau của các phần mềm trang tính. Nêu được các chức năng của một số vị trí quan trọng trong giao diện phần mềm bảng tính và trả lời các câu hỏi trong phiếu bài tập 1.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập số 1.

d) Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ** : GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm thảo luận thống nhất kết quả trên phiếu học tập số 1.

- **Thực hiện nhiệm vụ**: Các nhóm thực hiện.

- **Báo cáo, thảo luận**: GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

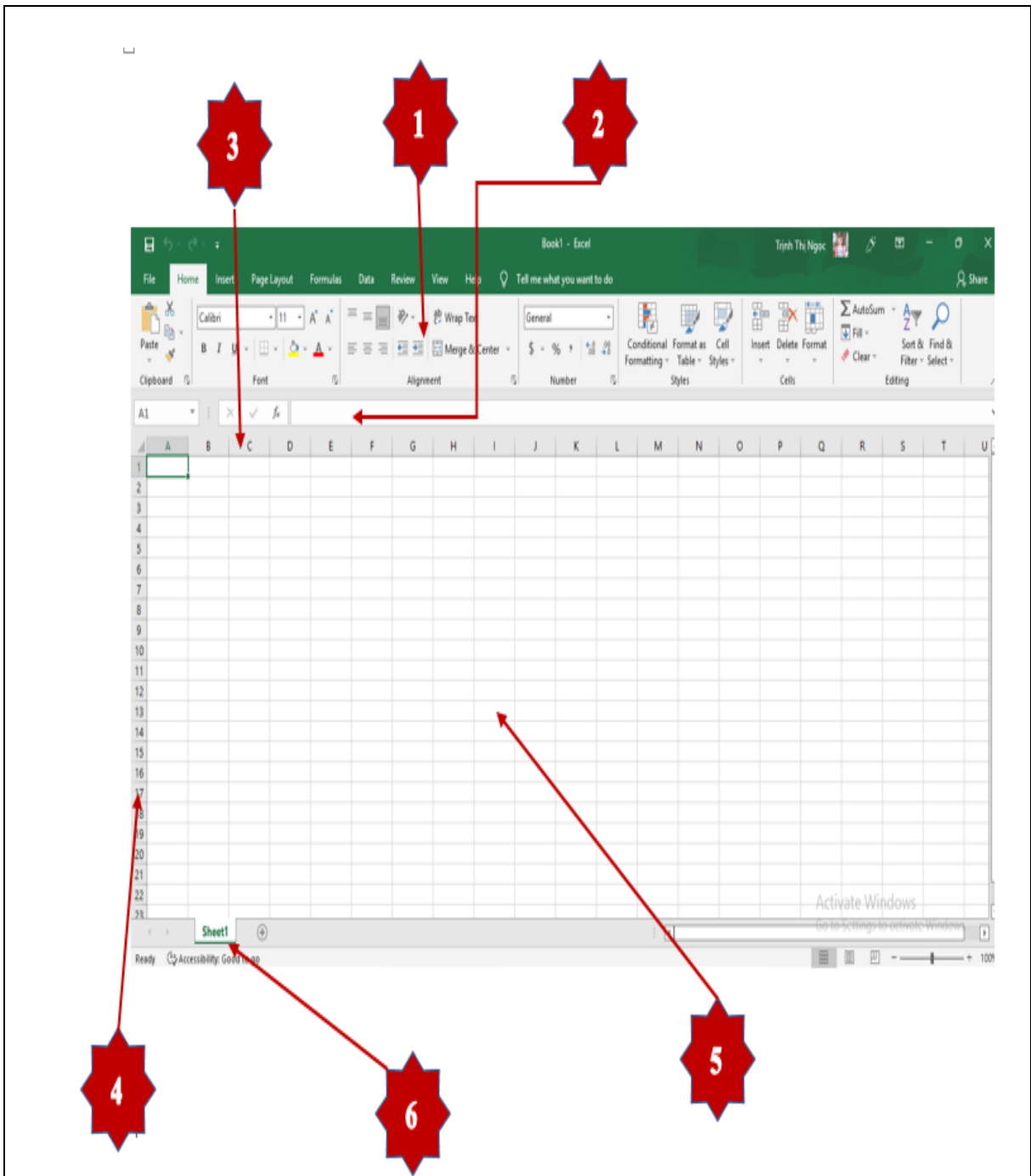
- **Kết luận, nhận định**: GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức

* **Ghi nhớ**: Phần mềm bảng tính giúp lưu lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán (từ đơn giản đến phức tạp) cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu trong bảng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm:.....

Quan sát hình và điền các thông tin vào bảng dưới đây:



Vị trí	Ý nghĩa
1.	
2.	
3.	
4.	

(?) Cách xác định địa chỉ của ô?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến
- **Kết luận, nhận định:** Ô ghi tên “Cao Thị Kim Chi” là B9, được xác định bởi cột B và hàng 9.

<Địa chỉ ô> = <Tên cột> <Tên hàng>

* **Chuyển giao nhiệm vụ 2:** GV thực hiện thao tác chọn vùng và yêu cầu HS xác định địa chỉ của vùng dữ liệu đang được chọn.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện và xác định địa chỉ của vùng dữ liệu.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời câu hỏi và nhận xét.
- **Kết luận, nhận định:**

* **Ghi nhớ:** Nhiều ô liên kế tạo thành hình chữ nhật trên trang tính gọi là vùng
<địa chỉ vùng> = <địa chỉ ô góc trên bên trái> : <địa chỉ ô góc dưới bên phải>

* **Chuyển giao nhiệm vụ 3:** Hs thảo luận theo nhóm (2hs/nhóm): thực hiện thao tác trên máy tính chọn (đánh dấu) ô D8; hàng 10; cột E; vùng C9:E12.

Qua đó, nêu thao tác chọn (đánh dấu) ô, hàng, cột, vùng trên bảng tính.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và trả lời câu hỏi của GV
- **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS và tổng kết.

* **Ghi nhớ:** Các thao tác chọn (đánh dấu) một ô, hàng, cột, vùng trên trang tính

- Chọn ô: Nháy chuột vào ô cần chọn
- Chọn một hàng: Nháy chuột vào tên hàng cần chọn
- Chọn một cột: Nháy chuột vào tên cột cần chọn
- Chọn một vùng: Kéo thả chuột từ một ô góc (trên bên trái) đến ô ở góc đối diện (dưới bên phải). Ô chọn đầu tiên sẽ là ô hiện thời.

Hoạt động 2.3: Nhập, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu trong trang tính

a. Mục tiêu: Hs cần nắm được

- Cách nhập và chỉnh sửa dữ liệu vào ô tính
- Hiểu được cách phân mềm tự động nhận biết và định dạng dữ liệu
- Phần mềm sẽ tự động nhận biết kiểu dữ liệu là số, văn bản hoặc ngày tháng

- Hs thực hiện được thao tác nhập dữ liệu, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu trong trang tính

b. Nội dung:

- Hs thực hành trên máy tính và thực hiện các bước nhập dữ liệu và trả lời các câu hỏi: các cách nhập dữ liệu, dữ liệu được nhập vào các ô sẽ được tự động căn chỉnh như thế nào?

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ 1:** GV chiếu bảng tính có sẵn, yêu cầu HS nhập dữ liệu trên máy tính. Từ đó nêu các bước nhập dữ liệu vào ô tính.

	A	B	C	D
1				
2		Họ và tên	Nguyễn Đăng Lê Anh	
3		Ngày sinh	24/12/2010	
4		Điểm Toán		8.0
5		Điểm Ngữ Văn		7.5
6		Điểm Ngoại Ngữ		8.1
7				
8				

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện theo nhóm và trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS và tổng kết.

*** Ghi nhớ:** Cách nhập dữ liệu:

Bước 1: Nháy chuột vào ô muốn nhập

Bước 2: Thực hiện việc nhập dữ liệu từ bàn phím (hoặc nháy chuột vào vùng nhập dữ liệu, sau đó mới tiến hành nhập dữ liệu từ bàn phím), nhập xong nhấn phím Enter.

Lưu ý:

- Dữ liệu văn bản sẽ tự động căn trái.
- Dữ liệu số, ngày tháng,... sẽ tự động căn phải.

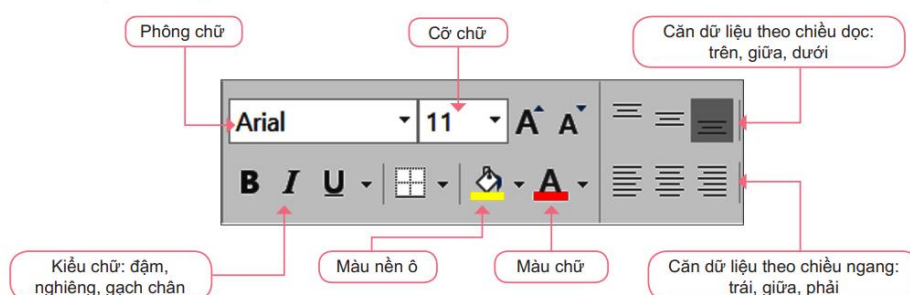
*** Chuyển giao nhiệm vụ 2:** Hãy quan sát bảng dữ liệu sau và cho biết đặc điểm khác biệt giữa trang tính (GV chiếu 2 trang tính).

Để thực hiện định dạng theo hình mẫu thì ta sử dụng những nút lệnh nào?

	A	B	C	D
1				
2		Họ và tên	Nguyễn Đăng Lê Anh	
3		Ngày sinh	24/12/2010	
4		Điểm Toán	8.0	
5		Điểm Ngữ Văn	7.5	
6		Điểm Ngoại Ngữ	8.1	
7				

Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hiện yêu cầu của GV.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời câu hỏi và nhận xét.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS và tổng kết.



Hoạt động 2.4: Thực hành: Nhập thông tin khảo sát dự án trường học xanh

a. Mục tiêu: Hs rèn luyện kỹ năng sau:

- Thao tác tạo, nhập dữ liệu cho bảng tính.
- Thực hiện thao tác định dạng dữ liệu.
- Thực hiện thao tác lưu bảng tính.

b. Nội dung:

- Hs tạo, nhập dữ liệu cho bảng tính theo mẫu
- Thực hiện chỉnh sửa và định dạng dữ liệu.
- Lưu lại bảng tính với tên **THXanh.xlsx**

c. Sản phẩm: Bảng tính **THXanh.xlsx**

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs thực hiện nhập thông tin khảo sát “Dự án trường học xanh”.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện thao tác trên máy tính theo hướng dẫn.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV lưu ý những lỗi mắc phải trong quá trình thực hành của hs
- **Kết luận, nhận định:** Bảng **THXanh.xlsx**

3. Hoạt động 3: Luyện tập – Thực hiện kết hợp trong phần thực hành

a. Mục tiêu: Hs rèn luyện kỹ năng sau:

- Thao tác xóa nhanh dữ liệu.
- Cách nhập dữ liệu vào trang tính.

b. Nội dung:

- Muốn xóa nhanh dữ liệu trong một vùng thì làm thế nào?
- Hs nêu các cách nhập dữ liệu cho bảng tính.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS thực hiện thao tác trên máy sau đó trả lời câu hỏi: xóa nhanh dữ liệu, nêu cách nhập dữ liệu, mô tả các cách đó.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thực hiện thao tác trên máy tính theo hướng dẫn.
- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện HS trả lời và HS khác nhận xét
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS và tổng kết.

Hướng dẫn:

1. Sau khi đánh dấu vùng muốn xóa, cần nhấn phím Delete.
2. Có hai cách nhập được mô tả trong SGK

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được phần mềm mặc định hiểu cách nhập ngày tháng năm
- Hs rèn luyện kỹ năng nhập và định dạng dữ liệu.

b. Nội dung: Thực hiện yêu cầu

- **Câu 1.** Vì sao khi nhập 12/15/2020 thì phần mềm tự động căn phải, nhưng nếu nhập 15/12/2020 thì phần mềm tự động căn trái.
- **Câu 2.** Em hãy tìm một số loại cây có thể mua và trồng cho dự án **TRƯỜNG HỌC XANH**. Em hãy tạo bảng tính và đặt tên là **Danh sách các loại cây**.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời câu 1 và bảng tính **Danh sách các loại cây**

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv nêu yêu cầu thực hiện yêu cầu theo mẫu (Có thể hướng dẫn về nhà, nộp bảng tính ở tiết học sau)

	A	B	C
1	DANH SÁCH CÁC LOẠI CÂY		
2			
3	STT	Loại cây	Tên cây
4		(Cây hoa, Cây ăn quả, Cây bóng mát)	
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs trả lời câu hỏi số 1 và vở ghi

+ Câu hỏi số 2: hs thực hành trên máy tính

- **Báo cáo, thảo luận:** Hs làm bài nhóm (2hs/máy) trên máy tính

- **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi tạo nhập, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu trong bảng tính.

Tuần: 11, 12

Tiết: 11, 12

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 7: TÍNH TOÁN TỰ ĐỘNG TRÊN BẢNG TÍNH

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính.
- Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức.
- Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều tự động dữ liệu.
- Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính.
- Tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. Sử dụng được công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức

2.2. Năng lực Tin học

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông:

- Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu

NLe: Hợp tác trong môi trường số.

- Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, các trình duyệt, ... phần mềm ứng dụng được cài đặt như: phần mềm bảng tính, phần mềm trình chiếu

2. Học liệu:

- **Giáo viên:** Giáo án, các đồ dùng dạy học cần thiết, phòng máy tính. Tập **THXanh.xlsx** để sẵn sàng cho bài thực hành
- **Học sinh:** Đồ dùng học tập, tập **THXanh.xlsx** để sẵn sàng cho bài thực hành

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.1 Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Trao đổi trước một số yêu cầu cần có của phần mềm trước khi đi vào một bài cụ thể.

b. Nội dung: Trao đổi với HS về dự án **Trường học xanh**. Tìm hiểu các công cụ tính toán đó của phần mềm bảng tính để có thể sử dụng cho dự án.

c. Sản phẩm: Hs đưa ra được các phép toán của phần mềm bảng tính sử dụng cho dự án

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu bảng tính và yêu cầu HS sử dụng phép tính để hoàn thành ô **Tổng cộng**

E16	:	X	✓	<i>fx</i>	
	A	B	C	D	E
13					
14	Dự kiến số lượng cây cần trồng				
15	STT	Loại cây	Vị trí	Số lượng	Tổng số
16	1	Cây hoa	20	15	
17	2	Cây ăn quả	25	4	
18	3	Cây bóng mát	40	10	

*** Thực hiện nhiệm vụ:** 2hs trao đổi thảo luận và thực hiện

*** Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi HS trong nhóm trả lời.
- HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét kết quả của HS, từ đó đưa các phép toán sử dụng trong dự án

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Nhận biết kiểu dữ liệu trên bảng tính

a. Mục tiêu: Hs nhận biết được dữ liệu trên ô tính sẽ bao gồm:

- 3 kiểu dữ liệu chính: số, chữ (văn bản) và ngày tháng.
- Công thức: công thức được nhập theo cú pháp

b. Nội dung: GV yêu cầu Hs tìm hiểu bảng tính và nhận biết các kiểu dữ liệu có trong bảng tính. Yêu cầu hs tính tổng điểm từng cột kiểm tra và điểm trung bình môn trong bảng dữ liệu.

c. Sản phẩm: kết quả trong bảng tính.

Tổng: F11=7+7+8+7+8

G11=8+7+8+8+8

H11=9.5+7+6.5+7.5+6

I11=7+5+6+10+3

Điểm trung Bình Môn: J6=(7+8+9.5+7)/4

J7=(7+7+7+5)/4

J8=(8+8+6.5+6)/4

J9=(7+8+7.5+10)/4

J10=(8+8+6+3)/4

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu một số kí hiệu phép toán dùng trong phần mềm bảng tính.

- Hoạt động nhóm lớn (4nhóm). HS quan sát các ô dữ liệu và cho biết
- + Bảng tính điện tử nhận biết được kiểu dữ liệu nào?
- + Các kiểu dữ liệu đó được thể hiện như thế nào trong bảng tính?

+ Thực hiện tính tổng điểm từng cột kiểm tra và điểm trung bình môn trong bảng dữ liệu? Nêu công thức tổng quát

	A	C	D	E	F	G	H	I	J
1									
2	BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT - MÔN TIN HỌC								
3									
4	STT	Ngày sinh	Họ và tên		ĐDGTx		ĐDGTgk	ĐDGTck	ĐTB mhc
5					TX1	TX2			
6	1	18/10/2009	Nguyễn Quốc	Bảo	7	8	9.5	7	
7	2	14/12/2009	Doãn Thị Bích	Chi	7	7	7	5	
8	3	3/8/2009	Mai Văn	Duy	8	8	6.5	6	
9	4	1/1/2009	Nguyễn Đức	Duy	7	8	7.5	10	
10	5	11/3/2009	Võ Thị Thùy	Duyên	8	8	6	3	
11			Tổng						

Đối với HS Phan Thanh Duy:

+ Nêu các kiểu dữ liệu trên bảng tính điện tử?

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi của GV. Trình bày kết quả trên bảng nhóm.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả của nhóm. Nhóm khác nhận xét.

* **Kết luận và nhận định:** GV nhận xét chung và chốt kiến thức cho hs

* **Ghi Nhớ:**

Dữ liệu trong ô tính có thể kiểu dữ liệu **số, văn bản, ngày tháng và công thức**. Công thức luôn bắt đầu bằng dấu "=", sau đó là **biểu thức** toán học.

Hoạt động 2.2: Nhập công thức vào bảng tính

a. Mục tiêu:

- HS biết cách nhập đúng công thức liên quan đến dữ liệu từ các ô hay vùng khác
- HS biết được ý nghĩa tính toán tự động của công thức khi dữ liệu của các ô liên quan thay đổi

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh nhập công thức tính **Điểm trung bình môn** theo hai cách. Và so sánh sự khác nhau giữa hai cách đó. Đưa một số ví dụ về thực hiện công thức tính trong phần mềm bảng tính

c. Sản phẩm: Sử dụng địa chỉ của ô để tính **Điểm trung bình môn** (sử dụng bảng tính ở hoạt động 2.1)

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Hs trả lời câu hỏi sau:

+ Nêu công thức tính điểm trung bình môn tại ô J6 bằng 2 cách?

+ Nếu sửa dữ liệu tại ô G6 và I6 thì kết quả thay đổi như thế nào khi sử dụng 2 cách.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện trên máy tính và trả lời câu hỏi trên.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả của nhóm. Nhóm khác nhận xét.

*** Kết luận và nhận định:** GV nhận xét chung và chốt kiến thức cho hs

*** Ghi Nhớ:**

Khi nhập công thức vào ô tính, nếu tính toán với giá trị từ các ô dữ liệu khác thì trong công thức cần ghi địa chỉ của dữ liệu tương ứng. Phần mềm bảng tính sẽ **tự động tính toán** và cập nhật kết quả nếu có thay đổi.

Hoạt động 2.3. Sao chép ô tính chứa công thức

a. Mục tiêu:

- Hs biết cách sao chép ô dữ liệu có công thức sang một vị trí khác.

- Hs biết và hiểu được ý nghĩa về tính bảo toàn quan hệ tương đối giữa địa chỉ ô chứa công thức và địa chỉ các ô, vùng trong công thức. Đây cũng là tính năng rất quan trọng của phần mềm bảng tính.

b. Nội dung:

- GV đưa ra ví dụ để giải thích cho hs hiểu cách sao chép thì công thức được sao chép và bảo toàn tính đúng đắn của công thức

c. Sản phẩm: Hoàn thiện bảng **Dự kiến số lượng cây trồng**

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- HS thảo luận nhóm các vấn đề thực hiện sao chép dữ liệu ô E4 sang ô E5, E6

- GV cũng có thể hỏi trực tiếp từng HS hoặc gọi HS lên bảng làm bài tập, hoặc yêu cầu hs thao tác trực tiếp trên máy tính để hs hiểu rõ hơn

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả sau khi thực hiện lệnh sao chép trong bảng **Dự kiến số lượng cây trồng**.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

* **Ghi nhớ:**

- Khi sao chép một ô có công thức chứa địa chỉ, các địa chỉ được điều chỉnh để giữ nguyên vị trí tương đối giữa ô chứa công thức và ô có địa chỉ trong công thức.

- Chức năng tính toán tự động của phần mềm bảng tính còn được thể hiện khi sao chép công thức.

Hoạt động 2.4. Thực hành nhập thông tin dự kiến số lượng cây cần trồng của dự án

a. Mục tiêu:

- HS thực hành để hoàn thiện bảng dữ liệu Bảng **Dự kiến số lượng cây** theo yêu cầu.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thực hành theo đúng các bước đã mô tả trong SGK.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện Trang tính **Dự kiến số lượng cây cần trồng**

d. Tổ chức thực hiện:

* ***Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV hướng dẫn chi tiết cho hs nhập trang 2,3 của tệp theo yêu cầu

- Trang tính 2: 2. Dự kiến số lượng cây

- Tiêu đề của bảng dữ liệu: **Dự kiến số lượng cây cần trồng**

Đối với HS Phan Thanh Duy:

+ Thực hiện tính tổng điểm từng cột kiểm tra và điểm trung bình môn trong bảng dữ liệu?

* ***Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hành trên máy tính.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày trang tính 2 sau khi hoàn thiện theo yêu cầu. Nếu HS chưa hoàn thiện thì có thể cho HS về nhà hoàn thiện.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS thực hành để hoàn thiện bảng dữ liệu trang tính 3 Tìm hiểu giống cây

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thực hành theo đúng các bước đã mô tả trong SGK.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện trang tính 3 Tìm hiểu giống cây

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn chi tiết cho hs nhập trang 3 Tìm hiểu giống cây theo yêu cầu

- Trang tính 3: 3. Tìm hiểu giống cây

- Tiêu đề của bảng dữ liệu: **Giá thành các loại cây**

	A	B	C	D	E	F
1						
2	Giá thành các loại cây					
3	STT	Loại cây	Tên Cây	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
4	1	Cây hoa	Hoa mười giờ	25000	20	
5	2		Hoa Dạ Yến thảo	45000	23	
6	3		Hoa dừa cạn	15500	43	
7	4		Hoa cúc vàng	30500	33	
8	5		Hoa hồng	54000	32	
9	6	Cây Ăn quả	Bưởi	75000	21	
10	7		Xoài	85000	17	
11	8		Vú sữa	45000	19	
12	9		Khế	34500	22	
13	10		Chanh	25900	20	
14	11		Táo	38500	32	
15	12	Cây bóng mát	Bằng lăng	54600	11	
16	13		Phượng vĩ	72500	14	
17	14		Bàng	80000	20	
18	15		Sưa đỏ	120000	15	
19	16		Muồng	65000	16	

Chú ý: Phần nội dung của bài tập này sẽ được dùng trong các bài thực hành tiếp theo.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày trang tính 3 sau khi hoàn thiện theo yêu cầu.

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức để giải quyết bài 1,2 phần vận dụng

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và thực hành theo yêu cầu của đề bài

c. Sản phẩm: Kết quả câu trả lời câu 1 và bảng tính **Dientichrung.xlsx**

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu bảng tính, yêu cầu HS thực hành theo mẫu.

	A	B	C	D
1	DIỆN TÍCH PHŨ RỪNG CÁC TỈNH TRUNG BỘ			
2	Đơn vị tính: ha			
3	Tỉnh	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Tổng diện tích
4	TP Đà Nẵng	43.232	20.056	
5	Quảng Nam	466.207	216.827	
6	Quảng Ngãi	107.034	225.254	
7	Bình Định	215.295	164.153	
8	Phú Yên	127.943	115.932	
9	Khánh Hoà	176.196	67.658	
10	Ninh Thuận	146.362	9.032	
11	Bình Thuận	288.674	53.33	

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả sau khi hoàn thiện theo yêu cầu.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và rút kinh nghiệm chung trong quá trình học sinh thực hành.

Tuần: 13, 14

Tiết: 13, 14

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 8: CÔNG CỤ HỖ TRỢ TÍNH TOÁN

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...

- Thao tác thành tạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Thực hiện được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh. Sử dụng được một số hàm cơ bản hỗ trợ tính toán bằng công thức, giải quyết được các bài toán thực tế đơn giản.

2.2. Năng lực Tin học

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông:

- Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu.

NLe: Hợp tác trong môi trường số.

- Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa.
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

- **Giáo viên:** Giáo án, các đồ dùng dạy học cần thiết, phòng máy tính. Tập **THXanh.xlsx** để sẵn sàng cho bài thực hành
- **Học sinh:** Đồ dùng học tập, tập **THXanh-3.xlsx** để sẵn sàng cho bài thực hành

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Làm quen với các công thức, biểu thức đã biết để có thể hiểu được nội dung chính của bài học là các hàm trên phần mềm bảng tính
- Nội dung:
 - Đưa ra các công thức quen thuộc để học sinh liên hệ nội dung bài học
- Sản phẩm: Hs đưa ra được nội dung chính của bài học
- Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Cho bảng tính GV yêu cầu hs đưa ra công thức quen thuộc đã học trong bài trước để tính tổng điểm và TBC 3 môn cho HS1, HS2.

	A	B	C	D	E	F	G
1	STT	Họ và tên	Toán	Lý	Tin	Tổng	TBC
2	1	Nguyễn Hải Anh	2	5	6	?	?
3	2	Trần Ngọc Anh	4	9	7	?	?
4	3	Lê Thị Minh Ánh	8	7	9	?	?
5	...						
6	40						

- * Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi
- * Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét.
- * Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả của HS, giới thiệu bài mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Hàm trong bảng tính

- Mục tiêu:
 - Hs nhận biết được khái niệm hàm trên bảng tính, phân biệt được tên hàm, tham số của hàm, ý nghĩa của hàm và cách viết hàm.
 - Hs biết được cách sử dụng hàm trong công thức
- Nội dung: Yêu cầu học sinh hãy quan sát công thức là hàm trong để nhận biết được tên hàm, ý nghĩa của hàm, các tham số của hàm.
- Sản phẩm: Nội dung trả lời câu hỏi của học sinh trong vở

Đáp án:

- Dữ liệu ở 2 hình là: Công thức

- Có sử dụng các hàm
- Tên hàm đã nhập là SUM (Hình 8.1) và AVERAGE (Hình 8.2)
- Ý nghĩa hàm SUM: Tính tổng các số trong 1 vùng hoặc các ô
- Ý nghĩa hàm AVERAGE: Tính trung bình cộng các số trong 1 vùng hoặc các ô
- Tham số của các hàm này có thể là một vùng hoặc nhiều ô.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Hoạt động nhóm chia từ 3-4 hs/nhóm. HS quan sát công thức là hàm trong hình 8.1 và hình 8.2 (chú ý quan sát kĩ công thức trong vùng dữ liệu) và trả lời các câu hỏi sau:

- Dữ liệu được nhập vào ô E6 (Hình 8.1) và E6 (Hình 8.2) là kiểu dữ liệu gì?
- Công thức này có gì đặc biệt
- Tên của hàm là gì?
- Ý nghĩa của hàm?
- Hàm có bao nhiêu tham số, các tham số của hàm là gì?

= SUM (B5 : D7)

E6					
	A	B	C	D	E
1					
2		Số cây hoa đã trồng của tổ 3			
3					
4		Hoa hồng	Hoa lan	Hoa cúc	
5	Bình	2	5	3	Tổng số cây hoa
6	Hòa	1	2	4	24
7	Hương	3	1	3	

Hình 8.1. Hàm SUM

= AVERAGE (B5 : C7)

E6					
	A	B	C	D	E
1					
2		Khối lượng công việc của các lớp (m2)			
3					
4	Lớp	Ngày 1	Ngày 2		
5	7A	7	5	Khối lượng trung bình	
6	7B	3	5		5
7	7C	4	6		

Hình 8.2. Hàm AVERAGE

Đối với HS Phan Thanh Duy: Nêu tên hàm và công dụng của hàm ở hình 8.1 và 8.2

*** Thực hiện nhiệm vụ:** hs trình bày kết quả trên bảng nhóm.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả của nhóm. Các nhóm khác nhận xét.

*** Kết luận và nhận định:** GV thực hiện trực tiếp lên màn hình 2 ví dụ tương ứng ở trên sau đó nhận xét chung và chốt kiến thức cho hs.

Hoạt động 2.2: Nhập hàm

a. Mục tiêu:

- Hs nhận biết cách nhập công thức và hàm vào bảng tính cũng giống như nhập dữ liệu vào ô tính, sẽ có 2 cách nhập hàm
 - + Nhập trực tiếp tại ô tính

+ Nhập tại vùng nhập dữ liệu phía trên bảng tính.

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh quan sát bảng dữ liệu hình 8.3 và nhập hàm để tính tổng các cây được phân bổ mỗi lớp. Từ đó rút ra kết luận cách nhập hàm trên bảng tính

c. Sản phẩm: Cách nhập hàm trong phần mềm bảng tính

Đáp án: Cách nhập này gần giống cách nhập công thức và khác biệt hoàn toàn với cách nhập dữ liệu thông thường.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + HS quan sát bảng dữ liệu phân bổ các cây hoa như hình 8.3. Chúng ta sẽ nhập hàm gì để tính tổng các cây được phân bổ cho mỗi lớp. Yêu cầu học sinh thực hiện ngay trên máy tính
- + Sau khi hs thực hiện trên máy thì trả lời các câu hỏi sau:
 - Em hãy đưa ra cách nhập hàm trên bảng tính
 - Cách nhập hàm trên bảng tính có giống cách nhập công thức và cách nhập dữ liệu thông thường hay không?
 - Các tham số của hàm có thể là địa chỉ ô hoặc vùng dữ liệu không?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện trên máy tính, GV hỏi trực tiếp từng hs, gọi HS trực tiếp lên thao tác trên máy của giáo viên.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS thực hiện trên máy tính của GV, các hs khác góp ý nhận xét.

- GV thao tác lại cách nhập cho hs quan sát, nhận xét chung và chốt lại quy tắc nhập một hàm trên bảng tính.

- Cách nhập hàm số tương tự cách nhập công thức.

- GV thực hiện việc sao chép công thức hàm số trên dữ liệu, sau đó đưa ra yêu cầu hs đưa ra nhận xét kết quả sao chép hàm số.

*** Kết luận và nhận định:** GV cần nhấn mạnh một số lưu ý khi nhập hàm

*** Ghi nhớ:**

Cách nhập hàm tương tự cách nhập công thức

Cú pháp nhập hàm: = <tên hàm>(<các tham số>)

Cần nhập chính xác tên của hàm và các tham số của hàm. Khi nhập thông tin vùng dữ liệu trong tham số của hàm có thể dùng chuột chọn các ô hoặc vùng này. Tên hàm có thể dùng chữ in hoa hoặc in thường.

Hoạt động 2.3: Làm quen với một số hàm tính toán đơn giản

a. Mục tiêu:

- HS làm quen với một số hàm cơ bản hỗ trợ tính toán như: SUM, AVERAGE, MAX, MIN, COUNT.
- Hs biết được ý nghĩa của một số hàm tính toán đơn giản như tính tổng, min, max, giá trị trung bình, đếm

b. Nội dung: Yêu cầu học sinh quan sát trang tính **Dự kiến phân bổ cây hoa cho các lớp**, tính toán để trả lời các câu hỏi như trên hình 8.5 qua 2 cách tính bằng tay và tính toán trên phần mềm bảng tính. Qua ví dụ đó đưa ra cú pháp và ý nghĩa của các hàm thông dụng trên

c. Sản phẩm: Thực hiện tính toán trên bảng dữ liệu hình 8.5 và bảng cú pháp, ý nghĩa một số hàm thông dụng

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- + Hs đọc và tìm hiểu các hàm thông dụng trong SGK
- + Chia HS theo nhóm 3-4 hs để trao đổi, thảo luận trả lời các câu hỏi trên hình 8.5. Một số nhóm có nhiệm vụ thực hiện công thức tính bằng tay, một số nhóm sẽ nhập công thức trên máy tính sau đó so sánh kết quả thực hiện. Vị trí cần nhập dữ liệu là các ô từ K4 đến K8.
- + Hs hoàn thiện bản cú pháp một số hàm

STT	Tên hàm	Cách viết	Ý Nghĩa	Ví dụ

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Viết 4 hàm: tính tổng, trung bình cộng, tìm giá trị lớn nhất, tìm giá trị nhỏ nhất

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện trên máy tính và trả lời câu hỏi theo yêu cầu.

* **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi từng nhóm lên trình bày, các nhóm đưa ra phương án của mình và gv kết luận về một số hàm sẽ được học.

*** Kết luận và nhận định:** GV nhấn mạnh lại bảng cú pháp một số hàm và cho hs trả lời câu hỏi sau để lưu một số lỗi hay mắc phải khi sử dụng hàm

Hoạt động 2.4. Thực hành: Tính toán trên dữ liệu trồng cây thực tế

a. Mục tiêu:

- Hs thực hành để hoàn thiện bảng dữ liệu Bảng 4- Dự kiến phân bố cây cho các lớp (Trang tính 4)

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thực hành theo đúng các bước đã mô tả trong SGK.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện Trang tính 4. Dự kiến kết quả

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + GV hướng dẫn chi tiết cho hs nhập trang tính 4 – hình 8.6 theo yêu cầu
- + Trang tính 4 – Dự kiến kết quả
- + Tiêu đề của bảng dữ liệu: Bảng 4 Dự kiến phân bố cây cho các lớp

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày trang tính 4 sau khi hoàn thiện theo yêu cầu. Nếu HS chưa hoàn thiện thì có thể cho HS về nhà hoàn thiện.

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Hs trả lời các câu hỏi phần luyện tập và thực hành trên bảng 4 Dự kiến phân bố cây cho các lớp để trả lời câu hỏi

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thực hành theo đúng các bước đã mô tả trong SGK.

c. Sản phẩm: Nội dung câu trả lời của các câu hỏi phần luyện tập

Đáp án: 1. Có thể dùng công thức khác mà vẫn đúng với ý nghĩa: =SUM(D9:J9).

Tương tự có thể nhập với các ô K17, K24

2. Ba công thức đều tính tổng giá trị các ô từ C3 đến K3 nên có giá trị như nhau.

3. =MAX(D25:J25)

=AVERAGE(D25:J25)

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Làm bài tập SGK phần luyện tập.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời vào vở và thực hành trên máy tính.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả, hs khác nhận xét. GV nhận xét cho điểm hs.

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức để giải quyết bài tập SGK phần vận dụng

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và thực hành theo yêu cầu của đề bài

c. Sản phẩm: Bảng tính các khoản chi tiêu trong gia đình em

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu và gợi ý hướng dẫn HS cách làm bài tập vận dụng theo mẫu sau

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1									
2		Bảng chi tiêu gia đình tháng 10							
3									
4		Ngày	Đi chợ hàng ngày	Quần áo	Đồ dùng	Taxi	Điện/nước	Sách vở học tập	Khác
5		1	130000						123600
6		2	252000		550500			11000	31000
7		3	311400	1200000		87500	320000	90000	15000
8									
9									
10									

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành.

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả sau khi hoàn thiện theo yêu cầu.

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và rút kinh nghiệm chung trong quá trình học sinh thực hành.

Tuần: 15

Tiết: 15

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An
Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:
Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 9. TRÌNH BÀY BẢNG TÍNH

Môn: Tin học; Lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính.
- Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như SUM, AVERAGE, COUNT, MIN, MAX vào dự án Trường học xanh.

Đối với HS khuyết tật:

- HS biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thực hiện được định dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. Áp dụng được một số tính năng của các hàm để giải quyết bài toán cụ thể

2.2. Năng lực Tin học

- NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông: HS sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề.
- NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học: HS sử dụng phần mềm Excel để hoàn thiện dự án trường học xanh.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt như: phần mềm bảng tính, phần mềm trình chiếu

2. Học liệu:

- GV: Giáo án, phòng máy tính, bài thực hành mẫu,..
- HS: Đồ dùng học tập, sách vở, bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

5. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Dẫn dắt học sinh vào nội dung của bài mới.
- Nội dung: HS quan sát một phần bảng tính của dự án Trường học xanh trong hình 9.1 và trả lời câu hỏi. Sau đó, GV dẫn dắt đến nội dung của bài mới.
- Sản phẩm: Nội dung câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu hình ảnh bảng tính của dự án **Trường học xanh** trong hình 9.1. Yêu cầu học sinh quan sát và trả lời câu hỏi: Em thấy bảng tính cần chỉnh sửa, định dạng hay làm gì để bảng tính đẹp hơn? GV có thể gợi ý những chỗ có thể cần điều chỉnh, vì sao cần điều chỉnh để dẫn đến bài học chính.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm theo bàn và trả lời câu hỏi

*** Báo cáo kết quả, thảo luận:** GV gọi đại diện nhóm HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và nhấn mạnh: việc chỉnh sửa, định dạng hay trình bày dữ liệu cho đẹp hơn là rất cần thiết.

6. Hoạt động 2: Làm quen với lệnh định dạng dữ liệu (Format Cells)

- Mục tiêu:
 - HS biết cách thực hiện một số lệnh định dạng dữ liệu số, dữ liệu kiểu phân trăm, ngày tháng trên bảng tính.
- Nội dung: HS tìm hiểu đọc nội dung SGK và trả lời câu hỏi SGK, sau đó thao tác trên máy.
- Sản phẩm: Kết quả hoạt động nhóm & Bảng tính hình 9.1 được điều chỉnh để hiển thị dữ liệu dễ đọc hơn, phù hợp hơn, đẹp hơn.
- Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ 1

- Hoạt động nhóm chia từ 3-4HS/nhóm. HS quan sát dữ liệu trong hình 9.1 và cho biết

- + Cột dữ liệu trung bình cần điều chỉnh gì để hiển thị dễ đọc, dễ so sánh hơn không?
- + Dữ liệu tại cột Chi phí nên trình bày lại như thế nào để phù hợp với dữ liệu là số tiền?
- + Cách thực hiện giải quyết vấn đề trên
- + Ý nghĩa của định dạng dữ liệu số

Đối với HS khuyết tật: nêu cách định dạng kiểu số

*** Chuyển giao nhiệm vụ 2:**

- + Yêu cầu HS đọc SGK, quan sát hình 9.3 và hình 9.4 và cho biết để định dạng dữ liệu phần trăm thì em làm như thế nào? Yêu cầu HS thực hiện trên máy để rút ra thao tác thực hiện.
- + Ý nghĩa của định dạng dữ liệu kiểu phần trăm

*** Chuyển giao nhiệm vụ 3:**

- + Yêu cầu HS đọc SGK và tìm hiểu cách chọn các kiểu định dạng dữ liệu ngày tháng
- + Có thể thực hiện phép toán cộng, trừ cho dữ liệu kiểu ngày tháng được hay không?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi của GV vào bảng nhóm.

*** Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS trình bày kết quả của nhóm. Mời đại diện một vài nhóm lên thực hiện thao tác trên máy. GV nhận xét chung và chốt kiến thức cho HS.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả hoạt động của các nhóm và kết luận:

*** Ghi nhớ:**

Có thể định dạng dữ liệu số theo các kiểu khác nhau như xác định số chữ số thập phân, phân tách hàng nghìn, hàng triệu,... Có thể định dạng số theo kiểu phần trăm và định dạng dữ liệu ngày tháng của Việt Nam (dd/mm/yyyy).

7. Hoạt động 3: Tìm hiểu một số lệnh trình bày bảng tính

a. Mục tiêu:

- HS thực hiện được một số lệnh trình bày bảng tính đơn giản như chèn, xóa, ẩn, hiện hàng hoặc cột, lệnh gộp các ô của một vùng dữ liệu.

b. Nội dung: HS đọc nội dung SGK để biết và hiểu ý nghĩa một số lệnh trình bày bảng tính. Đặc biệt nhấn mạnh với lệnh gộp vùng dữ liệu

c. Sản phẩm: Bảng tính mẫu đã được HS hoàn thiện với các thao tác trình bày bảng tính.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Chia HS theo nhóm 2-4 em để trao đổi và thực hiện trên máy tính các yêu cầu sau:

- Mở tệp Bảng tính THXanh.xlsx, mở trang tính 4. Dự kiến phân bổ cây cho các lớp
 - Thực hiện thao tác chèn 1 hàng trống giữa hàng 5,6 và nhập thêm một loài hoa và dữ liệu liên quan trong bảng dữ liệu
 - Thực hiện thao tác xóa hàng 7.
 - Ẩn cột D đến J
 - Nhập dữ liệu ô B8 là “Cây hoa”. Thực hiện gộp các ô từ B4:B8
- + Sau khi thực hiện trên máy tính, em hãy đưa ra thao tác lệnh chèn, xóa, ẩn, hiện hàng và cột. Gộp các ô của một vùng dữ liệu
- + Sau khi trộn vùng dữ liệu B4:B8 thì địa chỉ của vùng dữ liệu được trộn là gì? Khi trộn thì dữ liệu của ô B8 có bị mất không? Sau khi trộn ô thì ta có thể hủy trộn được hay không? Thao tác thực hiện?

Đối với HS khuyết tật: em hãy nêu thao tác lệnh chèn, xóa, ẩn, hiện hàng và cột. Gộp các ô của một vùng dữ liệu

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK kết hợp thực hiện trên máy tính và trả lời câu hỏi trên.

*** Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS trình bày sản phẩm. GV nhận xét chung.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và kết luận:

*** Ghi nhớ:**

- Xóa hàng, cột: Nháy nút phải chuột vào tên hàng hoặc cột: → Delete
- Chèn hàng, cột: Nháy nút phải chuột vào tên hàng hoặc cột: → Insert
- Ẩn/hiện hàng, cột: Nháy nút phải chuột vào tên hàng hoặc cột: → Hide
- Gộp các ô: Chọn các ô muốn gộp → Home → Alignment → Merge & Center.

8. Hoạt động 4. Tìm hiểu tính chất của các hàm trên bảng tính

a. Mục tiêu:

- HS biết và thực hành với tính năng sâu hơn của các hàm tính toán đơn giản như SUM, AVERAGE, COUNT, MAX, MIN.

b. Nội dung:

- HS thực hiện tính toán trên dữ liệu mẫu hình 9.12 và cho biết công thức có đúng k nếu tham số của hàm là dữ liệu văn bản.

c. Sản phẩm: Bảng tính mẫu được HS sử dụng các hàm cơ bản để tính toán.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Chia hoạt động nhóm 2-3HS/nhóm

- + Em hãy nhập công thức tính tổng số cây theo từng loại tại ô J5 và đếm số loại cây đã trồng ở mỗi lớp tạo ô H9
- + Em hãy kiểm tra xem kết quả của bảng dữ liệu này có luôn đúng hay không? Tại sao?

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.

*** Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS trình bày kết quả

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

* Ghi nhớ:

Các hàm tính toán của bảng tính điện tử như SUM, AVERAGE, COUNT, MAX, MIN sẽ chỉ tính toán trên các ô chứa dữ liệu số và bỏ qua các ô chứa dữ liệu dạng văn bản hoặc ô trống.

9. Hoạt động 5. Thực hành hoàn thiện dữ liệu dự án trường học xanh

a. Mục tiêu:

- HS thực hành để hoàn thiện bảng dữ liệu Bảng 5. Dự kiến phân bố cây dự án Trường học xanh. (Trang tính 5. Tổng kết)

b. Nội dung:

- HS thực hành theo đúng các bước đã mô tả trong SGK.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện Trang tính 5. Tổng kết

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn chi tiết cho HS thực hiện lần lượt các yêu cầu mô tả trong SGK

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.

*** Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS trình bày trang tính 5 sau khi hoàn thiện theo yêu cầu.

*** Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

10. Hoạt động 6: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS khẳng định được có thể sao chép công thức từ trang tính này sang trang tính khác và gộp các ô đều là hình chữ nhật

b. Nội dung:

- HS trả lời 2 câu hỏi trong SGK phần luyện tập

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS thực hành để trả lời 2 câu hỏi trong SGK phần luyện tập.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính và trả lời vào vở

* **Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

* **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

11. Hoạt động 5: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức để giải quyết bài 1,2 SGK phần vận dụng

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi 1, 2 phần Vận dụng và thực hành theo yêu cầu của đề bài nếu có điều kiện.

c. Sản phẩm: Hoàn thiện trang tính 5 theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu về nhà.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà thực hiện.

* **Báo cáo kết quả, thảo luận:** HS trình bày kết quả thực hiện theo nhóm.

* **Kết luận, nhận định:**

Câu 1: a/ Tổng số cây của toàn bộ khối 7 sẽ trồng là: 286

b/ Trung bình mỗi lớp sẽ trồng 143 cây.

Câu 2: Hoa Mười giờ: 112%

Hoa Dạ yến thảo: 70%

Hoa Dừa cạn: 126%

Hoa Cúc vàng: 150%

Hoa Hồng: 116%

Tuần: 16

Tiết: 16

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Các thiết bị vào ra trong mô hình thiết bị máy tính, tính đa dạng và hình dạng của các thiết bị.
- Chức năng của một số thiết bị vào ra trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.
- Một số việc nên làm và không nên làm khi sử dụng máy tính
- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng
- Một số biện pháp để bảo vệ máy tính cá nhân, tài khoản và dữ liệu cá nhân.
- Nêu được tên kênh và thông tin trao đổi chính trên kênh đó như Youtube cho phép trao đổi, chia sẻ ...về Video
- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin...
- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet.
- Nêu được cách ứng xử hợp lý khi gặp trên mạng hoặc các kênh truyền thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi.
- Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...
- Thao tác thành thạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 5

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa tệp và thư mục.

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

- Có ý thức tự bảo vệ các thông tin khi trao đổi thông tin trên internet.

- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.
- Nêu được ví dụ truy cập không hợp lí vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lí khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Kể được chức năng của các thiết bị vào – ra trong thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.
- Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.
- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí của hệ điều hành, qua đó phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, trao đổi thông tin phù hợp.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 1 đến bài 9

b. **Nội dung:** Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu “trò chơi ngôi sao may mắn” gồm 16 câu hỏi. Sau đó, GV cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị vào?

- A. Máy quét. B. Màn hình. C. Máy vẽ. D. Bàn phím.

Câu 2. Thiết bị nào sau đây là thiết bị vào?

- A. Loa B. Máy in C. Bàn phím. D. Màn hình

Câu 3. Loa là thiết bị làm việc với dạng thông tin nào?

- A. Văn bản B. Video C. Âm thanh D. Hình ảnh

Câu 4. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị ra?

- A. Màn hình. B. Máy quét. C. Máy in. D. Tai nghe.

Câu 5. Máy ảnh nhập dữ liệu dạng nào vào máy tính?

- A. Văn bản. B. Âm thanh. C. Con số. D. Hình ảnh.

Câu 6. Phương án nào là phần mở rộng của tệp dữ liệu trang web?

- A. .sb3 B. .mp3 C. .com D. .html

Câu 7. Các tệp tài liệu Word có phần mở rộng là gì?

- A. .html. B. .com. C. .pptx. D. .docx.

Câu 8. Các tệp chương trình thường có phần mở rộng là gì?

- A. .exe. B. .pptx. C. .txt. D. .docx.

Câu 9. Để việc tìm kiếm dữ liệu trong máy tính được dễ dàng và nhanh chóng, khi đặt tên thư mục và tệp em nên?

- A. Đặt tên tùy ý, không cần theo quy tắc gì
B. Đặt tên giống như ví dụ trong sách giáo khoa
C. Đặt tên tùy thích như tên của người thân, thú cưng
D. Đặt tên sao cho dễ nhớ và để biết trong đó chứa gì

Câu 10. Việc nào sau đây là chức năng của phần mềm ứng dụng?

- A. Khởi động phần mềm trình chiếu Powerpoint.
B. Cung cấp môi trường tương tác với máy tính
C. Quản lý và điều khiển hoạt động chung của máy tính
D. Cho phép người sử dụng thực hiện những công việc cụ thể

Câu 11. Việc nào sau đây là chức năng của hệ điều hành?

- A. Tô màu đỏ cho mái ngói.
B. Vẽ hình ngôi nhà mơ ước của em.
C. Vẽ thêm cho ngôi nhà một cửa sổ.
D. Khởi động phần mềm đồ họa máy tính.

Câu 12. Mục đích của YouTube là gì?

- A. Diễn đàn học tập B. Chia sẻ ảnh.
C. Giao lưu với bạn bè. D. Chia sẻ video

Câu 13. Mục đích của Facebook, Zalo là gì?

A. Chia sẻ video

B. Chia sẻ ảnh.

C. Diễn đàn học tập

D. Giao lưu với bạn bè.

Câu 14. Mạng xã hội thường được tổ chức dưới dạng nào?

A. Chương trình

B. Ứng dụng

C. Website

D. Phần mềm

Câu 15. Mạng xã hội là một cộng đồng trực tuyến để mọi người có thể làm gì?

A. Bán hàng online

B. Tương tác với nhau

C. Học trực tuyến

D. Mua hàng online

Câu 16. Để bảo vệ dữ liệu em không nên sử dụng cách nào sau đây?

A. Cài đặt chương trình phòng chống virus.

B. Đặt mật khẩu mạnh để truy cập vào máy tính hoặc tài khoản trên mạng.

C. Nên sử dụng mật khẩu đơn giản cho các tài khoản cá nhân.

D. Sao lưu dữ liệu lưu trữ trên Internet nhờ công nghệ đám mây.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập: tác hại và cách phòng tránh bệnh nghiện internet.

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Các câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS trả lời

Câu hỏi: Một người bạn của em hay thức khuya để sử dụng mạng Internet vào việc chơi game trực tuyến. Và việc này đã làm ảnh hưởng đến kết quả học tập của bạn rất nhiều. Em sẽ làm gì để giúp bạn?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn câu hỏi, suy nghĩ trả lời.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt các HS đứng tại chỗ trả lời

+ HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...

b. Nội dung: Học sinh nắm được cách sử dụng các hàm để tính trên trang tính.

c. Sản phẩm: Trang tính của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hành trên máy tính

Câu 1. Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A						
2							
3	STT	Họ và tên	Toán	Anh văn	Ngữ văn	Điểm trung bình	Tổng điểm 3 môn
4	1	Đỗ Trọng Bình	8	9	8	?	?
5	2	Trần Thanh Bình	7	9	7	?	?
6	3	Lê Thái Anh	10	8	8	?	?
7	4	Phan Như Bình	7	9	9	?	?
8	5	Vũ Việt Anh	8	7	8	?	?
9							
10							

Câu 2. Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính Điểm trung bình của mỗi học sinh ở cột **Điểm trung bình**.

b. Tìm giá trị lớn nhất của cột **Điểm trung bình**.

c. Tính tổng điểm 3 môn của mỗi học sinh ở cột **Tổng điểm 3 môn**.

d. Tìm giá trị nhỏ nhất của cột **Tổng điểm 3 môn**

e. Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính theo nhóm

- **Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 17

Tiết: 17

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 1 đến bài 9

Đối với HS khuyết tật:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 1 đến bài 9

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời đúng.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

– Thao tác thành thạo với bảng tính.

NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số.

– Có ý thức tự bảo vệ các thông tin khi trao đổi thông tin trên internet.

– Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

– Thực hiện đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

– Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, trao đổi thông tin phù hợp.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Đề kiểm tra.

2. Học liệu:

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra kỳ I, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.
- Học sinh làm bài trên máy tính.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	1. Sơ lược về các thành phần của máy tính	2								1 điểm 10 %
		2. Khái niệm hệ điều hành và phần mềm ứng dụng – Quản lí dữ liệu trong máy tính	2								1 điểm 10 %
2	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và	3. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	2		1						1,5 điểm 15 %

	trao đổi thông tin										
3	Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	4. Văn hoá ứng xử qua phương tiện truyền thông số	2		1						1,5 điểm 15 %
	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	5. Bảng tính điện tử cơ bản				1		1		1	5 điểm 50%
Tổng câu			8		2	1		1		1	13
Điểm			4		3		2		1		10
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%

*** Đối với HS khuyết tật: Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra**

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng	1. Sơ lược về các thành phần của máy tính	Nhận biết – Biết và nhận ra được các thiết bị vào ra trong mô hình thiết bị máy tính, tính đa dạng và hình dạng của các thiết bị. (Chuột, bàn phím, màn hình, loa, màn hình cảm ứng, máy quét, camera,...) – Biết được chức năng của một số thiết bị vào ra trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin. (Chuột, bàn phím, màn hình, loa, màn hình cảm ứng, máy quét, camera,...)	2 TN (C1, 2)			
		2. Khái niệm hệ	Nhận biết – Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được	2 TN (C3, 4)			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		điều hành và phần mềm ứng dụng	lưu trữ trong máy tính. - Biết được chức năng cơ bản của hệ điều hành. – Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng (Phần mềm luyện gõ phím, Word, Paint,) – Nêu được một số biện pháp để bảo vệ máy tính cá nhân, tài khoản và dữ liệu cá nhân. (Cài mật khẩu máy tính, đăng xuất tài khoản khi hết phiên làm việc, sao lưu dữ liệu, quét virus...)				
2	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet	Nhận biết – Nhận biết một số website là mạng xã hội (Facebook, YouTube, Zalo, Instagram ...) – Nêu được tên kênh và thông tin trao đổi chính trên kênh đó như Youtube cho phép trao đổi, chia sẻ ...về Video; Website nhà trường chứa các thông tin về hoạt động giáo dục của nhà trường,...) – Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội: kết nối, giao lưu, chia sẻ, thảo luận và trao đổi thông tin... Thông hiểu	2TN (C5, 6)	1TN (C7)		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			– Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.				
3	Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Văn hoá ứng xử qua phương tiện truyền thông số	Nhận biết – Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet. – Nêu được cách ứng xử hợp lí khi gặp trên mạng hoặc các kênh truyền thông tin số những thông tin có nội dung xấu, thông tin không phù hợp lứa tuổi. Thông hiểu – Nêu được một số ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin và kênh truyền thông tin.	2TN (C8, 9)	1TN (C10)		
4	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Bảng tính điện tử cơ bản	Thông hiểu – Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu. – Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT, ... – Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức. Vận dụng		1TH (C12)	1TH (C11)	1TH (C13)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Thực hiện được một số thao tác đơn giản với trang tính. Vận dụng cao - Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.				
			Tổng câu	8TN	2TN+ 1TH	1TH	1TH
			Điểm	4	3	2	1
			Tỉ lệ %	40%	30%	20%	10%

Câu 9. Cách tốt nhất em nên làm gì khi bị bắt nạt trên mạng?

- A. Nói lời xúc phạm trên mạng.
- B. Đe dọa người bắt nạt mình.
- C. Cố gắng quên đi và tiếp tục chịu đựng.
- D. Nhờ bố mẹ, thầy cô giáo giúp đỡ, tư vấn.

Câu 10. Em không nên làm gì để tránh gặp các thông tin xấu trên mạng?

- A. Gửi trang web có nội dung xấu cho bạn bè xem.
- B. Không nhấp chuột vào các thông tin quảng cáo gây tò mò, dụ dỗ kiếm tiền.
- C. Chỉ truy cập vào các trang thông tin có nội dung phù hợp với lứa tuổi.
- D. Xác định rõ mục tiêu mỗi lần vào mạng để không sa đà vào các thông tin không liên quan.

Họ và tên:..... Lớp: MÃ ĐỀ B	KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	Điểm
--	--	-------------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng

Câu 1. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị vào?

- A. Máy vẽ. B. Bàn phím. C. Màn hình. D. Máy quét.

Câu 2. Loa là thiết bị làm việc với dạng thông tin nào?

- A. Âm thanh B. Hình ảnh C. Văn bản D. Video

Câu 3. Các tệp tài liệu Word có phần mở rộng là gì?

- A. .com. B. .docx. C. .pptx. D. .html.

Câu 4. Việc nào sau đây là chức năng của hệ điều hành?

- A. Vẽ hình ngôi nhà mơ ước của em.
B. Vẽ thêm cho ngôi nhà một cửa sổ.
C. Tô màu đỏ cho mái ngói.
D. Khởi động phần mềm đồ họa máy tính.

Câu 5. Mục đích của YouTube là gì?

- A. Chia sẻ video B. Giao lưu với bạn bè.
C. Chia sẻ ảnh. D. Diễn đàn học tập

Câu 6. Thông tin trao đổi trên kênh mạng xã hội có dạng?

A. Văn bản. B. Hình ảnh. C. Video. D. Âm thanh.

Câu 7. Trường hợp học sinh có thể bị đình chỉ thi và bị công an điều tra, xử lý vì hành vi nào sau đây?

- A. Nói xấu bạn trên facebook.
- B. Chụp đề thi, chia sẻ đề thi lên mạng xã hội nhờ làm hộ.
- C. Dùng mạng xã hội để đe dọa người khác.
- D. Sử dụng mạng xã hội để nhờ người khác giải bài tập.

Câu 8. Phương án nào không phải là tác hại của bệnh nghiện Internet?

- A. Sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần giảm sút.
- B. Thiếu kết nối với thế giới thực.
- C. Dễ bị lôi kéo vào các việc xấu trên mạng.
- D. Tiết kiệm thời gian của bản thân.

Câu 9. Biểu hiện của việc nghiện trò chơi trực tuyến là gì?

- A. Tâm trạng dễ cáu gắt, lầm lì, ít nói.
- B. Thường xuyên truy cập vào các mạng xã hội.
- C. Thường xuyên xem điện thoại hay kiểm tra tin nhắn.
- D. Thường xuyên cập nhật tin tức bản thân lên facebook.

Câu 10. Khi giao tiếp qua mạng thì em nên làm gì?

- A. Đọc thông tin trong hộp thư của người khác.
- B. Sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, ... không lịch sự, lành mạnh.
- C. Đưa thông tin, hình ảnh của người khác lên mạng khi chưa được họ cho phép.
- D. Tìm sự giúp đỡ của bố mẹ, thầy cô giáo khi bị bắt nạt trên mạng.

MÃ ĐỀ 1

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 71					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Điểm trung bình
3	1	Nguyễn Quốc Bảo	6	7	8	
4	2	Doãn Thị Bích Chi	8	8	9	
5	3	Mai Văn Duy	7	9	8	
6	4	Nguyễn Đức Duy	5	7	7	
7	5	Võ Thị Thùy Duyên	8	7	9	

mẫu
như
hình
dưới
đây.
**Câu
12.**

(2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính Điểm trung bình của mỗi học sinh ở cột **Điểm trung bình**.

b. Tìm giá trị lớn nhất của cột **Điểm trung bình**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 2

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F	Câu 12.
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 71						
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Tổng	
3	1	Nguyễn Xuân Đô	5	5	8		
4	2	Huỳnh Ngọc Bảo Hân	9	8	10		
5	3	Huỳnh Ngọc Hiếu	10	9	10		
5	4	Nguyễn Thị Như Hiếu	8	8	9		
7	5	Mai Thị Hòa	7	6	8		

(2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính tổng điểm 3 môn của mỗi học sinh ở cột **Tổng**.

b. Tìm giá trị nhỏ nhất của cột **Tổng**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 3

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 72					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Điểm trung bình
3	1	Nguyễn Anh Nghĩa	5	7	5	
4	2	Doãn Thị Bảo Ngọc	9	10	9	
5	3	Huỳnh Bảo Ngọc	10	10	10	
6	4	Nguyễn Hoài Ngọc	5	5	7	
7	5	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	8	9	8	

Câu 12. (2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

- Tính Điểm trung bình của mỗi học sinh ở cột **Điểm trung bình**.
- Tìm giá trị lớn nhất của cột **Điểm trung bình**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 4

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 71					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Tổng
3	1	Nguyễn Đức Khanh	5	5	7	
4	2	Mai Phước Khánh	8	7	7	
5	3	Huỳnh Vũ Khiêm	8	8	9	
6	4	Nguyễn Ngọc Lâm	5	7	5	
7	5	Nguyễn Tự Lập	8	5	8	

Câu 12. (2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

- Tính tổng điểm 3 môn của mỗi học sinh ở cột **Tổng**.
- Tìm giá trị nhỏ nhất của cột **Tổng**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 5

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Điểm trung bình
3	1	Đỗ Phương Như	9	9	8	
4	2	Nguyễn Huỳnh Tâm Như	8	9	9	
5	3	Hồ Đức Niên	8	8	8	
6	4	Nguyễn Tấn Nin	8	8	8	
7	5	Nguyễn Tất Phi	8	8	7	

Câu 12. (2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính Điểm trung bình của mỗi học sinh ở cột **Điểm trung bình**.

b. Tìm giá trị lớn nhất của cột **Điểm trung bình**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 6

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 72					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Tổng
3	1	Nguyễn Văn Long	8	3	8	
4	2	Huỳnh Hữu Lượng	9	9	8	
5	3	Trần Nguyễn Hà My	10	9	10	
6	4	Võ Thị Nhã My	10	8	9	
7	5	Nguyễn Văn Nam	6	8	7	

Câu 12. (2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính tổng điểm 3 môn của mỗi học sinh ở cột **Tổng**.

b. Tìm giá trị nhỏ nhất của cột **Tổng**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 7

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7B					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Điểm trung bình
3	1	Doãn Hoàng Phúc	7	7	7	
4	2	Nguyễn Thị Ánh Phương	8	9	10	
5	3	Doãn Thục Quyên	10	8	10	
6	4	Doãn Bá Sơn	10	9	8	
7	5	Nguyễn Đức Sỹ	5	5	7	

Câu 12. (2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính Điểm trung bình của mỗi học sinh ở cột **Điểm trung bình**.

b. Tìm giá trị lớn nhất của cột **Điểm trung bình**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

MÃ ĐỀ 8

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Câu 11. (2điểm) Sử dụng phần mềm *Microsoft Excel* nhập dữ liệu và định dạng theo mẫu như hình dưới đây.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 72					
2	STT	Họ và tên	Toán	Ngữ Văn	Tin	Tổng
3	1	Nguyễn Anh Nghĩa	5	7	5	
4	2	Doãn Thị Bảo Ngọc	9	10	9	
5	3	Huỳnh Bảo Ngọc	10	10	10	
6	4	Nguyễn Hoài Ngọc	5	5	7	
7	5	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	8	9	8	

Câu 12. (2điểm) Sử dụng Hàm thích hợp thực hiện tính toán cho bảng tính trên theo các yêu cầu sau:

a. Tính tổng điểm 3 môn của mỗi học sinh ở cột **Tổng**.

b. Tìm giá trị nhỏ nhất của cột **Tổng**.

Câu 13. (1điểm) Em hãy xác định tất cả các dữ liệu số có trong bảng tính.

-----Hết-----

(HS lưu bảng tính trên ổ đĩa D, tên File: Tên HS_lop. Ví dụ: D\ThuAnh71)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN TIN HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ A

I. Phần trắc nghiệm : (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	A	B	D	A	C	C	D	A

MÃ ĐỀ B

I. Phần trắc nghiệm : (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	B	D	A	C	B	D	A	D

II. Phần thực hành: (5 điểm)

Mã đề 1, 3, 5, 7

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11	Nhập đúng dữ liệu.	1 đ

(2đ)	Định dạng đúng theo mẫu. (Mỗi lỗi định dạng không đúng trừ 0,2 điểm.)	1 đ
12 (2đ)	a. Sử dụng đúng hàm Average tính đúng mỗi ô ghi 0,25 điểm F3 =AVERAGE(C3:E3) hoặc F3 =AVERAGE(C3,D3,E3) F4 =AVERAGE(C4:E4) hoặc F4 =AVERAGE(C4,D4,E4) F5 =AVERAGE(C5:E5) hoặc F5 =AVERAGE(C5,D5,E5) F6 =AVERAGE(C6:E6) hoặc F6 =AVERAGE(C6,D6,E6) F7 =AVERAGE(C7:E7) hoặc F7 =AVERAGE(C7,D7,E7) b. Sử dụng đúng hàm MAX F8 = MAX(F3:F7) hoặc F8 =MAX(F3,F4,F5,F6,F7)	1,25 đ 0,75 đ
13 (1đ)	Nhập đúng công thức =count(A3:F7)	1 đ

Mã đề 2, 4, 6, 8

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11	Nhập đúng dữ liệu.	1 đ
(2đ)	Định dạng đúng theo mẫu. (Mỗi lỗi định dạng không đúng trừ 0,2 điểm.)	1 đ

12 (2đ)	a. Sử dụng đúng hàm SUM tính đúng mỗi ô ghi 0,25 điểm F3 = SUM(C3:E3) hoặc F3 = SUM(C3,D3,E3) F4 = SUM(C4:E4) hoặc F4 = SUM(C4,D4,E4) F5 = SUM(C5:E5) hoặc F5 = SUM(C5,D5,E5) F6 = SUM(C6:E6) hoặc F6 = SUM(C6,D6,E6) F7 = SUM(C7:E7) hoặc F7 = SUM(C7,D7,E7) b. Sử dụng đúng hàm MIN F8 = MIN(F3:F7) hoặc F8 = MIN(F3,F4,F5,F6,F7)	1,25 đ
13 (1đ)	Nhập đúng công thức =count(A3:F7)	1 đ

Tuần: 18

Tiết: 18

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 10: HOÀN THIỆN BẢNG TÍNH

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

III. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện và in một bảng tính.
- Thực hành hoàn thiện dự án.
- Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.

Đối với HS khuyết tật:

- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện một bảng tính

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để hoàn thiện bảng tính.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra các thao tác hợp lý để hoàn thiện bảng tính
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể tự tạo bảng tính để giải quyết một số yêu cầu tính toán trong cuộc sống.

2.2. Năng lực Tin học

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

- Thực hiện được các chức năng làm việc với trang tính, kẻ khung và in dữ liệu bảng tính.

3. Phẩm chất:

- Học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc sử dụng thiết bị học.
- Rèn luyện tính cẩn thận, chăm chỉ, làm việc khoa học, chính xác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, tivi.

2. Học liệu:

- **Giáo viên:** Giáo án, các đồ dùng dạy học cần thiết, phòng máy tính. Tập THXanh.xlsx để sẵn sàng cho bài thực hành
- **Học sinh:** Đồ dùng học tập, tập THXanh-3.xlsx để sẵn sàng cho bài thực hành

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1. Khởi động

a. Mục tiêu: Học sinh nêu được các công việc cần làm để hoàn thiện bảng dữ liệu của dự án **Trường học xanh**.

b. Nội dung: Đoạn hội thoại trong SGK – Trang 51.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về các công việc cần làm để hoàn thiện bảng dữ liệu của dự án **Trường học xanh**.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và nêu câu hỏi.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi

* **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

2. Hoạt động 2. Các thao tác hoàn thiện bảng tính

HD 2.1. Tại sao khi in dữ liệu ra giấy lại không nhìn thấy các đường kẻ?

a. Mục tiêu: Học sinh biết và thực hành được một số lệnh làm việc với trang tính như đổi tên, xoá, sao chép, di chuyển trang tính là lệnh kẻ khung bảng tính.

b. Nội dung: Câu hỏi SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

- Mặc định trên màn hình chúng ta quan sát thấy các ô của bảng tính đều có khung viền, nhưng sẽ không có khi in ra giấy. Vì vậy trước khi in cần kẻ đường viền ô và khung bao quanh vùng dữ liệu nếu cần.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu của hoạt động.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện thao tác trực tiếp trên máy tính, quan sát, sau đó trả lời câu hỏi của hoạt động.

* **Báo cáo, thảo luận:** Trả lời cá nhân

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

HD 2.2. Các thao tác với trang tính

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện được các thao tác với trang tính: Tạo mới, xoá, chèn trang tính mới, đổi tên, thay đổi thứ tự trang tính, sao chép trang tính.

b. Nội dung: Học sinh đọc nội dung SGK để ôn lại các thao tác với trang tính của bảng tính:

- Bổ sung một trang tính mới vào cuối danh sách.
- Chèn một trang tính mới vào vị trí bất kì.
- Xoá một trang tính.
- Di chuyển một trang tính đến vị trí mới.
- Sao chép nội dung một trang tính sang trang khác.

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động.

*** Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh đọc nội dung SGK, nhập dữ liệu như hình 10.1 (SGK – trang 51) sau đó thực hành lại các thao tác đó trên máy tính. (GV có thể hướng dẫn lại các thao tác trên máy GV).

*** Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả phần thực hành của mình.

*** Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

HD 2.3. Kẻ đường viền ô và khung bao quanh vùng dữ liệu

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện được thao tác kẻ đường viền ô và khung bao quanh vùng dữ liệu.

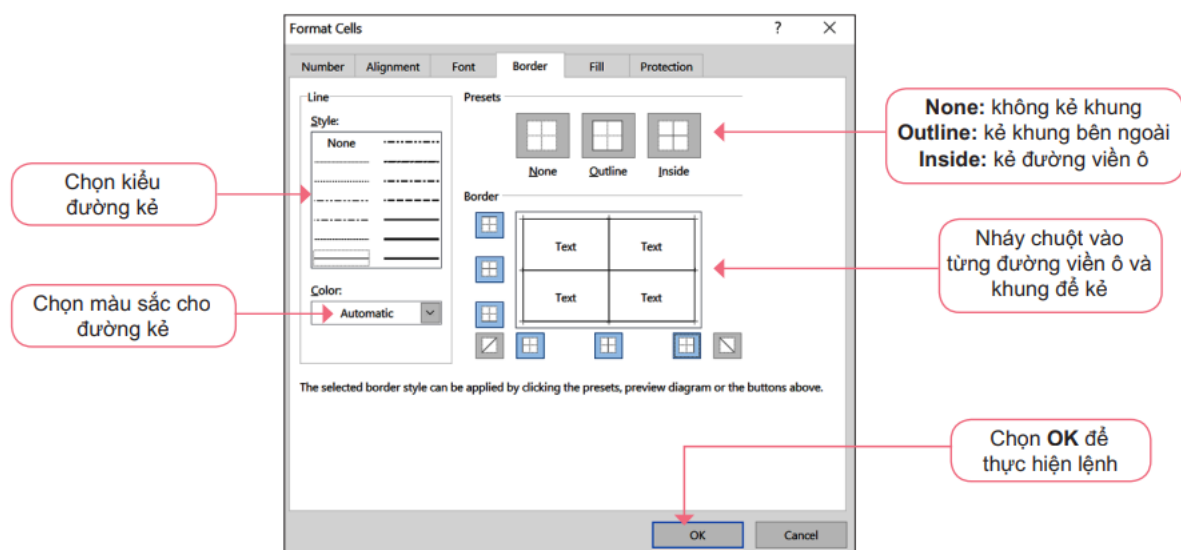
b. Nội dung: Học sinh đọc nội dung SGK và quan sát hướng dẫn của GV thực hiện thao tác kẻ viền ô và khung bao quanh vùng dữ liệu.

- B1: Chọn vùng dữ liệu muốn kẻ đường viền.
- B2: Mở hộp thoại Format Cells.
- B3: Trong hộp thoại chọn trang Border.
- B4: Thiết lập các thông số kẻ viền ô, kẻ khung:
 - + Chọn kiểu đường kẻ.
 - + Chọn màu cho đường kẻ.
 - + Thiết lập các đường kẻ khung cụ thể:
 - None: không kẻ khung.
 - Outline: kẻ khung bên ngoài.

Inside: kẻ đường viền ô.

Nháy chuột vào từng đường viền ô để chỉ kẻ đường phía trên, dưới, trái, phải.

- B5: Nháy OK để thực hiện lệnh.



Hình 10.4. Cửa sổ Format Cells

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh đọc nội dung SGK, sau đó thực hành lại các thao tác trên máy tính trên bảng dữ liệu vừa nhập ở hoạt động trên. (GV có thể hướng dẫn các thao tác trên máy GV).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả phần thực hành của mình.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

* **Ghi nhớ:**

Người sử dụng có thể thực hiện các thao tác đa dạng trên trang tính của bảng tính: đổi tên, tạo mới, chèn, sao chép, di chuyển hoặc xóa một trang tính. Nên kẻ khung các vùng dữ liệu trước khi tiến hành in hoặc trình bày dữ liệu.

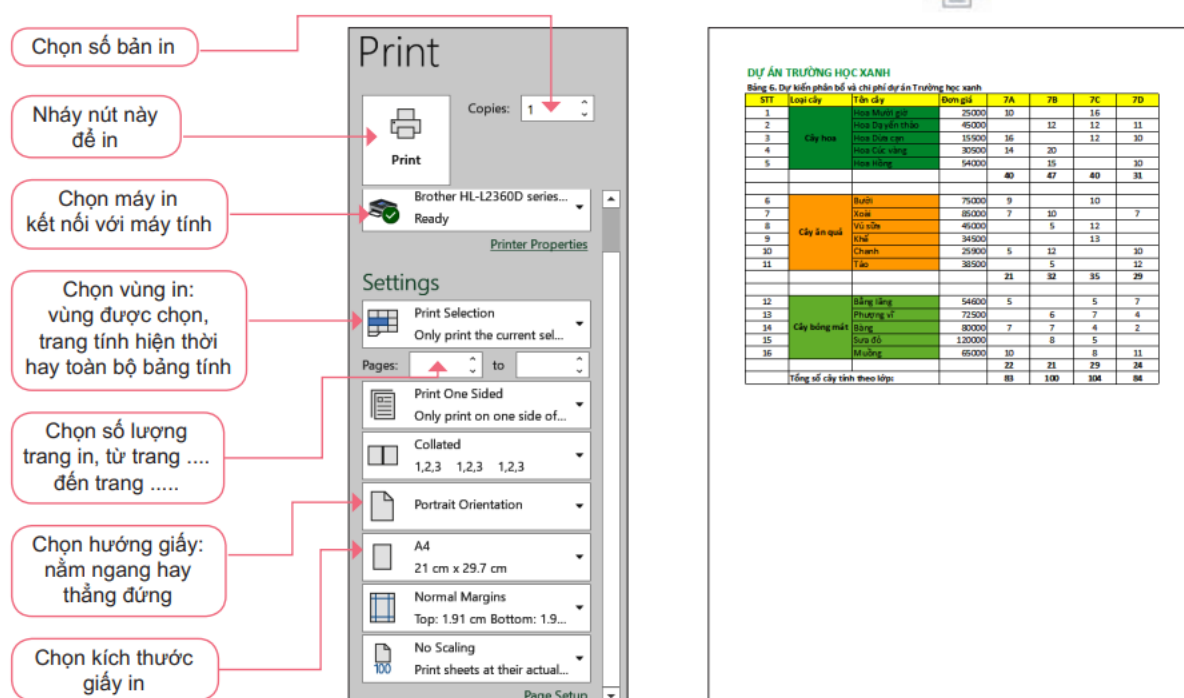
3. Hoạt động 3: In dữ liệu trong bảng tính.

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu và thực hiện được lệnh in dữ liệu bảng tính.

b. Nội dung: HS quan sát Hình 10.5 (SGK – 53) và nêu các bước in một trang tính.

- B1: Đánh dấu vùng dữ liệu muốn in.

- B2: Thực hiện lệnh File/ Print.
Trong hộp thoại Print, nhập các thông số trước khi in.
- B3: Nháy vào biểu tượng Print để in.



Hình 10.5. Nhập các thông số để in và xem kết quả trước khi in

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình của hoạt động.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh đọc nội dung SGK, sau đó thực hành lại các thao tác trên máy tính trên bảng dữ liệu vừa nhập ở hoạt động trên. (GV có thể hướng dẫn các thao tác trên máy GV).

* **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả phân thực hành của mình.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4 - Thực hành: Trình bày hoàn chỉnh dữ liệu dự án trường học xanh

a. Mục tiêu: Học sinh hoàn thiện được bài thực hành theo yêu cầu.

b. Nội dung:

- Tạo trang tính mới để trình bày dữ liệu của dự án **Trường học xanh**.
- Sử dụng các kiến thức đã biết để định dạng dữ liệu và trình bày trang tính.
- Kẻ đường viền, kẻ khung.

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình thực hành.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn chi tiết cho HS nhập trang tính và hoàn thiện bảng tính theo yêu cầu.

Đối với HS khuyết tật: Thực hành các định dạng để hoàn thiện bảng tính

* **Báo cáo, thảo luận:**

- HS thực hành cá nhân.
- HS cùng bàn đánh giá chéo lẫn nhau.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

5. Hoạt động 5: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học về quản lý dữ liệu trong máy tính để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: Hãy thực hiện lệnh in bảng dữ liệu rút gọn bằng cách ẩn đi tất cả các cột ứng với lớp cụ thể.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời, thực hành cá nhân.

* **Báo cáo, thảo luận:** HS cùng bàn đánh giá chéo lẫn nhau.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

6. Hoạt động 6: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng các kiến thức đã học để thực hành tạo một trang tính theo yêu cầu.

b. Nội dung: Em hãy giúp cô giáo tạo trang tính Điểm thi khảo sát có các cột Họ và tên, tất cả các môn học của khối 7 và Điểm trung bình. Dùng các hàm hay công thức để tính toán rồi trình bày trang tính

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giới thiệu mục đích yêu cầu và tiến trình thực hành.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn chi tiết cho HS nhập trang tính và hoàn thiện bảng tính theo yêu cầu.

* **Báo cáo, thảo luận:**

- HS thực hành cá nhân.

- HS cùng bàn đánh giá chéo lẫn nhau.

* **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

Tuần: 19, 20

Tiết: 19, 20

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 11. TẠO BÀI TRÌNH CHIẾU

Tin học Lớp 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

II. MỤC TIÊU

4. Kiến thức:

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu
- Tạo được một số bài trình chiếu có tiêu đề, cấu trúc phân cấp

*** Đối với HS khuyết tật: Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu**

5. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm. Bước đầu biết cách xây dựng dự án ở mức đơn giản để giải quyết một số vấn đề.

2.2. Năng lực Tin học

- **NLa:** Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông: + Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề.
- **NLd:** Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự
+ Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

6. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Rèn luyện phẩm chất vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong quá trình học tập và lao động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, một bài trình chiếu mẫu, phòng thực hành

Học sinh: Sách vở, đồ dùng học tập, các thông tin để chuẩn bị cho dự án của nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

12. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Dẫn dắt học sinh đến nội dung của bài mới.

b. Nội dung:

- Xây dựng tình huống trong hoạt động khởi động rồi liên hệ đến nội dung chính của bài học.

c. Sản phẩm: Hs hiểu nội dung chính của bài học mới.

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV cho hs trực tiếp diễn tả tình huống để đưa ra nhiệm vụ cần giải quyết là sử dụng phần mềm trình chiếu để tạo báo cáo.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs thảo luận và trả lời câu hỏi
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả của HS, từ đó GV đưa ra mục tiêu của bài học

13. Hoạt động 2: Một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu

a. Mục tiêu:

- Hs trình bày được những chức năng đã biết về phần mềm trình chiếu đã được học ở Tiểu học
- b. Nội dung: HS nêu những hiểu biết về phần mềm trình chiếu mà hs đã làm quen ở Tiểu học. Đưa ra tình huống để hs hiểu tại sao nên sử dụng bài trình chiếu để báo cáo
- c. Sản phẩm: Hiểu phần mềm trình chiếu là gì? Chức năng của phần mềm trình chiếu
- d. Tổ chức thực hiện:
 - **Chuyển giao nhiệm vụ:**
 - + Yêu cầu hs trả lời những hiểu biết của mình về phần mềm trình chiếu?
 - + Phần mềm trình chiếu có chức năng gì?
 - + Em biết những phần mềm trình chiếu nào?
 - * **Đối với HS khuyết tật: Phần mềm trình chiếu có chức năng gì?**
 - **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi của hoặc có thể học sinh làm trực tiếp trên phần mềm trình chiếu để trình bày (Vì ở Tiểu học các em đã được làm quen với phần mềm trình chiếu)
 - **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả của nhóm.
 - **Kết luận và nhận định:** GV nhận xét chung và chốt kiến thức

*** Ghi nhớ:**

- Phần mềm trình chiếu có hai chức năng cơ bản là tạo bài trình chiếu và trình chiếu nó.
- Phần mềm trình chiếu có các hiệu ứng làm cho nội dung trình bày thêm sinh động và hấp dẫn.
- Phần mềm trình chiếu thường sử dụng để tạo bài trình chiếu phục vụ hội thảo, hội nghị, dạy học, quảng cáo,...

14. Hoạt động 3: Tiêu đề của bài trình chiếu

- a) Mục tiêu: Hs hiểu được
 - Trang tiêu đề cho biết chủ đề của bài trình chiếu
 - Tiêu đề trang là thành phần nổi bật nội dung cần trình bày trong trang nội dung
 - Mẫu bố trí giúp người sử dụng trình bày thuận tiện.
- b) Nội dung: GV đưa ra một số slide và yêu cầu hs chỉ ra trang tiêu đề, trang nội dung và cách bố trí nội dung trên trang chiếu
- c) Sản phẩm: Nội dung của hs trình bày trả lời các câu hỏi của GV trong vở
- d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Yêu cầu hs đọc và tìm hiểu nội dung trong SGK và quan sát bài trình chiếu sau. GV đưa ra các câu hỏi gợi mở dẫn dắt học sinh đến nội dung cần tìm hiểu trong bài. Hs làm việc nhóm sử dụng phần mềm trình chiếu để trình bày nội dung trả lời của nhóm



- Em hãy nêu chủ đề của bài trình chiếu? Dựa vào đâu em xác định được chủ đề của bài trình chiếu.
 - Nội dung chính của trang chiếu số 3 là gì? Cách xác định nội dung của trang chiếu? Để làm nổi bật nội dung của trang chiếu thì cần phải làm gì?
 - Để bố cục của nội dung trên trang chiếu phù hợp thì chúng ta cần phải làm thế nào?
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trao đổi và thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi trên.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày sản phẩm. GV nhận xét chung và giới thiệu một số mẫu bố trí cho hs và nêu được lợi ích của mẫu bài trình chiếu để hs biết. Tuy nhiên, người sử dụng có thể điều chỉnh bố trí để phù hợp với nội dung trình bày.
- **Kết luận và nhận định:** GV nhấn mạnh và chốt kiến thức.

*** Ghi nhớ:**

- Bài trình chiếu thường có trang đầu tiên là trang tiêu đề cho biết chủ đề của bài trình chiếu, tiếp theo là các trang nội dung.
- Tiêu đề trang làm nổi bật nội dung cần trình bày trong trang và được đặt trên đầu các trang nội dung.
- Các phần mềm trình chiếu có sẵn các mẫu bố trí nội dung trang chiếu để thuận tiện cho người sử dụng

15. Hoạt động 4. Cấu trúc phân cấp

- a. Mục tiêu: Hs hiểu được

- Cấu trúc phân cấp là gì?
- Cách tổ chức của cấu trúc này.
- Tác dụng của cấu trúc phân cấp

b. Nội dung:

- Yêu cầu hs quan sát 2 cách trình bày trong SGK. Cách nào trình bày dễ hiểu hơn? Từ ví dụ hs sẽ thấy được cách tổ chức của cấu trúc phân cấp và tác dụng của nó. Gv có thể đưa ra một số ví dụ để hs tạo cấu trúc phân cấp.

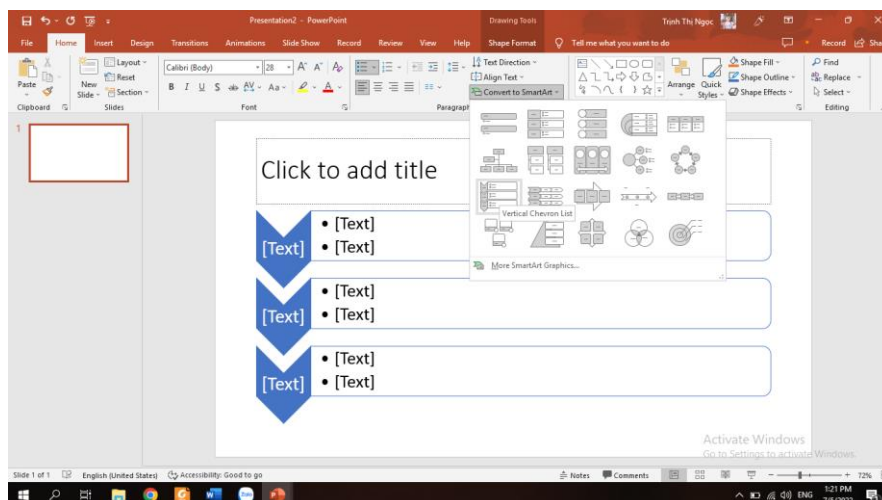
c) Sản phẩm: Hs tạo được nội dung trang chiếu ở dạng cấu trúc phân cấp

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyên giao nhiệm vụ:** Chia hoạt động nhóm 2-3hs/nhóm
+ Hs quan sát hai cách trình bày dự án và trả lời câu hỏi

Em hãy quan sát hai cách trình bày dự án Trường học xanh sau đây và cho biết cách trình bày nào dễ hiểu hơn?	
Cách 1	Cách 2
Dự án Trường học xanh	Dự án Trường học xanh
- Ý tưởng	1. Ý tưởng
- Vai trò của cây xanh	- Vai trò của cây xanh
- Đề xuất dự án	- Đề xuất dự án
- Kế hoạch	2. Kế hoạch
- Khảo sát thực tế	2.1. Khảo sát thực tế
- Thực hiện	2.2. Thực hiện
- Phân công trồng và chăm sóc cây	- Phân công trồng và chăm sóc cây
- Thời gian	- Thời gian
- Kết quả dự kiến	2.3. Kết quả dự kiến
- Kết luận	3. Kết luận

+ Ngoài cách trình bày trên, em còn cách trình bày nào đẹp hơn, hấp dẫn hơn không?
GV gợi mở Hs có thể sử dụng sơ đồ tư duy hoặc sử dụng công cụ SmartArt để thể hiện cấu trúc này



+ GV có thể đưa ra một nội dung trang chiếu dạng văn bản thông thường và yêu cầu hs hãy tạo nội dung ở dạng cấu trúc phân cấp

+ Qua ví dụ, hs hãy chốt lại, cấu trúc phân cấp là gì? Cách tổ chức của cấu trúc phân cấp, tác dụng của cấu trúc phân cấp

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện theo yêu cầu của GV, trả lời câu hỏi vào vở.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

*** Ghi nhớ:**

Cấu trúc phân cấp (hay danh sách kí hiệu đầu dòng nhiều cấp) thường được dùng trong soạn thảo văn bản, tạo bài trình chiếu,... Đây là một công cụ giúp làm cho nội dung trình bày có bố cục mạch lạc, dễ hiểu, giúp truyền tải thông tin và quản lí nội dung tốt hơn.

16. Hoạt động 5. Thực hành_Tạo bài trình chiếu có tiêu đề, cấu trúc phân cấp

a. Mục tiêu:

- Hs sử dụng phần mềm trình chiếu tạo bài báo cáo có trang tiêu đề, tiêu đề của các trang nội dung
- Hs biết sử dụng cấu trúc phân cấp trong bài.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS thực hành theo đúng các bước đã mô tả trong SGK.

c. Sản phẩm: Bài trình chiếu **Truonghocxanh.pptx**

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn chi tiết cho hs thực hiện lần lượt các yêu cầu mô tả trong SGK
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bài trình chiếu sau khi hoàn thiện theo yêu cầu.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

17.Hoạt động 6: Luyện tập

a. Mục tiêu: Hs tìm hiểu được ưu điểm của việc sử dụng cấu trúc phân cấp trong bài trình chiếu, Ứng dụng tạo bài trình chiếu.

b. Nội dung:

- Hs trả lời 2 câu hỏi trong SGK phần luyện tập

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs thực hành để thực hiện 2 câu hỏi trong SGK phần luyện tập.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính và trả lời vào vở
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và đưa ra kết luận

18.Hoạt động 5: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức để giải quyết bài SGK phần vận dụng

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và thực hành theo yêu cầu của đề bài

c. Sản phẩm: Bài trình chiếu **baitaptinhoc7.pptx**

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu sgk
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả sau khi hoàn thiện theo yêu cầu.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS và rút kinh nghiệm chung trong quá trình học sinh thực hành.

Tuần: 21, 22

Tiết: 21, 22

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An
Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:
Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY
BÀI 12: ĐỊNH DẠNG ĐỐI TƯỢNG TRÊN TRANG CHIẾU

Tin học Lớp 7
Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.
- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lí.
- Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.

*** Đối với HS khuyết tật:**

- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các công cụ trên phần mềm máy tính để giải quyết vấn đề.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học

NLC: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Định dạng cho văn bản và hình ảnh hợp lý.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, một bài trình chiếu mẫu, hình ảnh minh họa, phòng thực hành

Học sinh: Sách vở, đồ dùng học tập, tìm hiểu nội dung bài mới, học bài cũ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: HS biết được các nội dung chính sẽ học trong bài
- Nội dung: GV cho hs đóng vai 3 bạn An, Minh, Khoa thể hiện nội dung trong hoạt động khởi động
- Sản phẩm: Hs đóng vai thể hiện hoạt động
- Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV chiếu tình huống SGK và mời 3 hs đóng vai

- Thực hiện nhiệm vụ: Hs đóng vai và thể hiện tình huống

- Báo cáo, thảo luận: Hs nhận xét tình huống

- Kết luận, nhận định: GV nhận xét, sau đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1. Ảnh minh họa

a. Mục tiêu:

- Hs trình bày được suy nghĩ, nêu được các ưu điểm của việc sử dụng hình ảnh minh họa trong bài trình chiếu.

- Hs nêu được yêu cầu lựa chọn hình ảnh cho bài trình bày và lý do lựa chọn.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập 1.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm thảo luận thống nhất kết quả trên phiếu học tập 1.

PHIẾU HỌC TẬP 1 Nhóm:.....
1. Theo em có nên sử dụng hình ảnh để minh họa cho bài trình chiếu không? Vì sao?
2. Em sẽ chọn hình ảnh gì để thêm vào bài trình chiếu báo cáo dự án?

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức

*** Ghi nhớ:**

- + Hình ảnh thường được dùng để minh họa cho nội dung bài trình chiếu, nhờ đó bài trình chiếu trở nên trực quan, ấn tượng và hấp dẫn hơn
- + Nên lựa chọn hình ảnh phù hợp với nội dung bài trình chiếu và có tính thẩm mỹ.
- + Kích thước hình ảnh và vị trí đặt trên trang chiếu cần hợp lý.

Hoạt động 2.2. Định dạng văn bản.

a. Mục tiêu:

- Hs biết được định dạng văn bản trên trang chiếu tương tự như trong phần mềm soạn thảo.
- Hs thực hiện được một số lưu ý khi định dạng văn bản, trình bày nội dung trên trang chiếu: cỡ chữ, số lượng chữ, màu sắc, thông điệp chính, câu từ diễn đạt.

b. Nội dung: GV cho hs thảo luận nhóm về các câu hỏi, sau đó hướng dẫn và chốt lại kiến thức.

c. Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập 2.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm thảo luận thống nhất kết quả trên phiếu học tập 2.

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm:.....

Câu 1: Sau khi tạo văn bản cho một bài trình chiếu, em thường định dạng văn bản như thế nào? Cần làm gì để nhấn mạnh nội dung trên một trang?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Có nên viết nhiều chữ, dùng nhiều màu trên một trang không? Vì sao

.....

.....

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.

* **Ghi nhớ:**

+ Định dạng văn bản trong phần mềm trình chiếu tương tự như trong phần mềm soạn thảo.

- + Nên chọn phong chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ, nền,... thống nhất và phù hợp, để làm nổi bật thông điệp chính của trang.
- + Nội dung trình bày nên cô đọng. Mỗi trang chiếu chỉ nên tập trung vào một ý chính

Hoạt động 2.3. Thực hành – Sao chép dữ liệu, chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trên trang chiếu.

a. Mục tiêu: Hs thực hiện được các thao tác

- Sao chép dữ liệu từ tệp văn bản sang tệp trình chiếu
- Định dạng cho văn bản sao cho hợp lý.
- Chèn và định dạng hình ảnh cho trang chiếu.

b. Nội dung: Gv cho Hs thực hành trên phòng máy theo các nội dung: sao chép, định dạng văn bản, chèn và định dạng hình ảnh.

c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh trên máy tính.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ 1:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm mở phần mô tả dự án đã lưu trong tệp văn bản **Truonghocxanh.docx** để sao chép sang bài trình chiếu.

* **Đối với HS khuyết tật:** GV cho HS thực hành trên máy tính, hướng dẫn sao chép dữ liệu, chèn hình ảnh vào trang chiếu.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện mở tệp văn bản và sao chép.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV quan sát và hướng dẫn các nhóm khi cần.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.

* **Chuyển giao nhiệm vụ 2:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm sử dụng các công cụ định dạng để định dạng văn bản cho trang chiếu:

- + Định dạng phong chữ, cỡ chữ, màu chữ
- + Thêm kí hiệu đầu dòng
- + Biên tập lại nội dung sao cho ngắn gọn, cô đọng.

VD:

1. Ý TƯỞNG

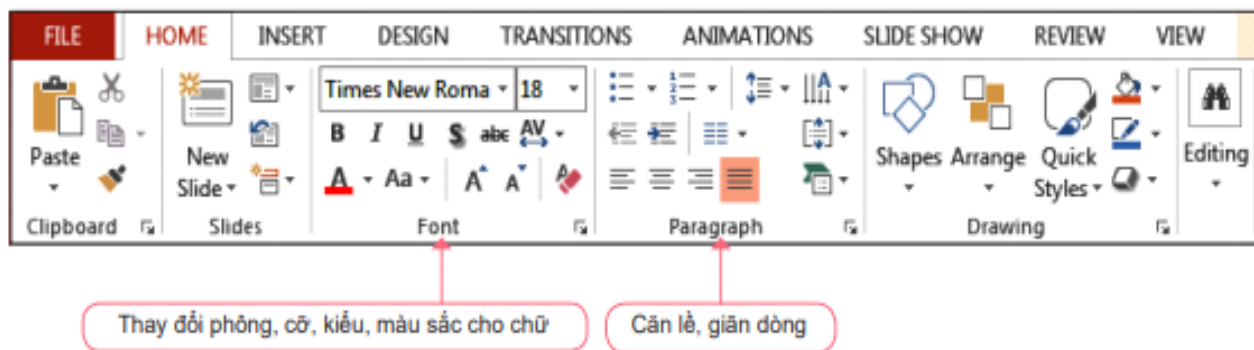
XÂY DỰNG NGÔI TRƯỜNG XANH - SẠCH - ĐẸP

- Cây xanh là người bạn gần gũi, giúp duy trì cuộc sống của chúng ta.
- Cây xanh giúp môi trường trong lành, xanh, sạch, đẹp.
- Cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và chung tay trồng thêm nhiều cây xanh.

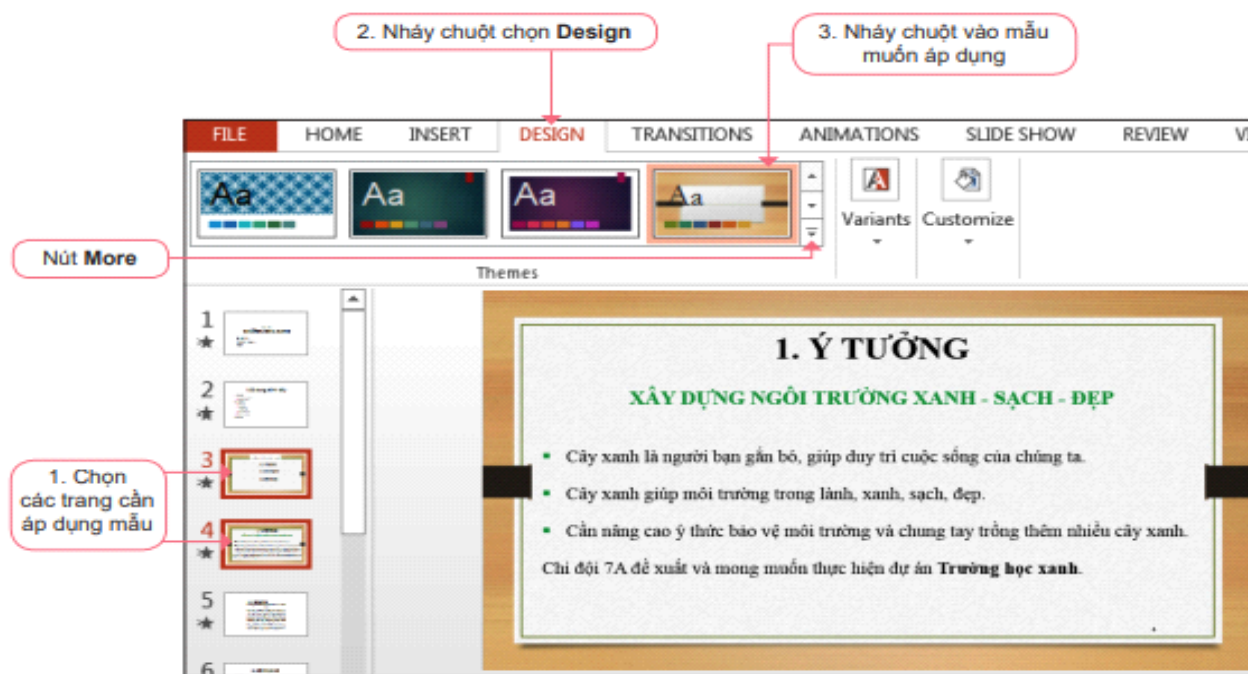
Chi đội 7A đề xuất và mong muốn thực hiện dự án **Trường học xanh**.

2

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện định dạng trang chiếu theo các yêu cầu của GV
- **Báo cáo, thảo luận:** GV quan sát và hướng dẫn các nhóm khi cần.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.



- * **Chuyển giao nhiệm vụ 3:** GV giao nhiệm vụ HS tìm hiểu cách sử dụng các mẫu định dạng có sẵn và áp dụng vào bài trình chiếu của nhóm sao cho hợp lý.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm Hs thực hiện thao tác chọn và áp dụng các mẫu định dạng có sẵn vào bài trình chiếu.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV quan sát và hướng dẫn các nhóm khi cần.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.



* **Chuyển giao nhiệm vụ 4:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm chèn hình ảnh vào trang chiếu và định dạng hình ảnh sao cho hợp lý.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện chèn hình ảnh và định dạng cho hình ảnh
- **Báo cáo, thảo luận:** GV quan sát và hướng dẫn các nhóm khi cần.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.

+ Các bước chèn hình ảnh vào trang chiếu

Bước 1. Chọn trang, vị trí trong trang cần chèn hình ảnh.

Bước 2. Chọn Insert/Pictures để mở hộp thoại Insert Picture.

Bước 3. Chọn tệp ảnh, nhấn chuột chọn nút Insert.

+ Các bước thay đổi lớp cho hình ảnh

Bước 1. Chọn hình ảnh.

Bước 2. Chọn Format/Arrange/Send Backward (nếu muốn đưa hình ảnh lên lại lớp trên thì chọn Bring Forward).

+ Cách thay đổi vị trí cho hình ảnh: Dùng chuột chọn hình ảnh, kéo thả đến vị trí mới

+ Cách thay đổi kích thước hình ảnh: Kích chuột vào hình ảnh, kéo thả các nút hình tròn ở các góc và cạnh của hình để thay đổi kích thước hình cho phù hợp.

+ Các bước thêm đường viền hình ảnh

Bước 1. Chọn hình ảnh.

Bước 2. Chọn Format/Picture Styles/Picture Border rồi chọn màu đường viền, kiểu đường viền

3. Hoạt động 3. Luyện tập

- a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về sao chép và định dạng văn bản, hình ảnh để chỉnh sửa bài trình chiếu.
- b. Nội dung: GV chiếu nội dung bài tập phần luyện tập, Hs suy nghĩ và làm bài theo nhóm.
- c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh trên máy tính.
- d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + GV chiếu nội dung bài luyện tập:
- + Gv yêu cầu học sinh luyện tập theo nhóm để hoàn thiện bài trình chiếu.

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + Hs lắng nghe và thực hành theo nhóm
- + Gv hướng dẫn, quan sát trong quá trình học sinh thực hành.

- Báo cáo, thảo luận: Hs thực hành trên máy tính.

- Kết luận, nhận định: Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi làm bài.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

- a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về định dạng, sao chép, chèn hình để thực hiện theo yêu cầu
- b. Nội dung: GV chiếu nội dung bài tập phần luyện tập, Hs suy nghĩ và làm bài theo nhóm.
- c. Sản phẩm: Bài thực hành của học sinh trên máy tính.
- d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + GV chiếu nội dung bài vận dụng:
- + Gv yêu cầu học sinh luyện tập theo nhóm để hoàn thiện bài trình chiếu.

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + Hs lắng nghe và thực hành theo nhóm

+ Gv hướng dẫn, quan sát trong quá trình học sinh thực hành.

- **Báo cáo, thảo luận:** Hs thực hành trên máy tính.

- **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi làm bài.

Tuần: 23, 24

Tiết: 23, 24

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY

BÀI 13. THỰC HÀNH TỔNG HỢP - HOÀN THIỆN BÀI TRÌNH CHIẾU

Tin học: Lớp 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí.
- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu hoàn chỉnh.
- Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tổng hợp, sắp xếp được các sản phẩm đã có thành một sản phẩm số hoàn chỉnh.

2.2. Năng lực Tin học

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông:

- Sử dụng đúng các thiết bị, phần mềm thông dụng, mạng máy tính để hoàn thành nhiệm vụ học tập của Chủ đề.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học:

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, lưu trữ thông tin phù hợp bổ sung cho nội dung của bài trình chiếu.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của công nghệ thông tin.

2.3. Các năng lực khác

- Năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ: thể hiện thông qua nội dung và hình thức của sản phẩm bài trình chiếu.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, sự khác biệt về văn hóa.
- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: có thói quen giữ gìn sức khỏe, tuân thủ các nguyên tắc an toàn về điện khi sử dụng các thiết bị CNTT. Bảo vệ thông tin của bạn bè, thầy cô khi giao tiếp trong môi trường số.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. Học liệu:

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, phòng máy tính đã được cài phần mềm trình chiếu. Slide cho HS thực hành. Phiếu học tập.

Học sinh: Đồ dùng học tập, bài trình chiếu là kết quả của các tiết thực hành trước, dữ liệu bổ sung (nếu cần) để hoàn thành bài trình chiếu báo cáo dự án.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

19. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: HS nhận ra sự cần thiết của hiệu ứng động, phân biệt được hai loại hiệu ứng động.

b) Nội dung:

- HS trả lời câu hỏi trong phiếu học tập sau khi quan sát những trang trình chiếu của GV.

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** HS được nhận phiếu học tập, được đọc trước khi quan sát những tình huống của bài trình chiếu.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:

Câu 1: Em có muốn sử dụng các hiệu ứng động trong bài trình chiếu của mình không? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Có mấy loại hiệu ứng động? Chúng khác nhau thế nào?

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Sử dụng hiệu ứng động cần lưu ý những điều gì? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

- GV trình chiếu 2 trang chiếu có cùng nội dung. Một trang không có hiệu ứng động của các đối tượng, một trang có. Chẳng hạn, hiệu ứng box (out) của hình ảnh làm chữ màu trắng (trùng màu nền) được nổi lên, gây ấn tượng.



- GV trình chiếu 2 bài trình chiếu có cùng nội dung. Một bài không có hiệu ứng chuyển giữa các trang, một trang có.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện trả lời vào phiếu học tập (xem cuối kế hoạch bài dạy này).
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả của HS, từ đó đưa đến kết luận trong hộp kiến thức.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi củng cố. Đáp án: 1 – a, 2 – d, 3 – b, 4 – c.

Em hãy ghép mỗi nội dung của cột A với một nội dung của cột B.

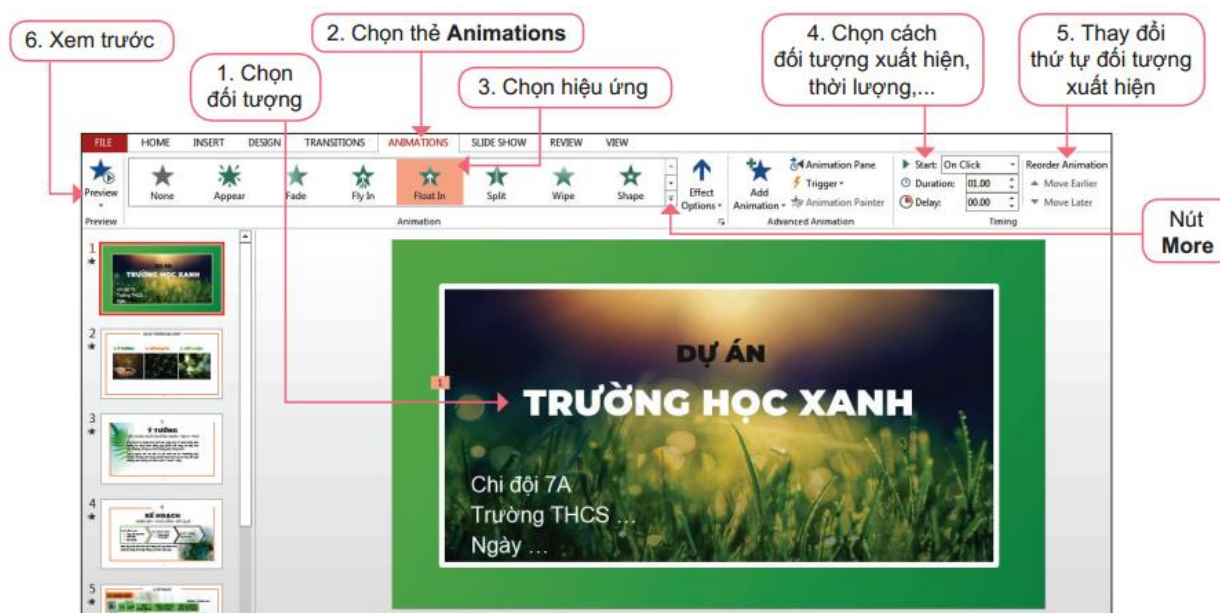
Cột A	Cột B
1. Sử dụng hiệu ứng động trong bài trình chiếu	a. giúp cho bài trình chiếu trở nên sinh động và hấp dẫn hơn
2. Hiệu ứng cho các trang chiếu	b. khi được thêm các hiệu ứng động
3. Nội dung trên trang chiếu sẽ thu hút sự chú ý của người xem và tạo hiệu ứng tốt hơn trong việc truyền đạt thông tin	c. Là cách thức và thời điểm xuất hiện của các trang chiếu và các đối tượng trên trang chiếu.

4. Hiệu ứng động trong bài trình chiếu

d. gọi là hiệu ứng chuyển trang chiếu

20. Hoạt động 2: Tạo hiệu ứng động cho các đối tượng

- a) Mục tiêu: HS biết đưa hiệu ứng động của các đối tượng vào bài trình chiếu.
- b) Nội dung: HS đưa hiệu ứng động của đối tượng vào bài trình chiếu như hướng dẫn trong hình 13.1. của SGK tr.69.
- c) Sản phẩm: Dự án “Trường học xanh” có ít nhất một hiệu ứng động cho các đối tượng.
- d) Tổ chức thực hiện:
- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS tạo hiệu ứng động dựa trên hình 13.1. SGK. Yêu cầu HS chỉ thực hiện một hiệu ứng. Cho phép trao đổi và hoạt động theo nhóm (mỗi nhóm không quá 3 HS).



- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện Các nhóm thực hành theo yêu cầu.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV kiểm tra các máy tính đã có hiệu ứng chưa, nhận xét chung, chỉnh sửa nếu có. GV nhận xét kết quả của HS, từ đó đưa đến kết luận.

21. Hoạt động 3: Tạo hiệu ứng chuyển trang chiếu

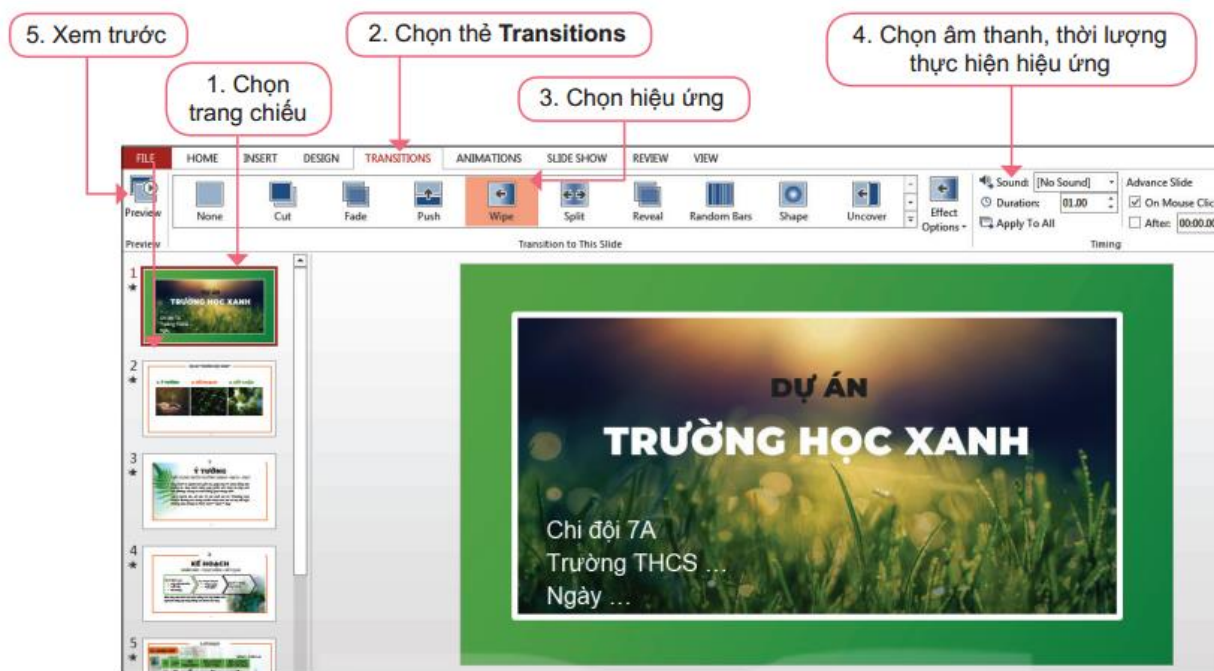
- a) Mục tiêu: HS biết đưa hiệu ứng chuyển trang vào bài trình chiếu.

b) Nội dung: HS đưa hiệu ứng chuyển trang vào bài trình chiếu như hướng dẫn trong hình 13.2. của SGK tr.70.

c) Sản phẩm: Dự án “Trường học xanh” có ít nhất một hiệu ứng chuyển trang.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS tạo hiệu ứng động dựa trên hình 13.2. SGK. Yêu cầu HS chỉ thực hiện một hiệu ứng. Cho phép trao đổi và hoạt động theo nhóm (mỗi nhóm không quá 3 HS).



- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện Các nhóm thực hành theo yêu cầu.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày sản phẩm. Các nhóm nhận xét.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét kết quả của HS, từ đó đưa đến kết luận.

22. Hoạt động 4. Thực hành tổng hợp: Hoàn thiện bài trình chiếu

a) Mục tiêu: HS thực hành tạo hiệu ứng cho các trang chiếu, tạo hiệu ứng động cho các đối tượng trên các trang. Hoàn thiện bài trình chiếu mà các em thực hiện từ các tiết học trước.

b) Nội dung:

- Em hãy tạo hiệu ứng cho bài trình chiếu báo cáo dự án Trường học xanh.
- Tổng hợp, sắp xếp, bổ sung các nội dung để hoàn thiện bài trình chiếu

c) Sản phẩm: Bài trình chiếu báo cáo dự án “Trường học xanh”.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV thống nhất tiêu chí đánh giá sản phẩm với HS. Điểm này được lấy vào điểm đánh giá thường xuyên hoặc kết hợp (trung bình cộng) với điểm phần bảng tính để làm điểm đánh giá giữa kỳ. Sau đây là một phương án đánh giá bài trình chiếu:
 - Bài trình bày có trang tiêu đề, một số trang nội dung và trang kết luận (1 điểm).
 - Có giới thiệu dự án được sao chép từ phần mềm xử lý văn bản (1 điểm).
 - Sử dụng được một số kết quả từ phần mềm bảng tính (2 điểm).
 - Trang chiếu có sử dụng hình ảnh, có cấu trúc và hiệu ứng động (3 điểm).
 - Nội dung các trang được định dạng hợp lí. Có hiệu ứng chuyển trang (2 điểm).
 - Bài trình chiếu gây ấn tượng nhưng không lạm dụng hiệu ứng (1 điểm).
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành cá nhân trên máy tính.
- **Báo cáo, thảo luận:** HS thực hành theo yêu cầu.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét chung, đưa ra lời khuyên và thu bài qua email để chấm sau. Một số lời khuyên có thể là:
 - Trình bày càng đơn giản, rõ ràng thì càng thuyết phục.
 - Dùng hiệu ứng chuyển trang thống nhất cho tất cả các trang.
 - Trả lời câu hỏi “Hiệu ứng này có thể khiến bài thuyết trình hiệu quả hơn không?”.
 - Chỉ dùng âm thanh khi thật cần thiết.

23. Hoạt động 5: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về hiệu ứng động để hoàn thiện bài trình chiếu.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thêm hiệu ứng động, hiệu ứng chuyển trang cho bài trình chiếu **Baitaptinhoc7.pptx** đã làm ở bài trước.

c) Sản phẩm: Kết quả làm việc cá nhân Bài trình chiếu Baitaptinhoc7.pptx

d) Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành. Nếu không đủ thời gian, có thể cho phép HS hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Tuần: 25, 28

Tiết: 25,28

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 14 – THUẬT TOÁN TÌM KIẾM TUẦN TỰ

Tin học Lớp 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự.
- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.

*** Đối với HS khuyết tật: Biết xác định input, output cho bài toán tìm kiếm tuần tự.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các tìm kiếm tuần tự
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học

NLC: Tư duy phân tích, thiết kế

- Nhận biết các hoạt động sử dụng tìm kiếm tuần tự.
- Viết được thuật toán dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
- Lập được bảng mô phỏng thuật toán.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá.
- Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- GV: SGK, kế hoạch DH, phiếu học tập.
- HS: Sách giáo khoa, bảng nhóm, tìm hiểu nội dung bài mới, học bài cũ.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu: HS nêu được bài toán tìm kiếm trong thực tiễn và nhu cầu tìm hiểu thuật toán tìm kiếm.

b) Nội dung: GV chiếu tình huống SGK, phát phiếu học tập, yêu cầu HS đọc và thực hiện tìm địa chỉ của khách hàng Hoàng Mai và điền vào phiếu học tập số 1. Hs làm bài theo nhóm

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập 1.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + GV phân nhóm học sinh, phát phiếu học tập.
- + GV chiếu tình huống SGK và yêu cầu một HS đọc.
- + GV yêu cầu các nhóm tìm địa chỉ khách hàng thông qua các dữ liệu đã được phát trong phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:.....

Danh sách khách hàng được mẹ An ghi trong bảng như sau:

TT	Họ tên	Địa chỉ
1	Nguyễn An	Xóm 1, Nghĩa Lộ, Vông Xuyên
2	Trần Bình	Xóm 3, Thư Trai
3	Hoàng Mai	Số 3, tổ 7, Phúc Hoà
4	Thanh Trúc	Xóm 2, Lục Xuân, Hoà Hưng
5	Nguyễn Hoà	Số 69 đường Ngô Quyền

Câu 1: Hãy tìm địa chỉ của khách hàng Hoàng Mai trong danh sách trên?

.....
Câu 2: Em đã thực hiện tìm kiếm khách hàng Hoàng Mai trong danh sách bằng cách nào?

.....
Câu 3: Nêu ví dụ trong cuộc sống hàng ngày về hoạt động tìm kiếm?
.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện theo yêu cầu
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Thuật toán Tìm kiếm tuần tự

a) Mục tiêu:

- Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS đọc nội dung phần hoạt động đọc và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập số 2

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập 2.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ :** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động nhóm thảo luận thống nhất kết quả trên phiếu học tập 2.

Phiếu học tập số 2:

Câu 1: Xác định input, output cho bài toán tìm kiếm khách hàng trong tình huống ở đầu bài.

.....
.....

Câu 2: Điều kiện để tìm kiếm trong bài toán trên làm gì? Khi nào thì việc tìm kiếm dừng lại?

.....

*** Đối với HS khuyết tật: Xác định input, output cho bài toán tìm kiếm khách hàng trong tình huống ở đầu bài.**

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức

Ghi nhớ: Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện tìm lần lượt từ đầu đến cuối danh sách, chừng nào chưa tìm thấy và chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

Hoạt động 2.2: Phân tích Sơ đồ khối, biểu diễn mô phỏng thuật toán Tìm kiếm tuần tự

a) Mục tiêu:

- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.

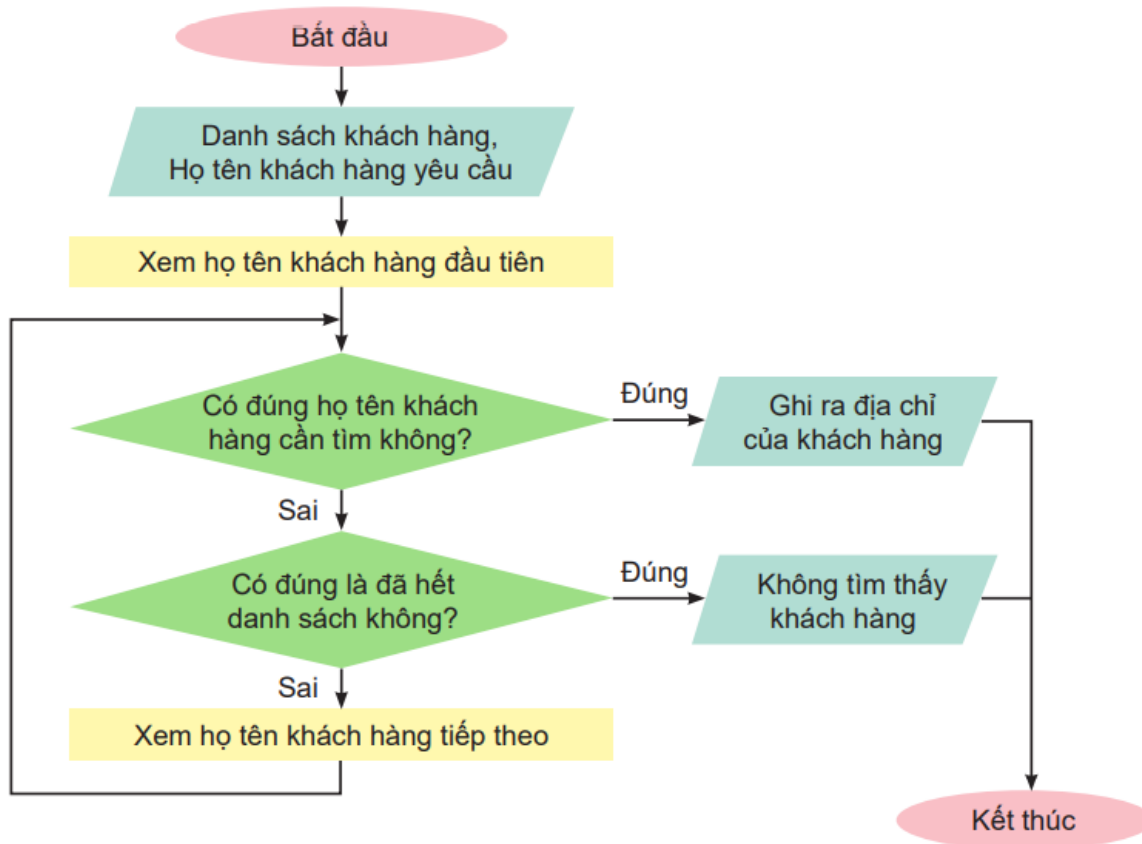
b) Nội dung: GV giới thiệu sơ đồ khối thuật toán tìm kiếm tuần tự, yêu cầu học sinh mô phỏng lại thuật toán tìm kiếm tuần tự với dữ liệu đầu vào theo yêu cầu tại phiếu học tập số 3.

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập 3.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ 1:**

+ GV chiếu sơ đồ khối và giải thích về các bước thuật toán tìm kiếm tuần tự



Hình 14.1. Sơ đồ khối mô tả thuật toán tìm kiếm tuần tự địa chỉ khách hàng

+ GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 3

Phiếu học tập số 3:

Câu 1: Các cấu trúc điều khiển nào được sử dụng sơ đồ khối H14.1?

.....

Câu 2: Hoạt động lặp trong thuật toán này là gì?

.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức

Ghi nhớ:

Bước 1: Xét phần tử đầu tiên của danh sách

Bước 2: Nếu giá trị của phần tử đang xét bằng giá trị cần tìm thì chuyển sang Bước 4, nếu không thì thực hiện bước tiếp theo (Bước 3).

Bước 3: Kiểm tra đã hết danh sách chưa. Nếu đã hết danh sách thì chuyển sang Bước 5, nếu chưa thì lặp lại từ Bước 2.

Bước 4: Trả lời “tìm thấy” và chỉ ra vị trí phần tử tìm được; Kết thúc.

Bước 5: Trả lời “không tìm thấy”; Kết thúc

*** Chuyển giao nhiệm vụ 2:**

+ GV chiếu yêu cầu hoạt động 1 SGK

+ GV yêu cầu HS thảo luận nhóm hoàn thành bảng mô phỏng các bước tìm địa chỉ khách hàng

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập số 4

Phiếu học tập số 4:

Câu 1: Điền các bước thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự vào bảng sau để tìm ra địa chỉ của khách hàng có họ tên là “Thanh Trúc”.

Lần lặp	Tên khách hàng	Có đúng khách hàng cần tìm không?	Có đúng là đã hết danh sách không?
1	Nguyễn An	Sai	Sai
...			
...			
...			
...			
...			

Câu 2: Số lần lặp của bài toán trên là bao nhiêu?

.....

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức

Lần lặp	Tên khách hàng	Có đúng khách hàng cần tìm không?	Có đúng là đã hết danh sách không?
1	Nguyễn An	Sai	Sai
2	Trần Bình	Sai	Sai
3	Hoàng Mai	Sai	Sai
4	Thanh Trúc	Đúng	Sai

Số lần lặp là 4 lần.

*** Chuyển giao nhiệm vụ 3:** GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi.

Câu 1. Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

- A. Lưu trữ dữ liệu
- B. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong danh sách đã cho
- C. Xử lý dữ liệu
- D. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

Câu 2. Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc như thế nào?

- A. Bắt đầu từ vị trí bất kì của danh sách.
- B. Chia nhỏ dữ liệu thành từng phần để tìm kiếm
- C. Xem xét mục dữ liệu đầu tiên, sau đó xem xét lần lượt từng mục dữ liệu tiếp theo cho đến khi tìm thấy mục dữ liệu được yêu cầu hoặc đến khi hết danh sách.
- D. Sắp xếp lại dữ liệu theo thứ tự bảng chữ cái.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ và trả lời.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.

Đáp án: 1 - B ; 2 – C.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về thuật toán tìm kiếm tuần tự để mô phỏng lại các bước tìm kiếm.

b) Nội dung: GV chiếu nội dung bài tập phần luyện tập, Hs suy nghĩ và làm bài cá nhân vào vở.

c) Sản phẩm: Bảng mô phỏng các bước tìm kiếm của HS

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chiếu nội dung bài luyện tập:

+ Gv yêu cầu hs:

- Xác định input và output của bài toán

- Điều kiện cần kiểm tra để dừng vòng lặp trong bài toán là gì?

- Hoàn thiện bảng mô phỏng các bước tìm kiếm tuần tự để tìm tên nước Iceland vào vở.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.

+ Gv hướng dẫn, quan sát trong quá trình học sinh làm bài

- Báo cáo, thảo luận: Hs làm bài cá nhân vào vở.

- Kết luận, nhận định: Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi làm bảng mô phỏng.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về tìm kiếm tuần tự để thực hiện tìm kiếm theo yêu cầu

b) Nội dung: Hs làm bài theo nhóm. GV yêu cầu các nhóm lập danh sách những cuốn sách trong tủ sách của lớp em, sau đó sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự để lập bảng mô phỏng tìm một cuốn sách bất kỳ trong danh sách đó.

c) Sản phẩm: Kết quả làm việc theo nhóm: danh sách các cuốn sách trong tủ sách lớp, bảng mô phỏng tìm kiếm 1 cuốn sách trong tủ sách của lớp.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv nêu yêu cầu

+ Lập danh sách những cuốn sách trong tủ sách của lớp.

+ Lập bảng mô phỏng tìm 1 cuốn sách bất kỳ trong danh sách.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs lắng nghe và thực hiện theo nhóm.

+ Gv quan sát và hướng dẫn trong quá trình HS thực hành.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, nhận xét bài và chốt lại kiến thức.

Tuần: 26

Tiết: 26

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
- Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.
- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lý
- Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lý.
- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu.
- Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 11 đến bài 13
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
- Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.

- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lý

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm hình ảnh cho bài trình chiếu.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số
- Có khả năng làm việc nhóm, hợp tác để tiếp thu kiến thức và hoàn thành các yêu cầu giáo viên.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. **Học liệu:**

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

1. Hoạt động 1: Khởi động

b. Nội dung: Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:

+ GV chiếu **“trò chơi lật ô chữ”** gồm 10 câu hỏi. Sau đó, GV cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và tìm ra hình nền của trò chơi.

Câu 1. Phần mềm trình chiếu có mấy chức năng cơ bản?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2. Chức năng tạo bài trình chiếu bao gồm các chức năng gì?

- A. Soạn thảo văn bản, trình chiếu B. Tính toán tự động
C. Lập trình, định dạng văn bản D. Soạn thảo, chỉnh sửa, định dạng văn bản

Câu 3. Màu chữ trên trang chiếu cần phải như thế nào?

- A. Tương đương với màu nền B. Tương phản với màu nền
C. Sử dụng nhiều màu chữ cho đẹp D. Sử dụng một màu duy nhất

Câu 4. Trên mỗi trang chiếu thì số lượng dòng trên mỗi trang là?

- A. Khoảng 3 đến 5 dòng
B. Khoảng 5 đến 7 dòng
C. Khoảng 7 đến 9 dòng
D. Trên 10 dòng

Câu 5. Phần mềm trình chiếu, lệnh tăng bậc phân cấp?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 6. Một bài trình chiếu thường có bao nhiêu trang chiếu?

- A. 1 B. 3 C. 10 D. Nhiều

Câu 7. Đây là chức năng đầy đủ của phần mềm trình chiếu?

- A. Tạo bài trình chiếu.
B. Tạo bài trình chiếu và lưu dưới dạng tệp.
C. Trình chiếu.
D. Tạo bài trình chiếu và trình chiếu.

Câu 8. Phong chữ trên trang chiếu cần phải như thế nào?

- A. Tương đương với số màu nền

C. Sử dụng nhiều phong chữ cho đẹp

D. Sử dụng từ 5 phong chữ trở lên

Câu 9. Đối với tiêu đề thì em nên chọn cỡ chữ bao nhiêu?

A. Từ 20 đến 30

B. Từ 30 đến 40

C. Từ 40 đến 50

D. Từ 50 đến 60

Câu 10. Phần mềm trình chiếu, lệnh giảm bậc phân cấp?

A. 

B. 

C. 

D. 

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các: định dạng, chèn hình ảnh, tạo hiệu ứng cho đối tượng, ... cho bài trình chiếu

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Các câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu “trò chơi Bắt Bướm” gồm các câu hỏi và yêu cầu HS trả lời



Câu 6. Trong PowerPoint, em mở thẻ nào để định dạng văn bản?

A. Home.

B. Insert.

C. Design.

D. View.

Câu 2. Cách nào sau đây không là cách chèn hình ảnh vào trang chiếu?

- A. Sử dụng lệnh Copy và Paste. B. Chọn Insert/Online Pictures.
C. Chọn Insert/Pictures. D. Chọn Design, chọn mẫu trong Themes.

Câu 3. Để tạo hiệu ứng cho đối tượng trong bài trình chiếu, em chọn lệnh nào?

- A. Transition B. Design C. Animations D. Slide Show

Câu 4. Trong trang chiếu thì thông tin trực quan là gì?

- A. Văn bản B. Hình ảnh
C. Văn bản, hình ảnh D. Văn bản, hình ảnh, âm thanh

Câu 5. Cách để tạo thêm trang chiếu mới trong bài trình chiếu?

- A. Desigh/New Slide B. Home/New Slide
C. Insert/New Slide D. File/New Slide

Câu 6. Sau khi chọn hình ảnh, em mở thẻ nào để định dạng hình ảnh cho bài trình chiếu?

- A. Home. B. Design. C. Format. D. View.

Câu 7. Để tạo hiệu ứng chuyển trang chiếu, em chọn lệnh nào?

- A. Transition B. Design C. Animations D. Slide Show

Câu 8. Khi lựa chọn hình ảnh nên căn cứ vào yếu tố nào?

- A. Phù hợp với nội dung B. Hình ảnh phải đẹp
C. Có tính thẩm mỹ và phù hợp với nội dung D. Có tính thẩm mỹ

Câu 9. Sắp xếp lại trình tự các bước chèn và xử lí hình ảnh cho đúng:

- 1) Chọn tệp ảnh, nháy chuột chọn lệnh Insert.
2) Chọn trang, vị trí trong trang cần chèn hình ảnh.
3) Chọn Insert/Pictures để mở hộp thoại Insert Picture.
4) Sử dụng các công cụ định dạng cho hình ảnh để được hình ảnh như ý.
- A. 3 → 2 → 4 → 1 B. 1 → 2 → 3 → 4
C. 4 → 2 → 3 → 1 D. 2 → 3 → 1 → 4

Câu 10. Sắp xếp lại trình tự các bước sao chép dữ liệu từ tệp văn bản sang tệp trình chiếu cho đúng:

- 1) Đặt con trỏ tại vị trí cần sao chép đến rồi thực hiện lệnh Paste (Home/Paste).
2) Chọn phần dữ liệu cần sao chép rồi thực hiện lệnh Copy (Home/Copy).
3) Mở tệp văn bản cần sao chép.

4) Mở tệp trình chiếu cần sao chép văn bản đến.

A. $3 \rightarrow 2 \rightarrow 4 \rightarrow 1$

B. $1 \rightarrow 2 \rightarrow 3 \rightarrow 4$

C. $2 \rightarrow 3 \rightarrow 1 \rightarrow 4$

D. $4 \rightarrow 2 \rightarrow 3 \rightarrow 1$

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn câu hỏi, suy nghĩ trả lời. GV giải thích thêm những câu hỏi khó.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt các HS đứng tại chỗ trả lời

+ HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** HS thực hành tạo bài trình chiếu

b. **Nội dung:** Học sinh nắm được cách tạo bài trình chiếu, tạo hiệu ứng cho đối tượng, hiệu ứng cho trang chiếu.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của các nhóm

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Khởi động phần mềm **Microsoft Powerpoint** và tạo bài trình chiếu gồm 7 trang trở lên về chủ đề “**Thế giới các loài cá**” theo các yêu cầu sau:

- **Slide 1:** Tên chủ đề:

Tên học sinh: Lớp:

- **Slide 2:** Nêu khái quát nội dung bài trình chiếu

- **Từ Slide 3 trở đi** trình bày theo các mục sau: Tên loài, hình ảnh, tập tính sinh sống trong tự nhiên, vai trò của con vật đó trong tự nhiên và đối với con người,...

- **Trang cuối cùng:** Kết luận, cảm ơn

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành trên máy tính

- **Báo cáo, thảo luận:**

Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 27

Tiết: 27

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 11 đến bài 13

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 11 đến bài 13

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thực hiện cá nhân để đưa ra câu trả lời đúng.

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.

- Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
- Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.
- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lí

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, trao đổi thông tin phù hợp.

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Đề kiểm tra.

2. Học liệu:

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra giữa kỳ II, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.
- Học sinh làm bài trên máy tính.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 4: Ứng dụng tin học	Bài 11. Tạo bài trình chiếu	4			1					4 điểm 30%
		Bài 12. Định dạng đối tượng trên trang chiếu	3		2			1			4,5 điểm 45%
		Bài 13. Thực hành tổng hợp: Hoàn thiện bài trình chiếu	1							1	1,5 điểm 25%
Tổng số câu			8		2	1		1		1	13
Tổng số điểm			4		3		2		1		100%

Tỉ lệ chung	40%	30%	20%	10%	100%
--------------------	------------	------------	------------	------------	-------------

* Đối với HS khuyết tật: Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN TIN HỌC 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 4	Bài 11. Tạo bài trình chiếu	Nhận biết - Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu. - Nêu được chức năng tạo bài trình chiếu	4 TN (Câu 1,2,5,6)	1 TH (Câu 11)		

			– Lệnh tăng, giảm bậc phân cấp, tạo thêm trang chiếu mới, mở định dạng văn bản trong bài trình chiếu Thông hiểu – Cấu trúc phân cấp trong bài trình chiếu.				
		Bài 12. Định dạng đối tượng trên trang chiếu	Nhận biết – Biết định dạng màu chữ và màu nền, phong chữ, số lượng dòng trên trang chiếu phù hợp – Biết lựa chọn hình ảnh để minh họa cho bài trình chiếu Thông hiểu – Hiểu được các định dạng cho văn bản, chèn ảnh minh họa Vận dụng – Sử dụng được các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa	3 TN (Câu 3,4,7)	2 TN (Câu 9,10)	1 TH (Câu 12)	
		Bài 13. Thực hành tổng hợp:	Nhận biết	1 TN			1 TH

		Hoàn thiện bài trình chiếu	– Tạo hiệu ứng chuyển trang, hiệu ứng cho đối tượng trong bài trình chiếu. Vận dụng cao – Sử dụng hiệu ứng một cách hợp lý.	(Câu 8)			(Câu 13)
Tổng câu				8 TN	2 TN 1 TH	1 TH	1 TH
Tổng số điểm				4	3	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

Họ và tên:..... Lớp: MÃ ĐỀ A	KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	<u>Điểm</u>
--	---	--------------------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau:

Câu 1. Phần mềm trình chiếu không phục vụ cho công việc nào dưới đây?

- A. Dạy học B. Hội nghị C. Quảng cáo D. Lướt Web

Câu 2. Đây là chức năng đầy đủ của phần mềm trình chiếu?

- A. Tạo bài trình chiếu và trình chiếu. B. Tạo bài trình chiếu.
C. Tạo bài trình chiếu và lưu dưới dạng tệp. D. Trình chiếu.

Câu 3. Công cụ nào dùng để giãn dòng trong phần mềm trình chiếu?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 4. Đối với tiêu đề thì em nên chọn cỡ chữ bao nhiêu?

- A. Từ 20 đến 30 B. Từ 30 đến 40 C. Từ 40 đến 50 D. Từ 50 đến 60

Câu 5. Phần mềm trình chiếu, lệnh tăng bậc phân cấp?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 6. Cách để tạo thêm trang chiếu mới trong bài trình chiếu?

- A. File/New Slide B. Desigh/New Slide
C. Insert/New Slide D. Home/New Slide

Câu 7. Sau khi chọn hình ảnh, em mở thẻ nào để định dạng hình ảnh cho bài trình chiếu?

- A. Design. B. Home. C. Format. D. View.

Câu 8. Sử dụng mẫu định dạng có sẵn trong bài trình chiếu, em chọn thẻ nào?

- A. Transition B. Design C. Animations D. Slide Show

Câu 9. Khi lựa chọn hình ảnh nên căn cứ vào yếu tố nào?

- A. Có tính thẩm mỹ B. Hình ảnh phải đẹp
C. Phù hợp với nội dung D. Có tính thẩm mỹ và phù hợp với nội dung

Câu 10. Việc nào không được phép làm khi sử dụng các công cụ định dạng hình ảnh trên trang chiếu?

- A. Thêm đường viền tạo khung cho hình ảnh. B. Thay đổi nội dung hình ảnh.
C. Thay đổi vị trí và kích thước của hình ảnh. D. Thay đổi lớp, cắt hình, quay hình,...

Họ và tên:..... Lớp: MÃ ĐỀ B	KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	<u>Điểm</u>
--	---	--------------------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên máy tính)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau:

Câu 1. Một bài trình chiếu thường có bao nhiêu trang chiếu?

- A. Nhiều B. 3 C. 10 D. 1

Câu 2. Chức năng tạo bài trình chiếu bao gồm các chức năng gì?

- A. Lập trình, định dạng văn bản B. Tính toán tự động
C. Tạo bài trình chiếu và trình chiếu D. Soạn thảo, định dạng văn bản

Câu 3. Phong chữ trên trang chiếu cần phải như thế nào?

- A. Sử dụng từ 5 phong chữ trở lên B. Không nên sử dụng nhiều phong chữ
C. Sử dụng nhiều phong chữ cho đẹp D. Tương đương với số màu nền

Câu 4. Trên mỗi trang chiếu thì số lượng dòng trên mỗi trang là?

- A. Trên 10 dòng B. Khoảng 5 đến 7 dòng
C. Khoảng 3 đến 5 dòng D. Khoảng 7 đến 9 dòng

Câu 5. Phần mềm trình chiếu, lệnh giảm bậc phân cấp?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 6. Trong PowerPoint, em mở thẻ nào để định dạng văn bản?

- A. View. B. Home. C. Design. D. Insert.

Câu 7. Cách nào sau đây không phải là cách chèn hình ảnh vào trang chiếu?

- A. Chọn Design, chọn mẫu trong Themes. B. Chọn Insert/Online Pictures.
C. Sử dụng lệnh Copy và Paste. D. Chọn Insert/Pictures.

Câu 8. Để tạo hiệu ứng chuyển trang chiếu, em chọn thẻ nào?

- A. Animations B. Design C. Slide Show D. Transition

Câu 9. Trong trang chiếu thì thông tin trực quan là gì?

- A. Văn bản, hình ảnh, âm thanh B. Hình ảnh
C. Văn bản, hình ảnh D. Văn bản

Câu 10. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào không đúng?

- A. Hình ảnh minh họa cần có tính thẩm mỹ.
B. Nên chọn hình ảnh phù hợp với chủ đề của bài trình chiếu.
C. Màu sắc, họa tiết trên hình ảnh không cần trùng khớp với chủ đề.

D. Hình ảnh minh họa làm cho trang chiếu ấn tượng hơn.

ĐỀ 1

II. THỰC HÀNH: (5 điểm)

Câu 11. (2 điểm) Khởi động phần mềm **Microsoft Powerpoint** và tạo bài trình chiếu gồm 7 trang trở lên về chủ đề “**Thế giới các loài cá**” theo các yêu cầu sau:

- **Slide 1:** Tên chủ đề:

Tên học sinh: Lớp:

- **Slide 2:** Nêu khái quát nội dung bài trình chiếu

- **Từ Slide 3 trở đi** trình bày theo các mục sau: Tên loài, hình ảnh, tập tính sinh sống trong tự nhiên, vai trò của con vật đó trong tự nhiên và đối với con người,...

- **Trang cuối cùng:** Kết luận, cảm ơn

Câu 12. (2 điểm) Trong bài các trang nội dung có tiêu đề trang và sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày nội dung.

Câu 13. (1 điểm) Tạo hiệu ứng cho các trang và đối tượng để hoàn thiện bài trình chiếu.

* Lưu bài trình chiếu vào D:\KTGKII\TENHS_LOP. (Ví dụ: D:\KTGKII\ Hong_7.1)

----- **HẾT** -----

ĐỀ 2

II. THỰC HÀNH: (5 điểm)

Câu 11. (2 điểm) Khởi động phần mềm **Microsoft Powerpoint** và tạo bài trình chiếu gồm 7 trang trở lên về chủ đề “**Thế giới động vật hoang dã**” theo các yêu cầu sau:

- **Slide 1:** Tên chủ đề:

Tên học sinh: Lớp:

- **Slide 2:** Nêu khái quát nội dung bài trình chiếu

- **Từ Slide 3 trở đi** trình bày theo các mục sau: Tên loài, hình ảnh, tập tính sinh sống trong tự nhiên, vai trò của con vật đó trong tự nhiên và đối với con người,...

- **Trang cuối cùng:** Kết luận, cảm ơn

Câu 12. (2 điểm) Trong bài các trang nội dung có tiêu đề trang và sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày nội dung.

Câu 13. (1 điểm) Tạo hiệu ứng cho các trang và đối tượng để hoàn thiện bài trình chiếu.

* Lưu bài trình chiếu vào D:\KTGKII\TENHS_LOP. (Ví dụ: D:\KTGKII\ Hong_7.1)

----- **HẾT** -----

ĐỀ 3

II. THỰC HÀNH: (5 điểm)

Câu 11. (2 điểm) Khởi động phần mềm **Microsoft Powerpoint** và tạo bài trình chiếu gồm 7 trang trở lên về chủ đề “**Các loài cây ăn quả**” theo các yêu cầu sau:

- **Slide 1:** Tên chủ đề:

Tên học sinh: Lớp:

- **Slide 2:** Nêu khái quát nội dung bài trình chiếu

- **Từ Slide 3 trở đi** trình bày theo các mục sau: Tên loài, hình ảnh, tập tính sinh sống trong tự nhiên, vai trò của loài cây đó trong tự nhiên và đối với con người,...

- **Trang cuối cùng:** Kết luận, cảm ơn

Câu 12. (2 điểm) Trong bài các trang nội dung có tiêu đề trang và sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày nội dung.

Câu 13. (1 điểm) Tạo hiệu ứng cho các trang và đối tượng để hoàn thiện bài trình chiếu.

* Lưu bài trình chiếu vào D:\KTGKII\TENHS_LOP. (Ví dụ: D:\KTGKII\ Hong_7.1)

----- **HẾT** -----

ĐỀ 4

II. THỰC HÀNH: (5 điểm)

Câu 11. (2 điểm) Khởi động phần mềm **Microsoft Powerpoint** và tạo bài trình chiếu gồm 7 trang trở lên về chủ đề “**Các loài vật nuôi em yêu thích**” theo các yêu cầu sau:

- **Slide 1:** Tên chủ đề:

Tên học sinh: Lớp:

- **Slide 2:** Nêu khái quát nội dung bài trình chiếu

- **Từ Slide 3 trở đi** trình bày theo các mục sau: Tên loài, hình ảnh, tập tính sinh sống trong tự nhiên, vai trò của loài vật đó trong tự nhiên và đối với con người,...

- **Trang cuối cùng:** Kết luận, cảm ơn

Câu 12. (2 điểm) Trong bài các trang nội dung có tiêu đề trang và sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày nội dung.

Câu 13. (1 điểm) Tạo hiệu ứng cho các trang và đối tượng để hoàn thiện bài trình chiếu.

* Lưu bài trình chiếu vào D:\KTGKII\TENHS_LOP. (Ví dụ: D:\KTGKII\ Hong_7.1)

----- **HẾT** -----

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN TIN HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM : (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	A	C	B	D	C	B	D	B

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM : (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	B	C	B	A	D	B	C

II. THỰC HÀNH: (5 điểm) áp dụng cho 4 đề

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	- Tạo bài trình chiếu gồm 7 trang trở lên có nội dung đúng với chủ đề. - Slide 1 - Slide 2 - Từ Slide 3 trở đi - Trang cuối cùng	0,5 đ 0,25 đ 0,1 đ 0,25 đ
12 (2đ)	- Các trang nội dung có tiêu đề trang - Sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày nội dung.	1 đ 1 đ
13 (1đ)	- Sử dụng hiệu ứng chuyển trang chiếu. - Sử dụng hiệu ứng cho các đối tượng thích hợp.	0,5 đ 0,5 đ

Tuần: 29

Tiết: 29

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Tổ: Tự nhiên

Họ và tên giáo viên:

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 15 – THUẬT TOÁN TÌM KIẾM NHỊ PHÂN

Tin học Lớp 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân.
- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
- Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.

*** Đối với hs khuyết tật: biết thuật toán tìm kiếm nhị phân.**

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các tìm kiếm nhị phân và sắp xếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học

NLC: Giải quyết vấn đề

- Nhận biết các hoạt động sử dụng tìm kiếm nhị phân.
- Viết được thuật toán dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
- Lập được bảng mô phỏng thuật toán.
- Tư duy phân tích.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá.

- Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- GV: SGK, kế hoạch DH, phiếu học tập, bài giảng điện tử.
- HS: Sách giáo khoa, bảng nhóm, tìm hiểu nội dung bài mới, học bài cũ.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Khởi động

- Mục tiêu: Đặt HS vào tình huống thực tiễn chứa đựng vấn đề cần giải quyết.
- Nội dung: GV chiếu tình huống SGK, yêu cầu HS đọc đưa ra giải pháp giúp tìm kiếm khách hàng dễ dàng hơn.
- Sản phẩm: Hs đưa ra các cách giải quyết và giải thích từng cách giải quyết đó.
- Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- + GV chiếu tình huống SGK và yêu cầu một HS đọc.
- + GV yêu cầu hs suy nghĩ và tìm ra cách giải quyết cho tình huống trên
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs đọc tình huống, suy nghĩ và trả lời
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. (Mọi tình huống của hs đều được ghi nhận)
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 2.1: Thuật toán Tìm kiếm nhị phân

- Mục tiêu:
 - HS hiểu hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân
 - HS mô phỏng được thuật toán tìm kiếm nhị phân qua sơ đồ khối, bảng với dữ liệu đầu kích thước nhỏ.
- Nội dung: Gv chia nhóm, yêu cầu các nhóm đọc nội dung phần hoạt động đọc và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập 1, 2.

c) Sản phẩm: Kết quả trả lời trong phiếu học tập 1, 2.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ 1 :**

- GV phân nhóm hs, phát phiếu học tập.

- Gv yêu cầu các nhóm đọc phân hoạt động đọc và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Nhóm:
Câu 1: Giải pháp của An là gì?
.....
.....
.....
.....
Câu 2: Hoạt động được lặp lại trong giải pháp tìm kiếm của An là gì?
.....
.....
.....

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trao đổi và thảo luận để trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS, chốt lại kiến thức

*** Chuyển giao nhiệm vụ 2 :**

- Gv chiếu minh họa các bước để An tìm khách hàng tên “Trúc” trong danh sách ở Hình 15.1 theo thuật toán tìm kiếm nhị phân

Bước 1. Xét vị trí ở giữa của dãy, đó là vị trí số 5

Vị trí ở giữa

1	2	3	4	5	6	7	8	9
An	Bình	Hoà	Liên	Mai	Phương	Trang	Trúc	Tước

So sánh “Trúc” và “Mai”.
Vì “T” **đứng sau** “M” trong bảng chữ cái nên bỏ đi nửa đầu danh sách.

Bước 2. Xét vị trí ở giữa của nửa sau của dãy là vị trí số 7

Vị trí ở giữa

1	2	3	4	5	6	7	8	9
An	Bình	Hoà	Liên	Mai	Phương	Trang	Trúc	Tước

So sánh “Trúc” và “Trang”.
Vì “Tru” **đứng sau** “Tra” trong bảng chữ cái nên bỏ đi nửa đầu danh sách.

Bước 3. Xét vị trí ở giữa của nửa sau còn lại của dãy, đó là vị trí số 8

Vị trí ở giữa

1	2	3	4	5	6	7	8	9
An	Bình	Hoà	Liên	Mai	Phương	Trang	Trúc	Tước

So sánh “Trúc” và “Trúc”.
Vì **hai giá trị bằng nhau** nên thuật toán kết thúc.

Vì sau bước 3 đã tìm thấy tên khách hàng nên thuật toán kết thúc.

- GV yêu cầu hs quan sát, suy nghĩ và trả lời 2 câu hỏi trong hoạt động 1

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trao đổi và thảo luận để trả lời 2 câu hỏi theo nhóm đôi.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS, chốt lại kiến thức

Trả lời:

Câu 1: Thuật toán tìm kiếm tuần tự phải thực hiện 8 bước để tìm khách hàng tên “Trúc” trong danh sách ở H15.2, trong khi thuật toán tìm kiếm nhị phân chỉ thực hiện 4 bước. Như vậy thuật toán tìm kiếm nhị phân nhanh hơn.

Câu 2: Trước khi thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân, danh sách tên khách hàng cần được sắp xếp. Nếu không được sắp xếp, thuật toán tìm kiếm nhị phân không thể thu hẹp phạm vi tìm kiếm vì giá trị cần tìm có thể ở vị trí bất kì trong danh sách.

*** Chuyển giao nhiệm vụ 3 :**

- Gv yêu cầu các nhóm đọc mô tả thuật toán và trả lời các câu hỏi sau:

- Câu 1: Vị trí giữa của vùng tìm kiếm được xác định như thế nào?
- Câu 2: Điều kiện dừng việc tìm kiếm là gì?
- Câu 3: Em hãy vẽ sơ đồ khối mô tả lại bước 4 của thuật toán tìm kiếm nhị phân

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trao đổi và thảo luận để trả lời câu hỏi vào bảng dưới

Câu 1: Điền các bước thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự vào bảng sau để tìm ra địa chỉ của khách hàng có họ tên là “Thanh Trúc”.

Lần lặp	Tên khách hàng	Có đúng khách hàng cần tìm không?	Có đúng là đã hết danh sách không?
1	Nguyễn An	Sai	Sai
...			
...			
...			

Câu 2: Số lần lặp của bài toán trên là bao nhiêu?

.....

.....

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của nhóm HS, chốt lại kiến thức

*** Chuyển giao nhiệm vụ 4 :**

- GV chiếu nội dung câu hỏi: Em hãy viết các bước thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm khách hàng tên “Hòa” trong danh sách.
- Gv yêu cầu Hs mô tả các bước tìm khách hàng tên “Hòa” trong danh sách ở Hình 15.1
- * Đối với hs khuyết tật:** Nêu các bước thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm tên khách hàng Liên.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và lập các bước mô tả vào vở.
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS lên bảng trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức
- Bc1: Xét vị trí ở giữa dãy đó là vị trí số 5

An	Bình	Hòa	Liên	Mai	Phương	Trang	Trúc	Tước
----	------	-----	------	-----	--------	-------	------	------

So sánh “Mai với Hòa”

Vì “H đứng trước M” trong bảng chữ cái nên bỏ đi nửa sau danh sách

- Bc2: Xét vị trí ở giữa của nửa trước của dãy là vị trí số 3

An	Bình	Hòa	Liên	Mai	Phương	Trang	Trúc	Tước
----	------	-----	------	-----	--------	-------	------	------

So sánh “Hòa” với “Hòa” vì 2 giá trị bằng nhau nên thuật toán kết thúc

Hoạt động 2.2: Sắp xếp và tìm kiếm

a) Mục tiêu:

- Hiểu mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm.
- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.

b) Nội dung: GV yêu cầu hs nghiên cứu sgk phần hoạt động đọc, tổ chức trò chơi tìm số.

c) Sản phẩm: Tất cả hs được thực hành thuật toán tìm kiếm nhị phân trên bộ dữ liệu

d) Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ 1:

+ GV yêu cầu hs đọc sgk mục hoạt động đọc và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 3

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trong nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức

Ghi nhớ: Sắp xếp giúp bài toán thu hẹp về kích thước..

* Chuyển giao nhiệm vụ 2:

+ GV chiếu yêu cầu hoạt động 2: trò chơi tìm số

+ GV yêu cầu mỗi cặp HS sắp xếp 10 thẻ số theo thứ tự tăng dần.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs làm việc theo nhóm đôi để hoàn thành yêu cầu.

+ Gv quan sát để nắm bắt được tình hình tiếp thu kiến thức của HS để có điều chỉnh kịp thời.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi 1 hoặc 2 cặp HS thực hiện minh họa và tổ chức nhận xét

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.

Ghi nhớ: Sắp xếp giúp cho việc tìm kiếm được thực hiện nhanh hơn.

Lần lặp	Tên khách hàng	Có đúng khách hàng cần tìm không?	Có đúng là đã hết danh sách không?
1	Nguyễn An	Sai	Sai
2	Trần Bình	Sai	Sai
3	Hoàng Mai	Sai	Sai
4	Thanh Trúc	Đúng	Sai

Số lần lặp là 4 lần.

*** Chuyển giao nhiệm vụ 3:** GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi.

Câu hỏi: Em hãy nêu ví dụ trong thực tế cho thấy mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs suy nghĩ và trả lời.

- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt lại kiến thức.

Đáp án: sắp xếp sách trong thư viện giúp tìm kiếm dễ dàng, sắp xếp shangf hóa trong siêu thị,....

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về thuật toán tìm kiếm nhị phân để mô phỏng lại các bước tìm kiếm.

b. Nội dung: GV chiếu nội dung bài tập phần luyện tập, Hs suy nghĩ và làm bài cá nhân vào vở.

c. Sản phẩm: Bảng mô phỏng các bước tìm kiếm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chiếu nội dung bài luyện tập:

Bài 1. Cho danh sách tên các nước sau: Albania, Canada, Bolivia, Vietnam, Portugal, Germany, Iceland, Greenland.

a. Em hãy sắp xếp danh sách tên các nước theo thứ tự trong bảng chữ cái.

b. Em hãy liệt kê các bước tìm kiếm tên nước Bolivia trong danh sách đã sắp xếp theo thuật toán tìm kiếm nhị phân.

c. Em hãy so sánh số bước thực hiện tìm kiếm ở phần b với số bước thực hiện tìm kiếm ở câu 2 phần luyện tập bài 14.

Bài 2. Em hãy cho ví dụ một bài toán tìm kiếm trong thực tế mà có thể thực hiện bằng thuật toán tìm kiếm nhị phân? Hãy thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để giải quyết bài toán đó.

+ Gv yêu cầu hs suy nghĩ và trả lời cá nhân vào vở 2 câu hỏi.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.

+ Gv hướng dẫn, quan sát trong quá trình học sinh làm bài

- Báo cáo, thảo luận: Hs làm bài cá nhân vào vở.

- Kết luận, nhận định: Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi làm bảng mô phỏng.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về tìm kiếm nhị phân để thực hiện tìm kiếm theo yêu cầu

b. Nội dung: Hs làm bài cá nhân. GV yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi vào vở

c. Sản phẩm: Câu trả lời trong vở của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv nêu yêu cầu

+ Đọc câu hỏi phần vận dụng

+ Hs đọc và suy nghĩ tìm câu trả lời

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs lắng nghe và thực hiện cá nhân

+ Gv quan sát và hướng dẫn trong quá trình HS làm bài

- Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, nhận xét bài và chốt lại kiến thức.

Tuần: 31 (Tuần 32 KHGD)

Tiết: 31

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Tạo bài trình chiếu
- Định dạng đối tượng trên trang chiếu
- Thuật toán tìm kiếm tuần tự
- Thuật toán tìm kiếm nhị phân

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 11 đến bài 15

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
- Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.
- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.
- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lí
- Biết sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm hình ảnh cho bài trình chiếu.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, Ti vi, slide trình chiếu.

2. **Học liệu:**

Giáo viên: Kế hoạch bài dạy, câu hỏi ôn tập.

Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung ôn tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS hệ thống kiến thức từ bài 11 đến bài 15

b. Nội dung: Nghiên cứu nội dung bài cũ. Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Học sinh trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chiếu câu hỏi cho HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Câu 1. Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm tuần tự không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

- A. Tiếp tục tìm kiếm và không kết thúc. B. Thông báo “Tìm thấy”.
C. Thông báo “Không tìm thấy” và kết thúc. D. Thông báo “Tìm thấy” và kết thúc.

Câu 2. Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 10 trong danh sách [2, 6, 8, 4, 10, 12], đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “Không tìm thấy”.
B. Thông báo “Tìm thấy”.
C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 5 của danh sách.
D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 6 của danh sách.

Câu 3. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để thông báo không tìm thấy số 14 trong danh sách [2, 5, 9, 13, 17, 24]?

- A. 6. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 4. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy tên Minh trong danh sách: [Hà; Lan; Linh; Minh; Phú; Vỹ]?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 5. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 12 trong danh sách [3, 15, 27, 12, 31, 18]?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 6. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy tên “Phú” trong danh sách: [Hà; Lan; Linh; Minh; Phú; Vỹ]?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7. Nửa trước và nửa sau trong thuật toán tìm kiếm nhị phân không bao gồm phần tử nào?

- A. Giữa. B. Đầu tiên. C. Cuối cùng. D. Đầu và cuối.

Câu 8. Trong thuật toán tìm kiếm nhị phân khi so sánh kí tự thì kí tự đứng trước trong bảng chữ cái là kí tự?

- A. Lớn hơn. B. Nhỏ hơn. C. Bằng nhau. D. Nhỏ hơn hoặc bằng

Câu 9. Mô tả thuật toán tìm kiếm nhị phân bằng ngôn ngữ tự nhiên gồm bao nhiêu bước?

- A. 3 bước. B. 4 bước. C. 5 bước. D. 6 bước.

Câu 10. Điều kiện để thực hiện được thuật toán tìm kiếm nhị phân là gì?

- A. Danh sách phải là các số.
B. Số lượng trong danh sách phải là số lẻ.
C. Số lượng trong danh sách phải là số chẵn.
D. Sắp xếp danh sách theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe, quan sát, các HS trả lời và bổ sung.

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả.

- **Kết luận, nhận định:**

+ GV quan sát, phân tích, đánh giá kết quả.

+ GV liên hệ kết quả đạt được dẫn dắt vào nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2: Luyện tập

a. Mục tiêu: Giúp học sinh ôn tập lại các: định dạng, chèn hình ảnh, tạo hiệu ứng cho đối tượng, ... cho bài trình chiếu

b. Nội dung: Hướng dẫn trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Các câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** GV trình chiếu “trò chơi Du lịch cùng Doraemon” gồm các câu hỏi và yêu cầu HS trả lời



Câu 1. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 28 trong danh sách [2, 3, 7, 11, 28, 30]?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 7 trong danh sách [1, 4, 8, 7, 10, 28]?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 3. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy “Mai” trong danh sách [Hoa", "Lan", "Ly", "Mai", "Phong", "Vi"]?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 4. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy “Linh” trong danh sách [Anh", "Linh", "Ly", "Minh", "Phong", "Trí"]?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 5. Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 9 trong danh sách [1, 4 ,6, 7, 9, 12]. Đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “Không tìm thấy”.
B. Thông báo “Tìm thấy”.
C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 4 của danh sách.
D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.

Câu 6. Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 7 trong danh sách [1, 4 ,6, 7, 9, 12]. Đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “Không tìm thấy”.
B. Thông báo “Tìm thấy”.
C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 4 của danh sách.

D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.

Câu 7. Hãy điền vào các ô còn trống để thể hiện các bước tìm kiếm nhị phân.

Tìm kiếm "**Mai**" trong danh sách ["Hoa", "Lan", "Ly", "Mai", "Phong", "Vi"]

Câu 8. Hãy điền vào các ô còn trống để thể hiện các bước tìm kiếm nhị phân.

Tìm kiếm "**Linh**" trong danh sách ["Anh", "Linh", "Ly", "Minh", "Phong", "Trí"]

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn câu hỏi, suy nghĩ trả lời. GV giải thích thêm những câu hỏi khó.

- **Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi lần lượt các HS đứng tại chỗ trả lời

+ HS khác nhận xét, đánh giá và rút ra vấn đề.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. **Mục tiêu:** HS thực hiện bài tập tìm kiếm nhị phân và sắp xếp

b. **Nội dung:** Học sinh nắm được các bước tìm kiếm.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của các nhóm

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giáo viên giao nhiệm vụ học tập:** Học sinh thực hiện bài tập trên vở.

Câu 1. Sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân để liệt kê các bước lặp tìm kiếm tên "**Đạt**" trong danh sách ["Bảo", "Đạt", "Linh", "Ngân", "Phong"]

Câu 2. Hãy liệt kê các bước lặp của thuật toán sắp xếp nổi bọt để sắp xếp các số: 5, 3, 2, 4, 1 theo thứ tự tăng dần.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện vào vở

- **Báo cáo, thảo luận:**

Đại diện nhóm trình bày vấn đề xử lý tình huống. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá bổ sung và rút ra nội dung bài học.

- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá và kết luận vấn đề.

Tuần: 32 (Tuần 33 KHGD)

Tiết: 32

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

TÊN BÀI DẠY: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Tin học lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Ôn tập các kiến thức về:

- Củng cố và kiểm tra kiến thức có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi từ bài 11 đến bài 15

Đối với HS Phan Thanh Duy:

- Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra (5 điểm)

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực chung của học sinh như sau:

- **Năng lực tự chủ, tự học:** Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi từ bài 11 đến bài 15

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Học sinh đưa ra được thêm các ví dụ.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Học sinh thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời và ví dụ

2.2. Năng lực Tin học

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố năng lực Tin học của học sinh như sau:

NLa: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông

- Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.

- Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.

NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông

- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.

- Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.

- Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.

- Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu.

- Biết sử dụng các định dạng cho văn bản, ảnh minh họa một cách hợp lí

- Biết sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự, tìm kiếm nhị phân.

NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học

- Sử dụng môi trường mạng máy tính để tìm kiếm hình ảnh cho bài trình chiếu.

NLe: Hợp tác trong môi trường số

- Hợp tác trong môi trường số

3. Về phẩm chất:

Thực hiện bài học này sẽ góp phần hình thành và phát triển một số thành tố Phẩm chất của học sinh như sau:

Nhân ái: Thể hiện sự cảm thông và sẵn sàng giúp đỡ bạn trong quá trình thảo luận nhóm.

Trung thực: Truyền đạt các thông tin chính xác, khách quan.

Kỷ luật: Tuân thủ các quy tắc khi tham gia mạng lưới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Thiết bị dạy học: Đề kiểm tra.

2. Học liệu:

Giáo viên: Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra cuối kỳ II, đáp án, biểu điểm cụ thể.

Học sinh: Kiến thức, đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH KIỂM TRA:

- Hình thức: TNKQ + Tự luận.

- Học sinh làm bài trên giấy.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN LỚP 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản	4 2đ	1 2đ	6 3đ			1 2đ		1 1đ	10 điểm 100%
Tổng số câu			4	1	6			1		1	13
Tổng số điểm			4		3		2		1		100%
Tỉ lệ chung			40%		30%		20%		10%		100%

* Đối với HS khuyết tật: Thực hiện được yêu cầu nhận biết của đề kiểm tra

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN TIN HỌC 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Chủ đề 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản	Nhận biết - Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn. - Nêu được một vài thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản, bằng các bước thủ công (không cần dùng máy tính). Thông hiểu - Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản, bằng các bước thủ công (không cần dùng máy tính). - Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa. Vận dụng - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của các thuật toán cơ bản tìm kiếm trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. Vận dụng cao - Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của các thuật toán cơ bản sắp	4 TN (C1,2,6,9) 2đ 1TL (C11) 2đ	6 TN (C3,4,5,7,8,10) 3đ	1TL (C12) 2đ	1TL (C13) 1đ
---	---	---	--	--	--	-----------------------------	-----------------------------

			xếp trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.				
Tổng câu				4 TN 1TL	6 TN	1 TL	1 TL
Tổng số điểm				4	3	2	1
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%

Họ và tên:..... Lớp: MÃ ĐỀ A	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	<u>Điểm</u>
--	---	--------------------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên đề thi)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau:

Câu 1. Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm tuần tự không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

- A. Tiếp tục tìm kiếm và không kết thúc. B. Thông báo “ Tìm thấy”.
C. Thông báo “ Không tìm thấy” và kết thúc. D. Thông báo “ Tìm thấy” và kết thúc.

Câu 2. Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 10 trong danh sách [2, 6, 8, 4, 10, 12], đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “ Không tìm thấy”.
B. Thông báo “Tìm thấy”.
C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 5 của danh sách.
D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 6 của danh sách.

Câu 3. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để thông báo tìm thấy số 17 trong danh sách [2, 5, 9, 13, 17, 24, 36]?

- A. 6. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 4. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy tên “Phú” trong danh sách: [Hà; Lan; Linh; Minh; Phú; Vỹ]?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 5. Trong thuật toán tìm kiếm nhị phân khi so sánh kí tự thì kí tự đứng trước trong bảng chữ cái là kí tự?

- A. Lớn hơn. B. Nhỏ hơn. C. Bằng nhau. D. Nhỏ hơn hoặc bằng

Câu 6. Mô tả thuật toán tìm kiếm nhị phân bằng ngôn ngữ tự nhiên gồm bao nhiêu bước?

- A. 3 bước. B. 4 bước. C. 5 bước. D. 6 bước.

Câu 7. Điều kiện để thực hiện được thuật toán tìm kiếm nhị phân là gì?

- A. Danh sách phải là các số.

- B. Số lượng trong danh sách phải là số lẻ.
- C. Số lượng trong danh sách phải là số chẵn.
- D. Sắp xếp danh sách theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Câu 8. Chọn câu diễn đạt đúng khi nói về thuật toán tìm kiếm nhị phân?

- A. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
- B. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
- C. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
- D. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

Câu 9. Hoán đổi vị trí hai phần tử liên tiếp khi chúng không đúng thứ tự là cách sắp xếp của thuật toán nào?

- A. Nổi bọt.
- B. Tuần tự.
- C. Nhị phân.
- D. Tuần tự và nhị phân.

Câu 10. Nếu sử dụng thuật toán sắp xếp nổi bọt từ cuối lên đầu để sắp xếp dãy số 8; 22; 7; 19; 5 theo thứ tự tăng dần thì số lần thực hiện thao tác hoán đổi vị trí trong vòng lặp thứ nhất là?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11. (2đ) Hãy nêu các bước mô tả thuật toán tìm kiếm tuần tự bằng ngôn ngữ tự nhiên.

Câu 12. (2đ) Sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân để liệt kê các bước lặp tìm kiếm tên "Nhi" trong danh sách ["Hân", "Lan", "My", "Nhi", "Phong", "Vân"].

Câu 13. (1đ) Hãy liệt kê các bước lặp của thuật toán sắp xếp nổi bọt để sắp xếp các số: 3, 2, 4, 1, 5 theo thứ tự tăng dần.

BÀI LÀM

.....

.....

.....

.....

.....

.....

[illegible]

Họ và tên:..... Lớp:	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Tin học, lớp 7 Thời gian : 45 phút (Không kể thời gian giao đề)	Điểm
-------------------------------	---	------

(* Lưu ý: Học sinh làm bài trên đề thi)

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Chọn một phương án trả lời đúng của mỗi câu sau:

Câu 1. Điều gì xảy ra khi thuật toán tìm kiếm nhị phân không tìm thấy giá trị cần tìm trong danh sách?

- A. Tiếp tục tìm kiếm và không bao giờ kết thúc.
- B. Thông báo “không tìm thấy” và kết thúc.
- C. Thông báo “tìm thấy” và kết thúc.
- D. Thông báo “Tìm thấy” và tìm tiếp xem còn phần tử nào khác nữa không.

Câu 2. Thực hiện thuật toán tìm kiếm tuần tự để tìm số 11 trong danh sách [3, 6, 10, 2, 7, 11, 15], đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “Không tìm thấy”.
- B. Thông báo “Tìm thấy”.
- C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 5 của danh sách.
- D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí số 6 của danh sách.

Câu 3. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 12 trong danh sách [3, 15, 27, 12, 31, 18]?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 4. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy tên “Minh” trong danh sách: [Hà; Lan; Linh; Minh; Phú; Vỹ]?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 5. Nửa trước và nửa sau trong thuật toán tìm kiếm nhị phân không bao gồm phần tử nào?

- A. Giữa.
- B. Đầu tiên.
- C. Cuối cùng.
- D. Đầu và cuối.

Câu 6. Mô tả thuật toán tìm kiếm tuần tự bằng ngôn ngữ tự nhiên gồm bao nhiêu bước?

- A. 2 bước.
- B. 3 bước.
- C. 4 bước.
- D. 5 bước.

Câu 7. Các nhiệm vụ của việc sắp xếp gồm?

- A. So sánh. B. Đổi chỗ. C. Đổi chỗ và xóa. D. So sánh và đổi chỗ.

Câu 8. Chọn câu diễn đạt đúng khi nói về thuật toán tìm kiếm nhị phân?

- A. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
B. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ đầu danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
C. Tìm trên danh sách đã sắp xếp, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.
D. Tìm trên danh sách bất kì, bắt đầu từ giữa danh sách, chừng nào chưa tìm thấy hoặc chưa tìm hết thì còn tìm tiếp.

Câu 9. Hoán đổi vị trí hai phần tử liên tiếp khi chúng không đúng thứ tự là cách sắp xếp của thuật toán nào?

- A. Tuần tự. B. Nổi bọt. C. Nhị phân. D. Tuần tự và nhị phân.

Câu 10. Dùng thuật toán sắp xếp nổi bọt để sắp xếp 1 dãy số tăng dần mỗi vòng lặp sẽ duyệt các phần tử từ cuối danh sách đến đầu danh sách. Kết thúc vòng lặp thứ nhất phần tử đầu tiên sẽ có giá trị?

- A. Nhỏ nhất trong dãy số. B. Lớn nhất trong dãy số.
C. Bằng giá trị của phần tử liền trước. D. Không thay đổi.

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11. (2đ) Thuật toán tìm kiếm nhị phân là gì?

Câu 12. (2đ) Sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân để liệt kê các bước lặp tìm kiếm tên "**Đạt**" trong danh sách ["Bảo", "Đạt", "Linh", "Ngân", "Phong"]

Câu 13. (1đ) Hãy liệt kê các bước lặp của thuật toán sắp xếp nổi bọt để sắp xếp các số: 5, 3, 2, 4, 1 theo thứ tự tăng dần.

BÀI LÀM

.....

.....

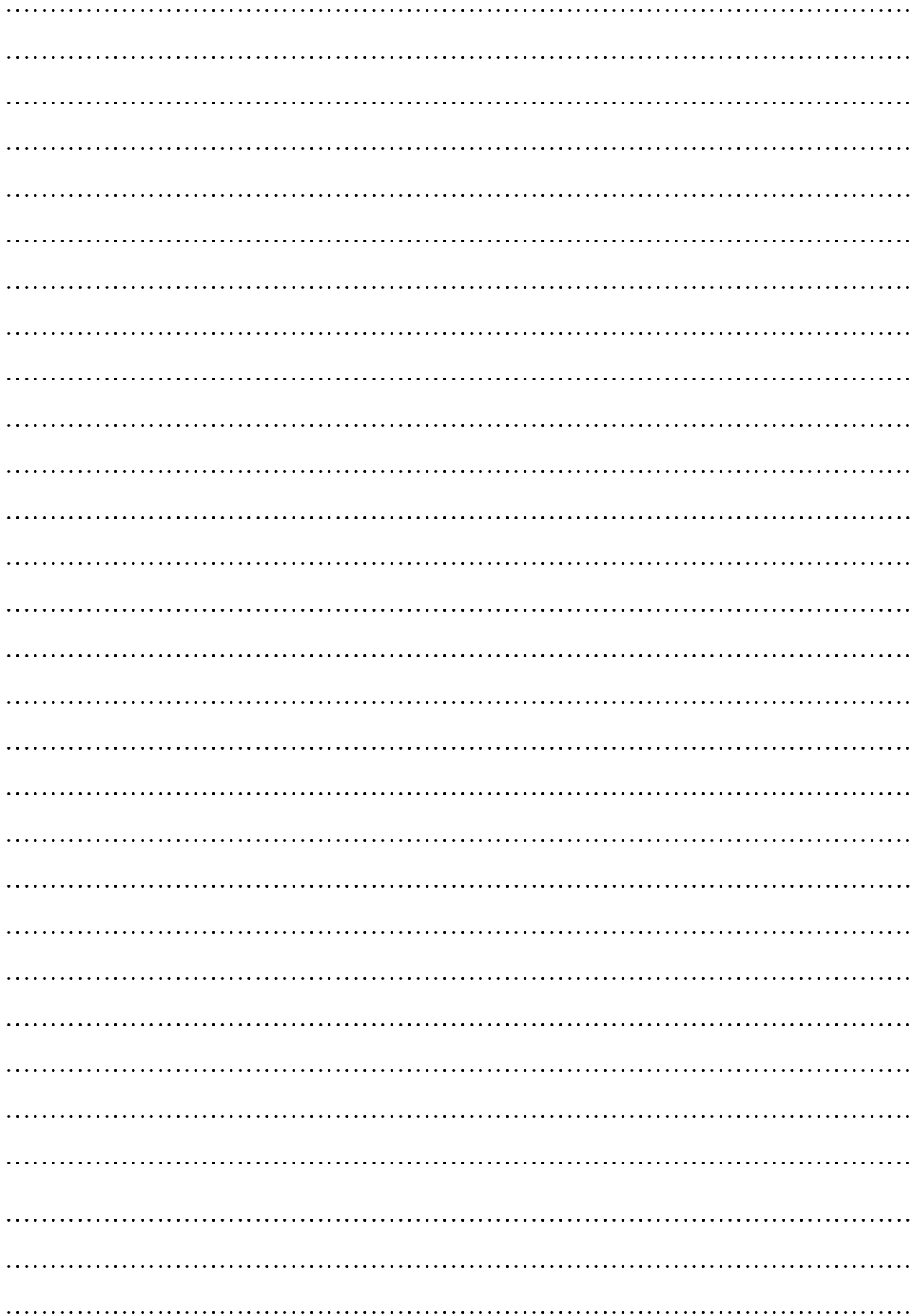
.....

.....

.....

.....

.....



Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM : (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	C	D	A	B	C	D	A	A	C

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	* Các bước mô tả thuật toán tìm kiếm tuần tự bằng ngôn ngữ tự nhiên: Bước 1: Xét vị trí đầu tiên của danh sách. Bước 2: Nếu giá trị của phần tử ở vị trí đang xét bằng giá trị cần tìm thì chuyển sang bước 4, nếu không thì chuyển đến vị trí tiếp theo Bước 3: Kiểm tra đã hết danh sách chưa. Nếu đã hết danh sách thì chuyển sang bước 5, nếu chưa thì lặp lại từ bước 2. Bước 4: Trả lời “tìm thấy” và chỉ ra vị trí phần tử tìm được; Kết thúc. Bước 5: Trả lời “không tìm thấy”; Kết thúc.	0,25 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,25 đ
12 (2đ)	Bước 1: Xét vị trí ở giữa của dãy, đó là vị trí số 3 So sánh “Nhi” và “My” vì M đứng sau N trong bảng chữ cái nên bỏ đi nửa đầu danh sách. Bước 2: Xét vị trí ở giữa của nửa sau của dãy là vị trí số 5 So sánh “Nhi” và “Phong” vì N đứng trước P trong bảng chữ cái nên bỏ đi nửa sau danh sách.	0,25 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,5 đ

	Bước 3: Xét vị trí ở nửa trước còn lại là vị trí số 4	0,25
	So sánh “Nhi” và “Nhi” Vì hai giá trị bằng nhau nên thuật toán kết thúc.	0,25
13	32145 → 31245	0,5 đ
(1đ)	13245 → 12345	0,5 đ

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN TIN HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) mỗi câu trả lời đúng 0.5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	C	B	A	D	D	C	B	A

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Đáp án, hướng dẫn chấm	Điểm
11 (2đ)	* Thuật toán tìm kiếm nhị phân là: - Thực hiện trên danh sách đã được sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn. bắt đầu từ vị trí ở giữa danh sách. - Tại mỗi bước lặp, so sánh giá trị cần tìm với giá trị của vị trí giữa danh sách, nếu bằng thì dừng lại, nếu nhỏ hơn thì tìm trong nửa trước của danh sách, nếu lớn hơn thì tìm trong nửa sau của danh sách. - Chừng nào chưa tìm thấy và vùng tìm kiếm còn phần tử thì còn tìm tiếp.	0,5 đ 1 đ 0,5 đ

12 (2đ)	Bước 1: Xét vị trí ở giữa của dãy, đó là vị trí số 3	0,25 đ
	So sánh “Đạt” và “Linh” vì Đ đứng trước L trong bảng chữ cái nên bỏ đi nữa sau danh sách.	0,5 đ
	Bước 2: Xét vị trí ở giữa của nửa trước của dãy là vị trí số 1	0,25 đ
	So sánh “Đạt” và “Bảo” vì Đ đứng sau B trong bảng chữ cái nên bỏ đi nữa đầu danh sách.	0,5 đ
	Bước 3: Xét vị trí ở nửa trước còn lại là vị trí số 2	0,25
	So sánh “Đạt” và “Đạt” Vì hai giá trị bằng nhau nên thuật toán kết thúc	0,25
13	53214 → 53124 → 51324 → 15324	0,5 đ
(1đ)	15234 → 12534 → 12354 → 12345	0,5 đ

Tuần: 32

Tiết: 32 (Tiết 30 KHGD)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 15 – THUẬT TOÁN TÌM KIẾM NHỊ PHÂN

Tin học Lớp 7

Thời gian thực hiện: tiết 2

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân.
- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
- Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS có khả năng tự đọc SGK, kết hợp với gợi ý và dẫn dắt của GV để trả lời các câu hỏi.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS đưa ra thêm một số ví dụ về các tìm kiếm nhị phân và sắp xếp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS có khả năng hoạt động nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực Tin học

NLc: Giải quyết vấn đề

- Nhận biết các hoạt động sử dụng tìm kiếm nhị phân.
- Viết được thuật toán dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
- Lập được bảng mô phỏng thuật toán.
- Tư duy phân tích.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.
- Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá.

- Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- GV: SGK, kế hoạch DH, phiếu học tập, bài giảng điện tử.
- HS: Sách giáo khoa, bảng nhóm, tìm hiểu nội dung bài mới, học bài cũ.

III. Tiến trình dạy học

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về thuật toán tìm kiếm nhị phân để mô phỏng lại các bước tìm kiếm.

b. Nội dung: GV chiếu nội dung bài tập phần luyện tập, Hs suy nghĩ và làm bài cá nhân vào vở.

c. Sản phẩm: Bảng mô phỏng các bước tìm kiếm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chiếu nội dung bài luyện tập:

Bài 1. Cho danh sách tên các nước sau: Albania, Canada, Bolivia, Vietnam, Portugal, Germany, Iceland, Greenland.

a. Em hãy sắp xếp danh sách tên các nước theo thứ tự trong bảng chữ cái.

b. Em hãy liệt kê các bước tìm kiếm tên nước Bolivia trong danh sách đã sắp xếp theo thuật toán tìm kiếm nhị phân.

c. Em hãy so sánh số bước thực hiện tìm kiếm ở phần b với số bước thực hiện tìm kiếm ở câu 2 phần luyện tập bài 14.

Bài 2. Em hãy cho ví dụ một bài toán tìm kiếm trong thực tế mà có thể thực hiện bằng thuật toán tìm kiếm nhị phân? Hãy thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để giải quyết bài toán đó.

+ Gv yêu cầu hs suy nghĩ và trả lời cá nhân vào vở 2 câu hỏi.

- Thực hiện nhiệm vụ:

+ Hs lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.

+ Gv hướng dẫn, quan sát trong quá trình học sinh làm bài

- **Báo cáo, thảo luận:** Hs làm bài cá nhân vào vở.

- **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý, các lỗi HS hay mắc phải khi làm bảng mô phỏng.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về tìm kiếm nhị phân để thực hiện tìm kiếm theo yêu cầu
- b. Nội dung: Hs làm bài cá nhân. GV yêu cầu học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi vào vở
- c. Sản phẩm: Câu trả lời trong vở của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv nêu yêu cầu

- + Đọc câu hỏi phân vận dụng
- + Hs đọc và suy nghĩ tìm câu trả lời

- Thực hiện nhiệm vụ:

- + Hs lắng nghe và thực hiện cá nhân
- + Gv quan sát và hướng dẫn trong quá trình HS làm bài

- Báo cáo, thảo luận: GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, nhận xét bài và chốt lại kiến thức.

Tuần: 33

Tiết: 33, 34 (Tiết 31, 34 KHGD)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

BÀI 16. THUẬT TOÁN SẮP XẾP

Tin học Lớp 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

III. MỤC TIÊU

7. Kiến thức:

- Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản.
- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.
- Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.

*** Đối với HSKT:** Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.

8. Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.

2.2. Năng lực Tin học

- Bước đầu hình thành quan niệm về giá trị của thông tin trong việc tổ chức dữ liệu có trật tự (NLC)
- Hình thành tư duy mô hình hóa trong việc tổ chức và tìm kiếm dữ liệu với sự trợ giúp của máy tính. (NLe)

9. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, phẩm chất vượt qua những khó khăn trong học tập và lao động.

IV. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, các đồ dùng dạy học cần thiết. Phiếu học tập.
- Giấy A4 (hoặc giấy bìa màu), bút dạ để ghi các con số giúp HS ngồi dưới lớp nhìn được một cách rõ ràng.
- Giáo viên cần chuẩn bị một số trang chiếu mô phỏng một số thuật toán sắp xếp đơn giản (nổi bọt, chọn, chèn). Các trang này được cung cấp trong quá trình tập huấn.
- Học sinh có thể được tổ chức học trong phòng máy tính, hoặc bố trí mỗi nhóm học sinh có một máy tính (hoặc điện thoại thông minh, hoặc máy tính bảng),...

Sắp xếp nổi bọt: <https://scratch.mit.edu/projects/560005894/fullscreen/>

Sắp xếp chọn: <https://scratch.mit.edu/projects/555746387/fullscreen/>

2. Học sinh

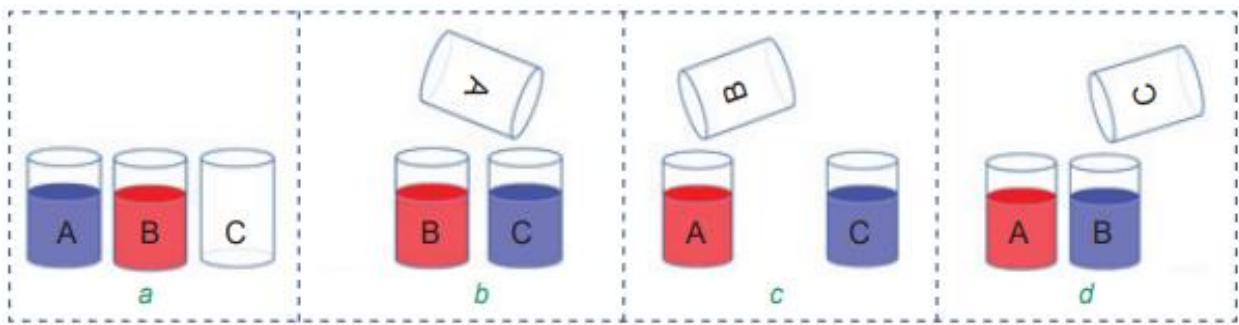
- Sách, vở, đồ dùng học tập.
- Học sinh được cung cấp địa chỉ truy cập ứng dụng mô phỏng thuật toán.

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Sử dụng minh họa trực quan trong thực tiễn để mô phỏng thao tác hoán đổi giá trị được lưu trữ trong hai vùng nhớ. Đây là thao tác cơ bản, HS cần hiểu được trước khi tìm hiểu thuật toán sắp xếp.

b. Nội dung: HS biết trình tự hoán đổi giá trị được lưu trữ trong hai vùng nhớ.



Hình 16.1. Hoán đổi

c. Sản phẩm: Mô tả bằng lời quy trình theo bước để hoán đổi chất lỏng ở hai cốc A, B.

d. Tổ chức thực hiện

– **Chuyển giao nhiệm vụ:**

Đầu vào: Cốc A chứa chất lỏng màu XANH; cốc B chứa chất lỏng màu ĐỎ.

Đầu ra: Cốc A chứa chất lỏng màu ĐỎ; cốc B chứa chất lỏng màu XANH.

HS được yêu cầu mô tả (bằng lời) quy trình theo các bước thực hiện hoán đổi chất lỏng ở hai cốc A, B.

– **Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát hình 16.1. trong 2 phút.

– **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời trước lớp, HS nhận xét, bổ sung.

– **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và khái quát hóa thành các bước hoán đổi giá trị hai biến: $C \leftarrow A$; $A \leftarrow B$; $B \leftarrow C$;

2. Hình thành kiến thức:

2.1. Hoạt động 1. Thuật toán sắp xếp Nổi bọt

a. Mục tiêu: HS biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp nổi bọt với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tìm hiểu phương pháp sắp xếp nổi bọt và tự thực hiện được trên bộ dữ liệu mẫu gồm 5 phần tử.

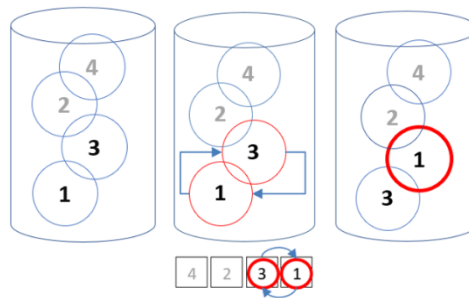
c. Sản phẩm: Câu trả lời được mô tả trong phiếu học tập. HS cần phải điền vào các ô trống, thể hiện quá trình sắp xếp một dãy số cho trước theo thuật toán nổi bọt.

d. Tổ chức thực hiện

– **Chuyển giao nhiệm vụ**

- Học sinh quan sát hình mô phỏng một số viên bọt trong cốc nước với mức độ nặng – nhẹ của chúng được ghi bằng một con số, và trả lời các câu hỏi:

Viên bọt nào ở đáy cốc? Nó nặng hơn hay nhẹ hơn viên bọt ngay trên nó? Khi nào hai viên bọt đổi chỗ cho nhau? Kết quả của việc đổi chỗ là gì?



- Học sinh quan sát mô phỏng thuật toán sắp xếp nổi bọt trên màn hình được GV trình bày trước lớp (có thể sử dụng hình vẽ, hình động hoặc mô phỏng). Mỗi lượt mô phỏng chiếm thời gian khoảng 30 giây, như vậy có thể mô phỏng ít nhất hai lần.
- Thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc theo nhóm.
 - Quan sát mô phỏng thuật toán sắp xếp nổi bọt trong hình 16.2–4. (SGK).
 - Quan sát mô phỏng thuật toán qua ứng dụng đã được cung cấp.
<https://scratch.mit.edu/projects/560005894/fullscreen/>
 - Hoàn chỉnh phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP 1																											
Nhóm:.....																											
Hãy điền vào các ô còn trống để thể hiện quá trình sắp xếp một dãy số theo																											
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> </tr> </table>					3	5	4	1	2	Đầu vào																	
3	5	4	1	2																							
<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center; padding: 5px;">Vòng lặp thứ nhất</td> <td style="width: 33%; text-align: center; padding: 5px;">Vòng lặp thứ hai</td> <td style="width: 33%; text-align: center; padding: 5px;">Vòng lặp thứ ba</td> </tr> <tr> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> </tr> <tr> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> <td style="border: 1px solid black; height: 20px;"></td> </tr> </table>										Vòng lặp thứ nhất	Vòng lặp thứ hai	Vòng lặp thứ ba															
Vòng lặp thứ nhất	Vòng lặp thứ hai	Vòng lặp thứ ba																									
					Vòng lặp thứ tư <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table>																						
					Đầu ra																						
					<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> </tr> </table>					1	2	3	4	5													
1	2	3	4	5																							
thứ tự tăng dần bằng thuật toán nổi bọt.																											

* Đối với HSKT: thực hiện sắp xếp một dãy số theo thứ tự tăng dần bằng thuật toán nổi bọt.

Đầu vào:

2	3	1
---	---	---

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bản mô tả của mình
- **Kết luận, nhận định:** Thuật toán sắp xếp nổi bọt có thể thực hiện theo cách duyệt từ đầu dãy (sắp xếp chìm dần – sinking sort) hoặc duyệt từ cuối dãy theo cách đặt tên thuật toán (nổi bọt – bubble sort).
 - Đánh giá: Với 10 dãy số cần điền (phiếu học tập 1), mỗi dãy cho 1 điểm.

2.2. Hoạt động 2: Mô tả giải thuật nổi bọt

- Mục tiêu. Giải thích được hoạt động của giải thuật sắp xếp nổi bọt.
- Nội dung: Mô tả giải thuật sắp xếp nổi bọt bằng ngôn ngữ tự nhiên.
- Sản phẩm: Mô tả bằng văn bản dưới dạng liệt kê các bước hoặc mô tả không hình thức của giải thuật sắp xếp nổi bọt.
- Tổ chức thực hiện:
 - **Chuyển giao nhiệm vụ.** Sau khi thực hiện sắp xếp được bằng giải thuật nổi bọt, HS hãy viết lại quy trình thực hiện thuật toán đó để người khác có thể thực hiện được với những bộ dữ liệu khác nhau.
 - **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh làm việc theo nhóm 2 hoặc 3 người.
 - **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bản mô tả của mình (hoặc nhóm mình).
 - **Kết luận, nhận định:** Chấp nhận những cách trình bày khác nhau nếu hợp lí.
 - Phân tích để đảm bảo bản mô tả đạt được các tiêu chí cơ bản của thuật toán: xác định, đơn nhất, hữu hạn, đúng đắn, hiểu được và tổng quát.
 - HS đọc mô tả giải thuật sắp xếp nổi bọt bằng ngôn ngữ tự nhiên trang 80.
 - GV chốt kiến thức (chiếu slide). HS ghi tóm tắt kiến thức vào vở.

*** Ghi nhớ:** Nổi bọt là thuật toán sắp xếp được thực hiện bằng cách hoán đổi nhiều lần các phần tử liền kề nếu giá trị của chúng không đúng thứ tự.

2.3. Hoạt động 3: củng cố kiến thức – Câu hỏi:

- Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.
- Nội dung:** GV chiếu Sơ đồ tư duy kiến thức, Trò chơi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời đúng khi chơi trò chơi → HS khắc sâu kiến thức.
- Tổ chức thực hiện:**

GV: Hệ thống kiến thức qua sơ đồ tư duy.

HS: Đọc và vẽ phác thảo sơ đồ tư duy kiến thức vào vở.

GV: Củng cố kiến thức qua trò chơi.

HS: Tham gia trả lời câu hỏi của trò chơi một cách vui vẻ, thích thú.

GV: Nhận xét, khen ngợi

Hướng dẫn về nhà.

 - Hoàn thiện sơ đồ tư duy kiến thức
 - Thực hiện mô phỏng thuật toán sắp xếp nổi bọt với:

- a) Dãy số 9, 7, 25, 4 để được dãy số tăng dần.
b) Dãy số 30, 5, 8, 22 để được dãy số tăng dần.

2.4. Hoạt động 4. Thuật toán Sắp xếp chọn

- a. Mục tiêu: HS biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp nổi bọt với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.
b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tìm hiểu phương pháp sắp xếp chọn và tự thực hiện được trên bộ dữ liệu mẫu gồm 5 phần tử.
c. Sản phẩm: Câu trả lời được mô tả trong phiếu học tập. HS cần phải điền vào các ô trống, thể hiện các bước thực hiện thuật toán sắp xếp chọn.
d. Tổ chức thực hiện

– Chuyển giao nhiệm vụ

- Học sinh quan sát mô phỏng thuật toán sắp xếp chọn trên màn hình được GV trình bày trước lớp (có thể sử dụng hình vẽ, hình động hoặc mô phỏng).

– Thực hiện nhiệm vụ. HS làm việc theo nhóm.

- Quan sát mô phỏng thuật toán sắp xếp chọn trong hình 16.5. (SGK).
- Quan sát mô phỏng thuật toán qua ứng dụng đã được cung cấp.
<https://scratch.mit.edu/projects/555746387/fullscreen/>
- Hoàn chỉnh phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP 2																			
Nhóm:....																			
Hãy điền vào các ô còn trống để thể hiện quá trình sắp xếp một dãy số theo thứ tự tăng dần bằng thuật toán chọn.																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px 10px;">41</td> <td style="padding: 2px 10px;">15</td> <td style="padding: 2px 10px;">17</td> <td style="padding: 2px 10px;">32</td> <td style="padding: 2px 10px;">18</td> </tr> </table>					41	15	17	32	18	Đầu vào									
41	15	17	32	18															
Vòng lặp thứ nhất <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table>					Vòng lặp thứ hai <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table>					Vòng lặp thứ ba <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table> Vòng lặp thứ tư <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; border-collapse: collapse;"></table>									
										Đầu ra									
										<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px 10px;">15</td> <td style="padding: 2px 10px;">17</td> <td style="padding: 2px 10px;">18</td> <td style="padding: 2px 10px;">32</td> <td style="padding: 2px 10px;">41</td> </tr> </table>					15	17	18	32	41
15	17	18	32	41															

* Đối với HSKT: thực hiện sắp xếp một dãy số theo thứ tự tăng dần bằng thuật toán nổi chọn.

Đầu vào:

2	3	1
---	---	---

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bản mô tả của nhóm.
- **Kết luận, nhận định:** Thuật toán sắp xếp chọn xét từng vị trí và đưa phần tử nhỏ nhất trong những phần tử phía sau vào vị trí đó.
 - Đánh giá: Với 10 dãy số cần điền (phiếu học tập 2), mỗi dãy cho 1 điểm.

2.5. Hoạt động 5: Mô tả giải thuật sắp xếp chọn

- Mục tiêu. Giải thích được hoạt động của giải thuật sắp xếp chọn.
- Nội dung: Mô tả giải thuật sắp xếp chọn bằng ngôn ngữ tự nhiên.
- Sản phẩm: Mô tả bằng văn bản dưới dạng liệt kê các bước hoặc mô tả không hình thức của giải thuật sắp xếp chọn.
- Tổ chức thực hiện
 - **Chuyển giao nhiệm vụ.** Sau khi thực hiện sắp xếp được bằng giải thuật chọn, HS hãy viết lại quy trình thực hiện thuật toán đó để người khác có thể thực hiện được với những bộ dữ liệu khác nhau.
 - **Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh làm việc theo nhóm 2 hoặc 3 người.
 - **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bản mô tả của mình (hoặc nhóm mình).
 - **Kết luận, nhận định:**
 - Chấp nhận những cách trình bày khác nhau nếu hợp lí.
 - Phân tích để đảm bảo bản mô tả đạt được các tiêu chí cơ bản của thuật toán: xác định, đơn nhất, hữu hạn, đúng đắn, hiểu được và tổng quát.
 - HS đọc mô tả giải thuật sắp xếp chọn bằng ngôn ngữ tự nhiên trang 81.
 - GV chốt kiến thức (chiếu slide). HS ghi tóm tắt kiến thức vào vở.

* **Ghi nhớ:** Thuật toán sắp xếp chọn xét từng vị trí, từ đầu đến cuối dãy, so sánh trực tiếp phần tử vị trí được xét với những phần tử phía sau nó và hoán đổi nếu chúng không đúng thứ tự.

5.6. Hoạt động 6: Chia nhỏ bài toán

- Mục tiêu. HS nhận ra được việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn giúp thuật toán dễ hiểu và dễ thực hiện hơn.
- Nội dung: Lấy ví dụ về công việc phức tạp được chia thành những việc nhỏ hơn, dễ thực hiện hơn. Qua đó, nhận ra được ưu điểm của phương pháp tư duy giải quyết vấn đề
- Sản phẩm: Kể ví dụ về một công việc phức tạp được việc chia thành những việc nhỏ hơn.
- Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ.**
 - GV nêu một ví dụ về một nhiệm vụ như sắp xếp lại một tủ sách. Có thể nhiệm vụ phức tạp khiến chúng ta không biết bắt đầu từ đâu. Khi đó, việc chia nhiệm vụ thành các phần nhỏ hơn để dễ giải quyết hơn. Chẳng hạn:
 - 1) Lấy tất cả các quyển sách ra khỏi tủ sách.
 - 2) Sắp xếp các quyển sách thành từng chồng theo chủ đề
 - 3) Chọn một chủ đề, sắp xếp các quyển sách theo thứ tự tên sách.
 - 4) Đặt các quyển sách của chủ đề, đã được sắp xếp vào tủ sách.
 - 5) Lặp lại hai bước ngay phía trên với các chủ đề chưa được chọn.
 - Yêu cầu HS tìm ví dụ khác (không nhất thiết là bài toán trong máy tính) và chia sẻ trước lớp.
- **Thực hiện nhiệm vụ:**
 - HS đọc hai ví dụ trong SGK trang 82.
 - HS tìm ví dụ của riêng mình.
- **Báo cáo, thảo luận:** Một số HS chia sẻ ví dụ của mình với cả lớp.
- **Kết luận, nhận định:** Việc chia một nhiệm vụ thành những việc nhỏ hơn giúp em dễ hình dung được phải làm những gì (việc nhỏ hơn) và làm chúng theo thứ tự nào.

*** Ghi nhớ:** Chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn giúp thuật toán dễ hiểu và dễ thực hiện hơn.

3. Hoạt động 7. Luyện tập

- a. Mục tiêu. Liệt kê được các bước của thuật toán nổi bật ở câu hỏi 1/82.
- b. Nội dung: giải quyết bài toán
- c. Sản phẩm: kết quả của hai bài toán
- d. Tổ chức thực hiện
 - **Chuyển giao nhiệm vụ.** Giáo viên cho HS đọc và tìm hiểu nội dung hai câu hỏi thảo luận nhóm và trả lời.
 - **Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.
 - **Báo cáo, thảo luận:** HS làm bài cá nhân vào vở
 - **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý.

4. Hoạt động 8: Vận dụng

- a. Mục tiêu. Vận dụng nội dung bài học để giải quyết nội dung phần vận dụng sgk trang 82
- b. Nội dung: giải quyết phần vận dụng sgk trang 82
- c. Sản phẩm: Kết quả sau khi sắp xếp
- d. Tổ chức thực hiện
 - **Chuyển giao nhiệm vụ.** Giáo viên cho HS đọc và tìm hiểu nội dung hai câu hỏi thảo luận nhóm và trả lời.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.
- **Báo cáo, thảo luận:** Hs làm bài cá nhân vào vở
- **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý.

Tuần: 34

Tiết: 35

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS Chu Văn An

Họ và tên giáo viên:

Tổ: Tự nhiên

Nguyễn Thị Kiều Diễm

TÊN BÀI DẠY:

BÀI TẬP TỔNG HỢP ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 5

Tin học Lớp 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

VI. MỤC TIÊU

10.Kiến thức:

- Thực hiện được một số bài tập về thuật toán tuần tự, thuật toán tìm kiếm nhị phân, thuật toán sắp xếp cơ bản.
- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán trên với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.

*** Đối với HSKT: thực hiện được một số bài tập về thuật toán tuần tự, thuật toán tìm kiếm nhị phân, thuật toán sắp xếp đơn giản.**

11.Năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động và tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hiểu được mục đích giao tiếp và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nhóm.

2.2. Năng lực Tin học

- Bước đầu hình thành quan niệm về giá trị của thông tin trong việc tổ chức dữ liệu có trật tự (NLC)
- Hình thành tư duy mô hình hóa trong việc tổ chức và tìm kiếm dữ liệu với sự trợ giúp của máy tính. (NLe)

12.Phẩm chất:

- Chăm chỉ: cố gắng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ học tập, có ý thức vận dụng kiến thức đã học để giải quyết nhiệm vụ học tập.
- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, phẩm chất vượt qua những khó khăn trong học tập và lao động.

VII. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

2. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy, các đồ dùng dạy học cần thiết. Phiếu học tập.
- Giấy A4 (hoặc giấy bìa màu), bút dạ để ghi các con số giúp HS ngồi dưới lớp nhìn được một cách rõ ràng.
- Học sinh có thể được tổ chức học trong phòng máy tính, hoặc bố trí mỗi nhóm học sinh có một máy tính (hoặc điện thoại thông minh, hoặc máy tính bảng),...

2. Học sinh

- Sách, vở, đồ dùng học tập.
- Học sinh được cung cấp địa chỉ truy cập ứng dụng mô phỏng thuật toán.

VIII. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Khởi động

a. Mục tiêu: Củng cố nội dung của các thuật toán đã học thông qua trò chơi.

b. Nội dung: Câu hỏi trong trò chơi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

- **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu câu hỏi, HS trả lời cá nhân.

Câu 1. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 8 trong danh sách [1, 4, 8, 7, 10, 28]?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 2. Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần bao nhiêu bước để tìm thấy số 11 trong danh sách [2, 3, 7, 11, 28, 30]?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 3. Thuật toán tìm kiếm nhị phân cần bao nhiêu bước để tìm thấy “Mai” trong danh sách [Hoa", "Lan", "Ly", "Mai", "Phong", "Vi"]?

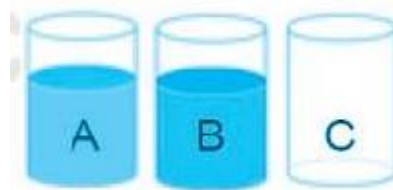
- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 4. Thực hiện thuật toán tìm kiếm nhị phân để tìm số 3 trong danh sách [1, 4, 6, 7, 9, 12]. Đầu ra của thuật toán là?

- A. Thông báo “Không tìm thấy”.
B. Thông báo “Tìm thấy”.
C. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 4 của danh sách.
D. Thông báo “Tìm thấy”, giá trị cần tìm tại vị trí thứ 5 của danh sách.

Câu 5. Em hãy sắp xếp các bước sau đây theo đúng thứ tự để hoàn thành công việc hoán đổi chất lỏng đựng trong hai cốc A và B (sử dụng cốc C không đựng gì là cốc trung gian).

- a) Đổ chất lỏng từ cốc B sang cốc A.
- b) Đổ chất lỏng từ cốc C sang cốc B.
- c) Đổ chất lỏng trong cốc A sang cốc C.



- A. $a \rightarrow c \rightarrow b$
- B. $b \rightarrow c \rightarrow a$
- C. $c \rightarrow a \rightarrow b$
- D. $c \rightarrow b \rightarrow a$

Câu 6. Em hãy dùng thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp dãy số dưới đây theo thứ tự tăng dần, mỗi vòng lặp duyệt từ phần tử cuối về đầu: 83, 5, 8, 12, 65, 72, 71. Có bao nhiêu vòng lặp thì dãy số mới được sắp xếp đúng theo yêu cầu?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời cá nhân
- **Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS trả lời trước lớp, HS nhận xét, bổ sung.
- **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và hướng dẫn nội dung tiếp theo.

2. Hoạt động 2. Luyện tập

- a. Mục tiêu. Liệt kê được các bước của thuật toán nổi bọt.
- b. Nội dung: giải quyết bài toán
- c. Sản phẩm: kết quả của hai bài toán
- d. Tổ chức thực hiện

- **Thực hiện nhiệm vụ.** HS làm việc theo nhóm.
+ Hoàn chỉnh phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP 1 Nhóm:.....
Hãy điền vào các ô còn trống để thể hiện quá trình sắp xếp một dãy số theo thứ tự tăng dần bằng thuật toán nổi bọt.

5	4	8	7	6	Đầu vào
---	---	---	---	---	---------

Vòng lặp thứ nhất	Vòng lặp thứ hai	Vòng lặp thứ ba
		Vòng lặp thứ tư

Đầu ra	4	5	6	7	8
--------	---	---	---	---	---

* Đối với HSKT: thực hiện sắp xếp một dãy số theo thứ tự tăng dần bằng thuật toán nổi bọt

Đầu vào:

5	4	6
---	---	---

- **Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày bản mô tả của mình
- **Kết luận, nhận định:** Thuật toán sắp xếp nổi bọt có thể thực hiện theo cách duyệt từ đầu dãy (sắp xếp chìm dần – sinking sort) hoặc duyệt từ cuối dãy theo cách đặt tên thuật toán (nổi bọt – bubble sort).
 - Đánh giá: Với 10 dãy số cần điền (phiếu học tập 1), mỗi dãy cho 1 điểm.
- **Chuyển giao nhiệm vụ.** Giáo viên cho HS đọc và tìm hiểu nội dung hai câu hỏi thảo luận nhóm và trả lời.
- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.
- **Báo cáo, thảo luận:** Hs làm bài cá nhân vào vở
- **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý.

4. Hoạt động 8: Vận dụng

- a. Mục tiêu. Vận dụng nội dung bài học để giải quyết bài tập.
- b. Nội dung: giải quyết bài tập
- c. Sản phẩm: Kết quả sau khi sắp xếp
- d. Tổ chức thực hiện
 - **Chuyển giao nhiệm vụ.** Giáo viên cho HS đọc và tìm hiểu nội dung phiếu học tập 2 thảo luận nhóm và trả lời.

PHIẾU HỌC TẬP 2

Nhóm:.....														
Hãy điền vào các ô còn trống để thể hiện quá trình sắp xếp một dãy số theo thứ tự tăng dần bằng thuật toán chọn.														
41	15	17	32	18	Đầu vào									
Vòng lặp thứ nhất <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px;"></table> Vòng lặp thứ hai <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px;"></table> Vòng lặp thứ ba <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> <table border="1" style="width: 100%; height: 20px; margin-bottom: 5px;"></table> Vòng lặp thứ tư <table border="1" style="width: 100%; height: 20px;"></table>														
Đầu ra										15	17	18	32	41

- **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs lắng nghe và trả lời cá nhân theo yêu cầu vào vở.
- **Báo cáo, thảo luận:** Hs làm bài cá nhân vào vở
- **Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét bài học sinh, chỉ ra một số lưu ý.

